



BÁO CÁO RIM 2013

Đánh giá tác động của suy giảm tăng trưởng kinh tế đến việc làm và vai trò của hệ thống an sinh xã hội



Báo cáo tóm tắt này trình bày các phát hiện về mức độ đáp ứng của hệ thống chính sách ASXH trong bối cảnh đình trệ kinh tế kéo dài. Báo cáo sử dụng các bằng chứng từ vòng nghiên cứu thứ 4 của khảo sát Đánh giá nhanh (Rapid Impact Monitoring – RIM) được triển khai vào cuối năm 2013. Các phân tích chỉ ra nguyên nhân vì sao các chính sách đối phó với các tác động còn yếu và chỉ ra những khoảng trống trong thực thi chính sách. Từ đó, đưa ra một số khuyến nghị chính cho Chính phủ cho các hành động trước mắt và định hướng trung hạn và dài hạn:

- i. Tăng cường hệ thống chính sách và cơ chế hỗ trợ người lao động duy trì việc làm và hỗ trợ những lao động mất việc tìm việc làm mới.
 - a. Trước mắt, hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ vượt qua giai đoạn khó khăn và tăng cường hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm.
 - b. Trong tương lai, tiếp tục củng cố hệ thống thông tin thị trường lao động và phát triển các trung tâm dịch vụ việc làm và thúc đẩy nghiên cứu, xây dựng và triển khai các chương trình việc làm công để hỗ trợ người thất nghiệp.
- ii. Đảm bảo an ninh thu nhập cơ bản trong thời gian thất nghiệp và chống đỡ những tác động do thiệt hại về sinh kế.
 - a. Trước mắt, xác định các nhóm nghèo tạm thời mới xuất hiện được hưởng những chính sách như các hộ nghèo theo chuẩn nghèo
 - b. Trong trung hạn, hoàn thiện quy trình rà soát hộ nghèo và tang tần suất rà soát đối tượng
- iii. Đảm bảo quyền hợp pháp của người lao động theo luật
 - a. Trước mắt, tăng cường năng lực quản lý nhà nước để giám sát các doanh nghiệp tuân thủ các văn bản quy phạm pháp luật về lao động.
 - b. Trong dài hạn, khuyến khích doanh nghiệp thực thi chính sách về lao động và bảo hiểm xã hội.
- iv. Khuyến khích và thúc đẩy tuyên truyền các chính sách về lao động, an sinh xã hội, nhất là ở những vùng sâu vùng xa.
- v. Hoàn thiện các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế cơ bản để thu hút nông dân, lao động khu vực phi chính thức và lao động thời vụ.
 - a. Đảm bảo mọi lao động trong doanh nghiệp được quyền tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp.
 - b. Đa dạng các chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện thay vì chỉ có 2 chế độ như hiện nay.
- vi. Hóa giải một số áp lực mà lao động di cư gặp phải thông qua các chính sách linh hoạt hơn.
 - a. Xây dựng tiêu chí cụ thể về thời gian cư trú ở nơi đến để người di cư được hưởng các chính sách tương tự như người bản địa.
 - b. Đảm bảo tiếp cận hệ thống giáo dục và y tế công của trẻ em trong các hộ gia đình di cư.
- vii. Thể chế hóa nghiên cứu RIM



Giới thiệu

Giai đoạn 2010-2013, nền kinh tế Việt Nam có nhiều biến động và gặp nhiều khó khăn. Tăng trưởng kinh tế suy giảm so với giai đoạn trước 2009, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng việc làm và đời sống của một bộ phận không nhỏ người lao động và các hộ gia đình.

Báo cáo Đánh giá nhanh RIM 2013 với chủ đề “Đánh giá tác động của suy giảm kinh tế đến việc làm và vai trò của hệ thống an sinh xã hội” tập trung phân tích các tác động của tình trạng suy giảm tăng trưởng kinh tế kéo dài đến việc làm và thu nhập của người lao động trong 3 ngành chịu ảnh hưởng mạnh nhất là xây dựng, bán lẻ và nông nghiệp, các chiến lược ứng phó mà người lao động và hộ gia đình áp dụng trước các cú sốc và xem xét vai trò của hệ thống an sinh xã hội trong hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương mới xuất hiện.

Báo cáo do nhóm nghiên cứu của Viện Khoa học Lao động và Xã hội (ILSSA), Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội thực hiện dưới sự chỉ đạo của TS. Nguyễn Thị Lan Hương và các thành viên: Lưu Quang Tuấn, Lê Ngự Bình, Phạm Thị Bảo Hà, Chử Thị Lâm, Vũ Thị Hải Hà và Hà Thị Thu Hương.

Nhóm nghiên cứu trân trọng cảm ơn những tư vấn và đóng góp ý kiến của các chuyên gia trong suốt quá trình chúng tôi thực hiện nghiên cứu này, gồm: Nguyễn Thắng và Nguyễn Thị Thu Phương (CAF), Nguyễn Tiên Phong, Võ Hoàng Nga, Richard Marshall và Michaela Prokop (UNDP), Christina Popapinoва (UNICEF), Martin Greeley (Institute of Development Studies-Vương quốc Anh), Nikos Nikolidakis (GIZ) và những hỗ trợ kỹ thuật từ dự án Hỗ trợ Giảm nghèo (PRPP) - Bộ LĐTBXH.

Báo cáo phản ánh quan điểm của nhóm nghiên cứu dựa trên các bằng chứng thu thập từ khảo sát thực địa. Chúng tôi hy vọng rằng kết quả nghiên cứu là một nguồn thông tin hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách sử dụng và tham khảo trong thực thi công tác quản lý Nhà nước và bổ sung, hoàn thiện các chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam.

Mọi ý kiến góp ý và thông tin liên hệ xin gửi về:

Viện Khoa học Lao động và Xã hội

Đc: Số 2 Đinh Lễ, Hà Nội.

ĐT: 04.382422074;

Fax: 04.38269733.

Email: vkhd@ilssa.org.vn

Các từ viết tắt

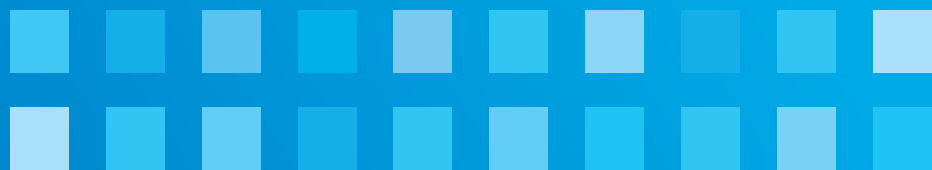


ASXH	An sinh xã hội
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
DN	Doanh nghiệp
DVXH	Dịch vụ xã hội
LĐ	Lao động
LĐTBXH	Lao động Thương binh và Xã hội
PVS	Phỏng vấn sâu
RIM	Rapid Impact Monitoring
TLN	Thảo luận nhóm
TP	Thành phố
TT DVVL	Trung tâm Dịch vụ việc làm
VLXD	Vật liệu xây dựng



Mục lục

TÓM TẮT	3
GIỚI THIỆU	4
Các từ viết tắt	5
I. BỐI CẢNH	7
1. Giới thiệu.....	8
2. Tổng quan kinh tế vĩ mô.....	8
3. Thị trường lao động.....	10
4. Nghèo.....	12
II. THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU	13
1. Lý do chọn phương pháp đánh giá nhanh (RIM)	14
2. Thiết kế RIM 2013	14
2.1. Mục tiêu.....	14
2.2. Khung phân tích.....	15
2.3. Phương pháp và kết quả rà soát địa bàn.....	15
2.4. Áp dụng vào nghiên cứu.....	18
III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	19
1. Các ngành chịu ảnh hưởng	20
1.1. Ngành xây dựng và các ngành liên quan.....	20
a. Tác động.....	20
b. Lao động ngành xây dựng và các nhóm dễ tổn thương	26
1.2. Ngành bán lẻ.....	30
a. Tác động.....	30
b. Lao động trong ngành bán lẻ và các nhóm dễ tổn thương	32
1.3. Nông nghiệp.....	35
a. Tác động.....	35
b. Các nhóm dễ tổn thương	38
2. Các vấn đề chung (liên ngành)	42
2.1. Luồng dịch chuyển lao động	42
a. Khu vực chính thức và phi chính thức.....	42
b. Nông nghiệp, nông thôn và thành thị.....	43
c. Giữa các vùng miền.....	45
2.2. Tác động đến đời sống của hộ gia đình.....	46
2.3. Vai trò của hệ thống an sinh xã hội.....	49
IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	57
1. Kết luận	58
2. Khuyến nghị	59
PHỤ LỤC 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG	61
PHỤ LỤC 2. CÚ SỐC VÀ TÁC ĐỘNG THEO NHÓM ĐỐI TƯỢNG	63
TÀI LIỆU THAM KHẢO	73



I. BỐI CẢNH



1. Giới thiệu

Cơ chế của Đánh giá nhanh (RIM) đưa ra tiếp cận định tính sáng tạo, theo dấu hộ gia đình và cá nhân đối phó với các thay đổi kinh tế. Mục tiêu là bổ sung cho nghiên cứu định lượng thông qua các phát hiện tam giác và trả lời các câu hỏi nhân quả (tại sao và cho ai).

Đã được triển khai ở Việt Nam từ 2009, đến nay đã thực hiện đến vòng thứ 5. Nghiên cứu và phân tích dựa trên các phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tiến hành tại các địa phương phản ánh sự vận động ở cấp quốc gia. Nghiên cứu năm nay tập trung vào 3 ngành (nông nghiệp, bán lẻ và xây dựng), được đánh giá là những ngành chịu ảnh hưởng nhất về việc làm và qua đó xem xét ứng phó đối với cú sốc về thu nhập. Tổng số 1600 đối tượng tham gia khảo sát trong vòng điều tra này. RIM cung cấp nguồn tư liệu giá trị cho các nhà hoạch định chính sách để xây dựng định hướng trung hạn và quản lý hoạt động cung cấp các dịch vụ công chủ chốt. Các phát hiện và khuyến nghị nhằm hỗ trợ và đảm bảo quá trình thiết kế và thực thi chính sách tốt hơn, phù hợp hơn.

Phần một của báo cáo trình bày tóm tắt bối cảnh của nền kinh tế và những bằng chứng gần đây về kết quả vận hành của thị trường lao động. Phần thứ 2 trình bày thiết kế của nghiên cứu. Phần thứ ba thảo luận chi tiết các phát hiện và phần thứ tư đưa ra các kết luận và khuyến nghị. Phụ lục 1 và 2 tương ứng trình bày các bảng số liệu về GDP và việc làm và tóm tắt các tác động của các cú sốc lên những nhóm khác nhau tại các địa phương khác nhau.

2. Tổng quan kinh tế vĩ mô

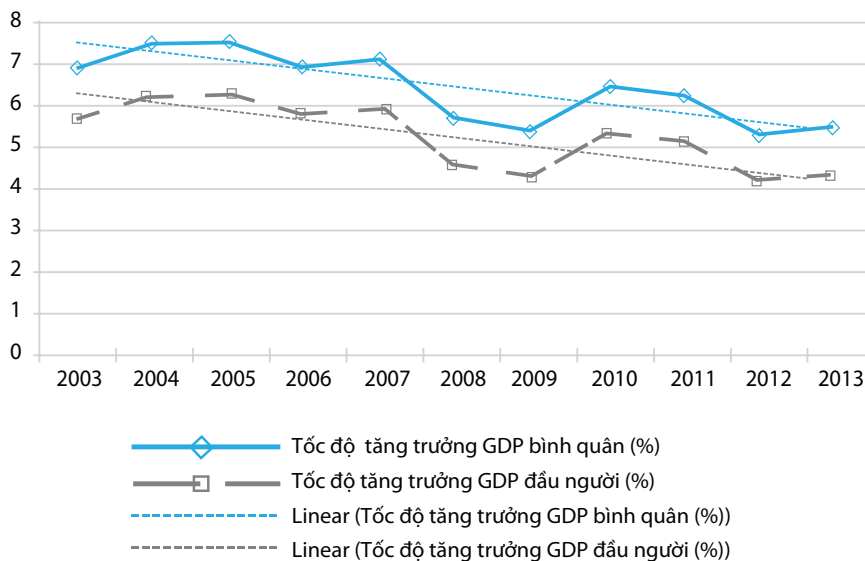
Việt Nam đã đạt được những thành tựu lớn về tăng trưởng và giảm nghèo trong hai thập kỷ qua. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế đã suy giảm trong vài năm gần đây (xem Hình 1). Tốc độ tăng GDP bình quân giai đoạn 2009- 2013 chỉ đạt hơn 5%/năm, so với mức tăng trưởng 7%/năm thời kỳ trước năm 2009. Năm 2013, nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi, thể hiện ở tốc độ tăng trưởng kinh tế 5,42%, cao hơn mức 5,03% năm 2012, nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng thời kỳ trước năm 2009. Ngành nông nghiệp, nơi được coi là bệ đỡ then chốt trong giai đoạn suy giảm tăng trưởng và bất ổn kinh tế vĩ mô, chỉ tăng 2,67% (tương đương với mức tăng năm 2012); tăng trưởng ngành công nghiệp và xây dựng cũng rất thấp, chỉ đạt 5,43% (thấp hơn mức tăng 5,75% năm 2012); ngành dịch vụ tăng 6,56% (cao hơn mức tăng 5,9% năm 2012).

Khủng hoảng tài chính thế giới và bất ổn kinh tế vĩ mô trong nước đã đẩy chỉ số giá tiêu dùng (CPI)¹ từ 6,9% năm 2009 tăng lên 9,2% năm 2010 và đạt điểm đỉnh 18,1% năm 2011. Thực hiện các giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô và ưu tiên kiểm chế lạm phát, CPI năm 2012 giảm còn 6,8% và năm 2013 là 6,04%. Đáng chú ý là tổng cầu kinh tế yếu và phục hồi chậm cũng là một trong những yếu tố góp phần làm CPI tăng thấp trong năm 2013.

¹ Tháng 12 năm báo cáo so với tháng 12 năm trước



Hình 1: Tình hình kinh tế trong giai đoạn vừa qua



Nguồn: World Bank WDI Series và ước lượng cho 2013

Ba năm vừa qua, số doanh nghiệp đăng ký mới hàng năm giảm trong khi số doanh nghiệp giải thể hoặc ngừng hoạt động tăng lên. Năm 2011, có 77.548 doanh nghiệp đăng ký mới (theo Luật Doanh nghiệp), giảm 13% so với năm 2010². Năm 2012, có 69.874 doanh nghiệp đăng ký mới, giảm 9,9% so với năm 2011. Một số lĩnh vực kinh doanh có số lượng doanh nghiệp đăng ký giảm mạnh là: kinh doanh bất động sản, khai khoáng, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và xây dựng³. Năm 2013, có 76.955 doanh nghiệp đăng ký mới, tăng 10,1% so với năm 2012 nhưng vẫn thấp hơn so với những năm trước đó. Ngược lại, số doanh nghiệp ngưng hoạt động, phá sản, giải thể trong những năm này ngày càng nhiều. Năm 2011, có 7.611 doanh nghiệp giải thể; năm 2013 có 60.737 doanh nghiệp giải thể, tăng 11,9% so với năm 2012⁴. Thực tế này hiển nhiên làm tăng tình trạng thất nghiệp [tạm thời] và các dòng dịch chuyển lao động tìm việc.

Điểm sáng của nền kinh tế trong ba năm qua là kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa duy trì được tốc độ tăng trưởng cao. Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2013 đạt 132,2 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2012. (năm 2011 tăng 34,2%; năm 2012 tăng 18,2%), kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2013 đạt 131,3 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước (năm 2011 tăng 25,8%; năm 2012 tăng 6,6%). Việt Nam lần đầu tiên đạt thặng dư thương mại ở mức 780 triệu USD vào năm 2012 và 863 triệu USD năm 2013. Trong khi kim ngạch xuất khẩu của tất cả các nhóm hàng khác đều tăng thì hàng nông lâm sản, kim ngạch xuất khẩu lại giảm 1,9% chỉ đạt 16,5 tỷ USD so với 16,8 tỷ USD năm 2012.

² VCCI (2012), Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam 2011

³ VCCI (2013) "Báo cáo thường niên Doanh nghiệp Việt Nam 2012 với chủ đề Tiếng nói cộng đồng doanh nghiệp trên chặng đường đổi mới".

⁴ <http://laodong.com.vn/doanh-nghiep/gan-61-nghin-doanh-nghiep-phai-chet-trong-nam-2013-169351.blđ>



Tóm lại, tuy một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô đã được cải thiện như tốc độ tăng GDP có dấu hiệu phục hồi, CPI được kiểm soát, kim ngạch xuất khẩu tăng và có thặng dư thương mại... nhưng nền kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều thách thức, khó khăn. CPI giảm dường như bắt nguồn từ tổng cầu suy giảm hơn là từ kết quả hoạt động hiệu quả của nền kinh tế; số doanh nghiệp mới được thành lập trong năm còn thấp hơn so với trước năm 2009 và đặc biệt là số doanh nghiệp bị phá sản, giải thể, đóng cửa ngừng hoạt động tiếp tục tăng; công nghiệp xây dựng tăng trưởng thấp; xuất khẩu nông sản khó khăn, hiệu quả thấp; khả năng phòng tránh, giảm nhẹ tác hại của thiên tai đối với sản xuất và đời sống, nhất là sản xuất nông nghiệp còn nhiều hạn chế⁵.

3. Thị trường lao động

3.1. Việc làm, dịch chuyển việc làm và tiền lương

Số liệu thống kê cho thấy trong điều kiện tăng trưởng kinh tế chậm lại nhưng số lao động có việc làm vẫn tăng hàng năm (tuy tốc độ tăng giảm dần), đặc biệt là từ quý 2 năm 2013 thị trường lao động có dấu hiệu phục hồi rõ rệt, số lao động có việc làm tăng gần 2% so với cuối năm 2011 và tăng gần 1,4% so với quý 2 năm 2012.

Cơ cấu việc làm tiếp tục chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng lao động trong nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động trong công nghiệp và dịch vụ. Tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm từ 51,5% năm 2009 xuống còn 46,9% năm 2013; công nghiệp-xây dựng tăng từ 20,0% lên 21,1%; dịch vụ tăng từ 28,4% lên 32%. Tuy vậy, tỷ trọng lao động phi chính thức có xu hướng tăng. Năm 2013, trong tổng số lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc, 34,2% là lao động phi chính thức, ở thành thị là 47,4%, ở nông thôn là 28,6% (Năm 2012, các con số tương ứng là: 33,7%; 46,8% và 28%).

Trong điều kiện tăng trưởng kinh tế suy giảm, lao động dịch chuyển giữa các ngành nhiều hơn. Số liệu điều tra lao động-việc làm 6 tháng năm 2012 và 6 tháng năm 2013 (số điều tra lặp lại) cho thấy 3 ngành nông nghiệp, xây dựng và bán lẻ có sự dịch chuyển lao động mạnh nhất. Trong tổng số lao động dịch chuyển, lao động nông nghiệp chiếm 25,8%. Nông nghiệp cũng là ngành nhận lao động từ các ngành khác chuyển sang nhiều nhất, số lao động chuyển đến nhiều hơn số lao động rời khỏi ngành là 182 nghìn người. Ngược lại, xây dựng là ngành có số lao động chuyển đi lớn hơn số lao động chuyển đến khoảng 68,4 nghìn người. Ngành bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lều lưu động hoặc tại chợ và bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh cũng có tỷ lệ lao động dịch chuyển cao.

Năm 2013 mức tiền lương giờ bình quân của lao động thay đổi việc làm tăng trên 10% so với năm 2012 trong đó có ngành giảm mạnh, có ngành tăng không đáng kể và có ngành tăng tương đối cao. Mức tiền lương giờ bình quân của lao động ngành trồng lúa, rau, đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh và ngành xây dựng [nhà các loại] giảm mạnh còn tiền lương của lao động ngành chăn nuôi trâu, bò và ngành bán lẻ thực phẩm trong cửa hàng chuyên doanh tăng không đáng kể.

⁵ Theo Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội năm 2013, kết quả 3 năm thực hiện kế hoạch 5 năm (2011-2015) và nhiệm vụ 2014-2015.



Bảng 1. Lương giờ bình quân của người lao động thay đổi việc làm

Ngành cấp 4	Chuyển khỏi ngành năm 2012 (1000 đồng)	Chuyển vào ngành năm 2013 (1000 đồng)	Chuyển vào ngành năm 2013 (1000 đồng)
Trồng lúa	12.54	11.49	- 8.37
Trồng cây lấy củ có chất bột	9.48	11.10	17.09
Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	10.61	12.07	13.76
Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	12.26	9.78	- 20.23
Chăn nuôi lợn	12.72	16.29	28.06
Chăn nuôi trâu, bò	8.57	9.08	5.95
Xây dựng nhà các loại	18.79	17.51	- 6.81
Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	14.34	18.24	27.20
Bán lẻ thực phẩm trong các c/hàng chuyên doanh	15.05	16.10	6.98
Chung	14.87	16.36	10.02

Nguồn: Số liệu Điều tra Lao động- Việc làm 6 tháng 2012 và 6 tháng 2013.

3.2. Thất nghiệp và bảo hiểm thất nghiệp

Tăng trưởng kinh tế suy giảm, số doanh nghiệp bị phá sản, giải thể hàng năm tương đối lớn nhưng tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của toàn nền kinh tế vẫn được duy trì ở mức thấp hơn so với thời kỳ trước năm 2009. Năm 2013, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,2%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 3,58%, nông thôn là 1,58%, đều thấp hơn so với năm 2009 (tuy có cao hơn so với năm 2012). Thất nghiệp tiếp tục tập trung chủ yếu ở nhóm tuổi thanh niên, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên trong độ tuổi 15-24 là 6,36%, trong đó khu vực thành thị là 11,11%, khu vực nông thôn là 4,87%, đều cao hơn so với năm 2012. Như vậy, tỷ lệ thất nghiệp ở Việt Nam tương đối thấp nhưng dấu hiệu về áp lực việc làm đối với người lao động bắt đầu gia tăng.

Trong số những người đang thất nghiệp tại thời điểm tháng 6 năm 2013, có 45% là không có việc làm ở thời điểm tháng 6 năm 2012; 55% còn lại, chủ yếu là đã từng làm việc trong các ngành nông nghiệp và hoạt động dịch vụ liên quan, ngành bán lẻ và ngành xây dựng nhà các loại. Nói cách khác, 3 ngành nông nghiệp, bán lẻ và xây dựng có số lao động mất việc làm nhiều nhất trong vòng một năm qua.



Bảng 2. Tình trạng việc làm năm 2012 của lao động thất nghiệp năm 2013

	Tình trạng việc làm năm 2012	Tỷ lệ (%)
I	Có việc làm năm 2012	54.90
	<i>trong đó:</i>	
1	Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan	11.76
2	Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	5.88
3	Xây dựng nhà các loại	3.92
4	Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3.43
5	Vận tải đường sắt, đường bộ và đường không	2.94
II	Thất nghiệp năm 2012	45.10

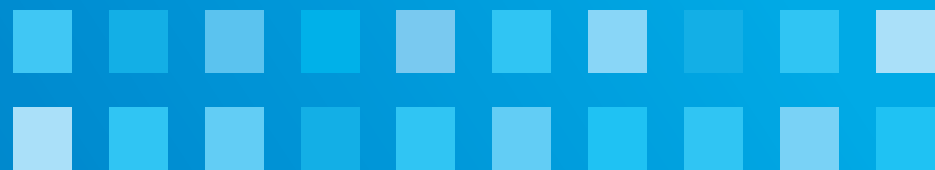
Nguồn: Số liệu điều tra lao động việc làm 6 tháng 2012 và 6 tháng 2013

Chính sách bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) là giá đỡ quan trọng cho người thất nghiệp, nhất là trong bối cảnh khủng hoảng và suy thoái kinh tế. Do chính sách BHTN hiện hành của Việt Nam chỉ giới hạn trong nhóm lao động có hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên làm việc trong doanh nghiệp có qui mô từ 10 lao động trở lên nên số lao động thuộc diện tham gia BHTN không nhiều. Năm 2013, có trên 8,5 triệu lao động tham gia BHTN, chiếm 18% lực lượng lao động trong tuổi. Tuy vậy, theo số liệu năm 2012 của Bộ LĐTBXH thì đã có 421 ngàn người thất nghiệp được hưởng chế độ BHTN, bằng 5% số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp trong năm phản ánh tỷ lệ bao phủ thấp đối với một nước như Việt Nam.

4. Nghèo

Số liệu thống kê về giảm nghèo xác nhận một số khía cạnh quan trọng về số liệu thị trường lao động. Các nguồn chính của bằng chứng về đói nghèo đến từ Khảo sát Mức sống Hộ gia đình Việt Nam và báo cáo Ngân hàng Thế giới 2010; sử dụng khảo sát này, ước tính tỷ lệ nghèo quốc gia là 20,7%. 91% của tổng số người nghèo sống ở khu vực nông thôn, nơi mà tỷ lệ hộ nghèo là 27% so với 6% ở khu vực đô thị. Mặc dù tỷ lệ ở đô thị thấp, báo cáo có lưu ý đến sự gia tăng của người lao động trong khu vực phi chính thức, nơi mà người lao động không có bảo hiểm xã hội hoặc lợi ích việc làm cho người lao động, và phải đối mặt với chi phí gia tăng cho các tiện ích cơ bản và nhiên liệu.

Báo cáo cũng nhấn mạnh đến sự cần thiết cho việc phải nghiên cứu nhiều hơn vì những mô hình đang thay đổi về đói nghèo và sự dễ bị tổn thương. Nó kéo sự chú ý đến sự khác biệt về mặt địa lý và đến sự gia tăng tuyệt đối trong sự bất bình đẳng. Báo cáo đặc biệt kêu gọi đến việc cần thêm nhiều nghiên cứu mà sẽ cung cấp thông tin về sự hiệu quả của các chính sách và chương trình giảm nghèo hiện tại khi các mô hình mới về đói nghèo và các tác động mới của cú sốc xuất hiện. Hệ thống an sinh xã hội là một phần quan trọng của trong chương trình giảm nghèo, và nó được dùng để nhấn mạnh tầm quan trọng của các loại nghiên cứu được báo cáo tại đây mà đang cố gắng cung cấp một số bằng chứng trực tiếp về hiệu quả của những chính sách này.



II. THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU



1. Lý do chọn phương pháp đánh giá nhanh (RIM)

Thực tế là các chỉ số thống kê không thể phản ánh toàn diện và trung thực bức tranh về thị trường lao động hay các tác động của tình trạng bất ổn và đình trệ kinh tế lên sinh kế của các hộ gia đình. Sự khác biệt về phân bố và độ trễ thời gian tạo nên sự chênh lệch giữa xu hướng đã được tổng hợp và hiện thực đời sống của đại bộ phận dân cư, đặc biệt là các nhóm dễ tổn thương. RIM cho phép đánh giá những vấn đề của người lao động (ở đây là trong các ngành xây dựng, nông nghiệp và bán lẻ), tìm hiểu cách thức đối phó của họ đối với tình trạng đình trệ và liệu những đáp ứng từ kênh chính thức có giúp họ giảm bớt những áp lực trước mắt. Như vậy, RIM đưa ra một thước đo về thị trường lao động và cho phép kiểm tra tiến trình nhân quả tại chỗ. Như vậy, thêm vào đó, việc đánh giá này hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách trong việc thiết kế khung giải pháp dài hạn hơn và quản lý hoạt động cung cấp hỗ trợ (đặc biệt thông qua an sinh xã hội).

Nối tiếp các vòng đánh giá đã được triển khai trước đây⁶, RIM 2013 cung cấp những lát cắt về điều kiện làm việc và chất lượng của các cơ hội sinh kế của người lao động. Nó cũng chỉ ra những nhóm dễ tổn thương mới trong các ngành kinh tế đó và các đối tượng tham gia được quay trở lại trong các vòng tiếp theo để thấy được sự vận động về việc làm.

2. Thiết kế RIM 2013

2.1. Mục tiêu

Mục tiêu chung của RIM là nhằm thu thập thông tin định tính một cách nhanh nhất để bổ trợ cho các thông tin định lượng và cung cấp các thông tin và phân tích đó tới các bên liên quan để phục vụ quá trình ra quyết định chính sách để giảm thiểu các tác động tiêu cực của suy giảm tăng trưởng và bất ổn vĩ mô tới các nhóm dễ bị tổn thương. RIM 2013 tập trung trả lời 3 câu hỏi vốn chưa được giải thích đầy đủ bởi số liệu thống kê:

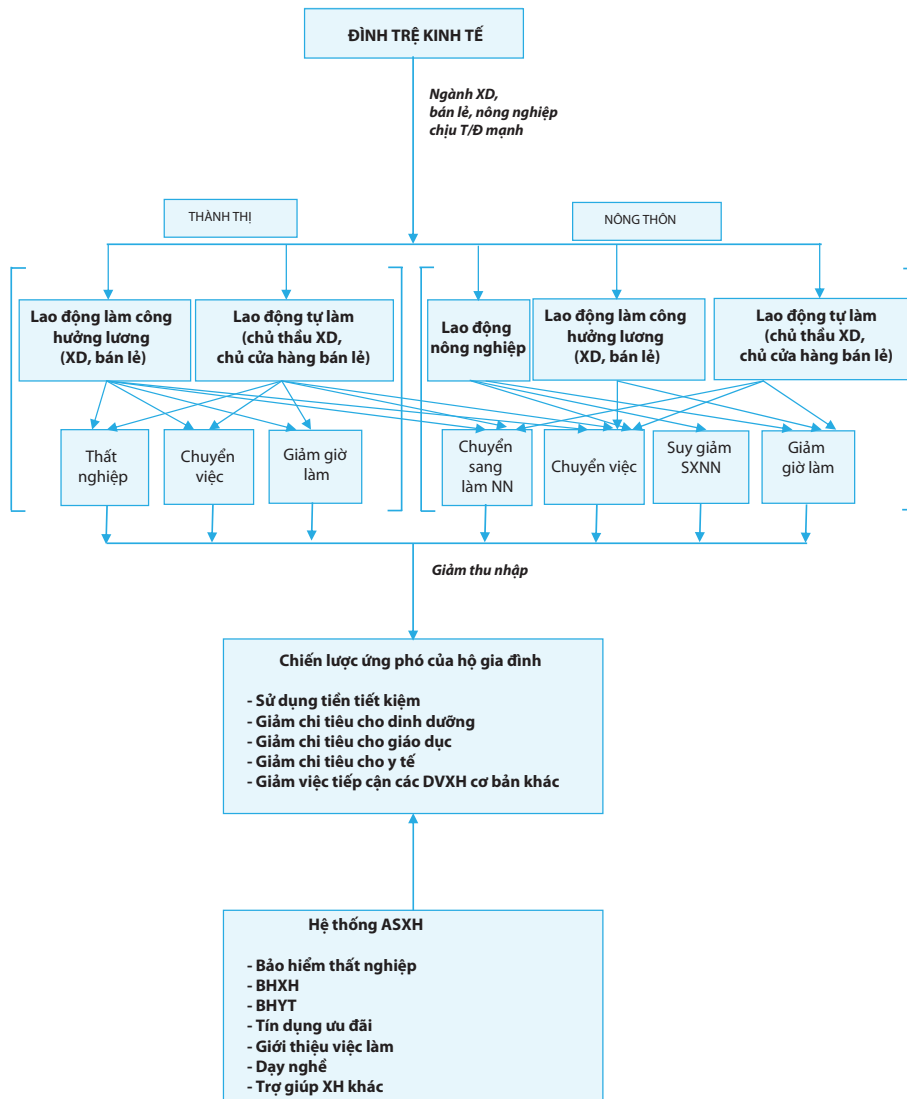
- (i) Những người nghèo và thu nhập thấp bị tác động như thế nào và theo cách nào?
- (ii) Các hộ gia đình ứng phó thế nào với các tác động? Liệu họ có bắt buộc phải cắt giảm các chi tiêu cơ bản cho các hàng hóa và dịch vụ thiết yếu bao gồm cả giáo dục và chăm sóc sức khỏe cho các thành viên trong hộ?
- (iii) Hệ thống chính sách ASXH hiện hành hỗ trợ như thế nào cho các nhóm này? Bằng cách nào các hộ gia đình thu nhập thấp tiếp cận được với hệ thống ASXH hiện hành? Và năng lực của hệ thống như thế nào (tính hữu ích và hiệu quả)

Khung phân tích chuẩn được xây dựng để xem xét và khái quát hóa các tác động được mô tả trong hình dưới đây, theo dõi các ảnh hưởng của sự đình trệ kinh tế thông qua các kênh khác nhau và phản ứng của mỗi hộ gia đình, chiến lược ứng phó và vai trò của các kênh hỗ trợ chính thức, có tách biệt khu vực nông thôn và thành thị.

⁶ CAF đã dùng phương pháp RIM thực hiện các cuộc khảo sát nhanh về tác động của khủng hoảng (các doanh nghiệp, làng nghề, các nhóm lao động và dân cư tại 7 tỉnh thành từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2009, phát triển chương trình Giám sát Tác động Khủng hoảng tại 12 tỉnh thành từ tháng 8-9 năm 2009; đánh giá tác động hậu khủng hoảng tại 8 tỉnh năm 2010 và triển khai nghị quyết 11- hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động năm 2011).



2.2. Khung phân tích



2.3. Phương pháp và kết quả rà soát địa bàn

Tiếp cận RIM dựa trên 3 bước như sau:

a. *Xác định ngành chịu ảnh hưởng mạnh*: Kết quả phân tích định lượng cho thấy ba ngành chịu ảnh hưởng nhiều nhất là: nông nghiệp, xây dựng và bán lẻ. Các số liệu được sử dụng để phân tích chủ yếu là số liệu điều tra Lao động việc làm năm 2012, 2013, có tham khảo thêm số liệu điều tra Mức sống hộ gia đình 2012.

b. *Xác định cộng đồng chịu ảnh hưởng mạnh*

Mặc dù các nhóm dân cư bị tác động dàn trải ở nhiều nơi trên toàn quốc, nhưng để đảm bảo thực hiện khảo sát một cách hiệu quả nhất về kinh phí và tiến độ thời gian, các địa bàn khảo sát đã được chọn mẫu có mục tiêu (purposive selection). Địa bàn được lựa chọn thông qua đánh giá ở cấp tỉnh, huyện và xã. Các bước rà



sát xác định được những cộng đồng xã/phường có số lượng lớn người nghèo và người có thu nhập thấp chịu tác động bởi cú sốc diện rộng, dẫn tới phúc lợi của họ bị suy giảm mạnh ở nhiều khía cạnh (giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe ...).

Bảng 4: Địa bàn RIM 2013

Đặc điểm lựa chọn	Tỉnh/Thành phố (Quận/huyện)
I. Khu vực nông thôn:	
1. Vùng nông thôn có nhiều lao động di cư đi làm việc bên ngoài; diện tích đất manh mún; nông dân bỏ ruộng	Nam Định (Xuân Trường, Ý Yên) Thanh Hóa (Quảng Xương, Thiệu Hóa)
2. Vùng nông thôn sản xuất nông nghiệp hàng hóa tiêu thụ nội địa và xuất khẩu	Nam Định (Xuân Trường, Ý Yên) Long An (Vĩnh Hưng)
3. Vùng nông thôn liên kết đô thị	Hà Tây cũ (Thanh Oai) Long An (Bến Lức, Đức Hòa)
II. Khu vực thành thị	
Vùng có nhiều khu công nghiệp, vùng đang xây dựng, tập trung đông lao động ngoại tỉnh	Hà Nội (Hoàng Mai) TP HCM (Thủ Đức, Bình Tân và quận 7)

c. Xác định và phỏng vấn hộ gia đình và/hoặc cá nhân chịu tác động mạnh

Dựa trên đặc điểm của từng xã/phường, tìm ra những vấn đề nổi cộm nhất, những ngành chịu ảnh hưởng rõ rệt bởi suy giảm kinh tế để chọn lựa đối tượng phỏng vấn là ưu tiên hàng đầu trong quá trình đi chuẩn bị địa bàn và làm việc với các cán bộ chính quyền các cấp.

Đa số các địa bàn nông thôn đều thực hiện thảo luận nhóm (TLN) hoặc phỏng vấn sâu (PVS) với các đối tượng làm nông nghiệp, làm nghề xây dựng, hộ gia đình có người đi làm ăn xa, hộ buôn bán nhỏ, hộ nghèo, cận nghèo, v.v. Ngoài ra, cũng tiến hành phỏng vấn sâu với các đối tượng là chủ doanh nghiệp nơi người lao động đang làm việc, các tổ trưởng đội/nhóm xây dựng và những người bán lẻ đầu vào nông nghiệp, vật liệu xây dựng để tìm hiểu mối tương quan, hỗ trợ xã hội giữa các nhóm lao động trong xã hội.

Tổng số đối tượng đã tham gia PVS, TLN là 1698 người, trong đó tham gia TLN là 1356 người, tham gia PVS là 342 người với các nhóm đối tượng như sau:



Bảng 5: Đối tượng khảo sát

Nhóm đối tượng	Đối tượng	Phương pháp
I. Khu vực nông thôn		
Lãnh đạo địa phương	(1) Lãnh đạo xã, thôn, các tổ chức đoàn thể	TLN/ PVS
Hộ gia đình đã/đang có người lao động đi làm xa (xây dựng, bán lẻ, v.v)	(2) Hộ có lao động hiện đang đi làm xây dựng/bán lẻ ở tỉnh ngoài	TLN
	(3) Hộ có lao động hiện đang đi làm xây dựng/bán lẻ ở tỉnh ngoài trở về: đang thất nghiệp, đã làm việc khác	TLN
	(4) Hộ có lao động làm việc tại các khu CN, làng nghề tại địa phương	TLN/PVS
Người chủ/tự làm việc	(5) Người bán lẻ (thực phẩm (thịt, cá), hàng tiêu dùng, đầu vào nông nghiệp	PVS
	(6) Chủ thầu xây dựng tại địa phương	PVS
Hộ nông dân/nông dân bỏ ruộng	(7) Đang làm nông nghiệp (qui mô đất nhỏ)	TLN
	(8) Đang làm nông nghiệp (qui mô đất lớn)	TLN
	(9) Hộ NN bỏ ruộng/bỏ chuồng chăn nuôi từ 2012 đến nay	TLN/PVS
	(10) Hộ làm nông nghiệp phát triển tốt/trang trại	PVS
Đối tượng bảo trợ xã hội	(11) Hộ nghèo (mới rơi vào nghèo)/Hộ cận nghèo	PVS
Đối tượng đặc thù theo từng địa bàn	(12) Lao động xuất khẩu trở về; hộ buôn bán vùng biên giới, hộ thu gom nông sản xuất khẩu, chủ doanh nghiệp/cở sở sản xuất .v.v.	PVS
II. Khu vực thành thị		
Người lao động đi làm công ăn lương (xây dựng, bán lẻ...)	(1) Lao động làm trong doanh nghiệp xây dựng/nhóm thợ xây dựng người địa phương	TLN
	(2) Lao động làm trong doanh nghiệp bán lẻ/siêu thị người địa phương	TLN
	(3) Lao động làm trong doanh nghiệp xây dựng/nhóm thợ xây dựng là lao động ngoại tỉnh	TLN
	(4) Lao động làm trong doanh nghiệp bán lẻ/siêu thị là lao động ngoại tỉnh	



Nhóm đối tượng	Đối tượng	Phương pháp
Người chủ/tự làm việc	(5) Người bán lẻ (thực phẩm, hàng tiêu dùng, đầu vào xây dựng) người địa phương	PVS
	(6) Người bán lẻ (thực phẩm, hàng tiêu dùng,v.v.) người ngoại tỉnh	PVS
	(7) Chủ thầu xây dựng người địa phương	PVS
	(8) Chủ thầu xây dựng người ngoại tỉnh	PVS
Đối tượng hộ nghèo/bảo trợ xã hội	(9) Hộ nghèo/cận nghèo (mới rơi vào nghèo từ 2012)	PVS
Đối tượng đặc thù theo từng địa bàn	(10) doanh nghiệp/cơ sở sản xuất, chủ nhà trọ, bán nước, xe ôm .v.v.	PVS

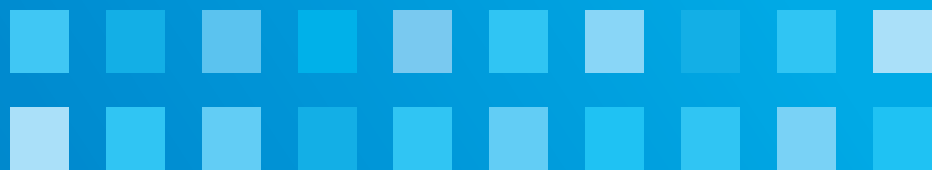
2.4. Áp dụng vào nghiên cứu

RIM là công cụ nghiên cứu mới được áp dụng ở Việt Nam từ năm 2009, nhưng đã thể hiện được những ưu điểm nhất định đặc biệt là trong việc kết hợp với các công cụ phân tích định lượng để có thể giải đáp các vấn đề mà phân tích định lượng không thể thực hiện được như xác định cơ chế tác động hay tìm kiếm và lý giải các vấn đề mới. RIM giúp phát hiện nhanh bản chất các vấn đề ẩn sau các con số thống kê mà không đòi hỏi chi phí tài chính quá lớn nên dễ thực hiện và hữu ích với công tác quản lý nhà nước trong giám sát, đánh giá và hoàn thiện chính sách kinh tế và xã hội đối với người dân.

RIM 2013 được triển khai nghiên cứu gấp rút (bắt đầu ký hợp đồng và triển khai từ tháng 10/2013) và đây cũng là năm đầu tiên ILSSA bắt tay vào tiến hành nghiên cứu RIM nên còn một số hạn chế như: xây dựng khung phân tích còn thiếu sót, tập trung nhiều vào khu vực phi chính thức vốn được cho là chịu tác động mạnh hơn. Bên cạnh đó, các nhóm đối tượng được quan tâm chủ yếu là lao động phi chính thức, lao động di cư và lao động thất nghiệp. Do vậy, nghiên cứu chưa thu thập được nhiều thông tin về các nhóm:

- Doanh nghiệp bán lẻ và người lao động trong doanh nghiệp bán lẻ
- Doanh nghiệp và người lao động trong các ngành phụ trợ / có liên quan đến xây dựng (sản xuất xi măng, thép, bán lẻ vật liệu ...)
- Doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh nông sản

Tiếp cận RIM là mới đối với ILSSA nên không thể tránh khỏi hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện từ xây dựng bộ công cụ, phát hiện địa bàn và triển khai khảo sát đánh giá thực địa. Thời điểm tiến hành là cuối năm nên cũng gặp khó khăn trong việc tiếp cận các doanh nghiệp. Tiếp cận người lao động cũng chỉ chủ yếu thực hiện vào các ngày cuối tuần hoặc sau giờ làm việc tại nơi cư trú và khó tiếp cận lao động tại nơi làm việc, đặc biệt là tại các doanh nghiệp. Những vấn đề này sẽ tiếp tục được giải quyết trong các vòng RIM tiếp theo.



III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU



1. Các ngành chịu ảnh hưởng

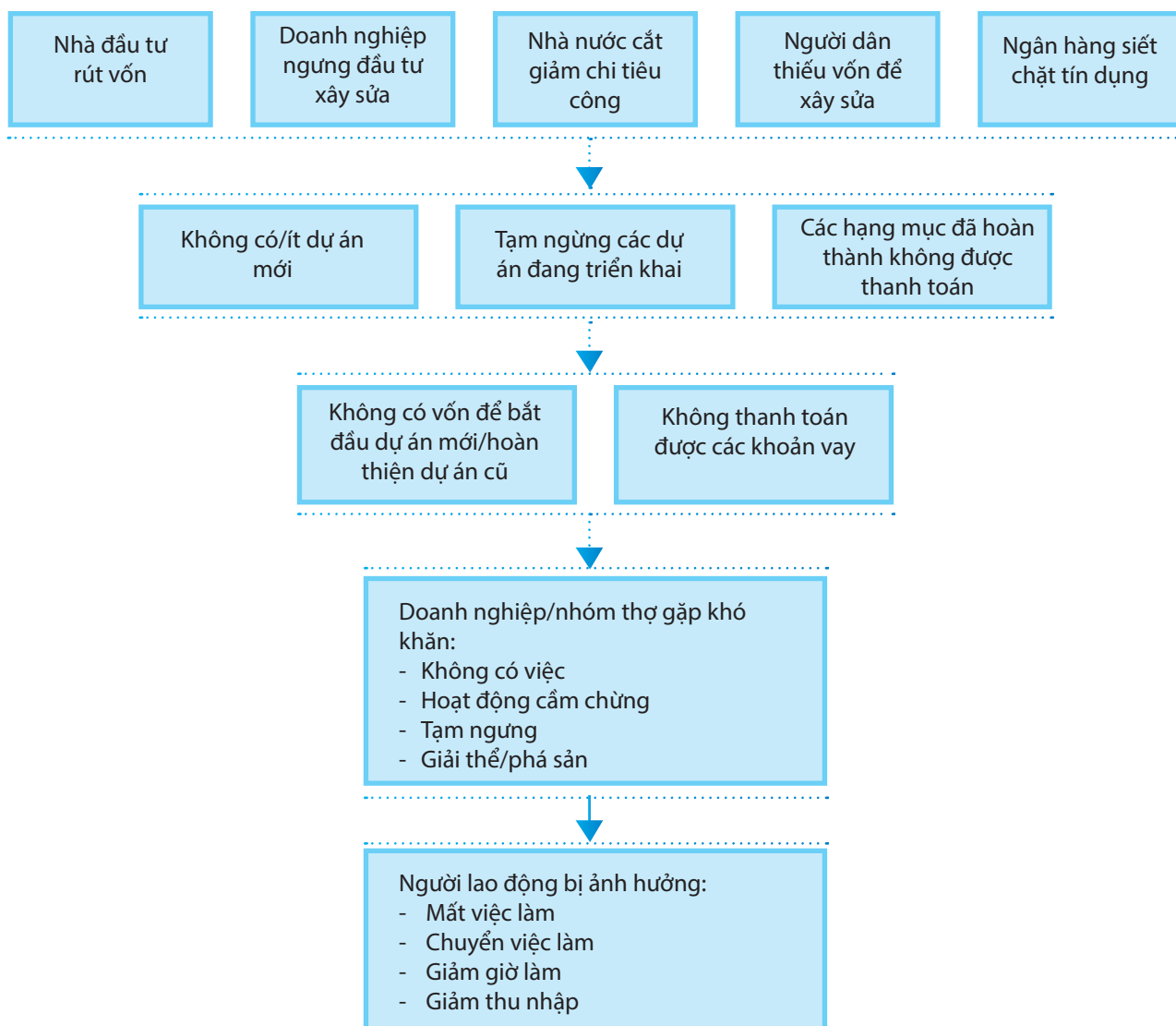
Trong mục này trình bày những phát hiện chính cho 3 ngành đã được xác định ở trên là những ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của đình trệ kinh tế. Như đã nói ở trên, đó là các ngành xây dựng, bán lẻ và nông nghiệp. Trong đó trình bày cơ chế của các cú sốc tác động đến các hộ gia đình. Các hình và bảng tóm tắt những bằng chứng và cơ chế cùng với các hộp đưa ra các ví dụ tiêu biểu cho các tác động. Các mô tả chi tiết về nguyên nhân và bản chất của tác động chỉ ra ảnh hưởng về kinh tế của tác động ở cấp độ hộ gia đình một cách chi tiết gắn với bối cảnh cụ thể hơn so với các số liệu thống kê tổng hợp có thể cung cấp.

1.1. Ngành xây dựng và các ngành liên quan

a. Tác động

Ngành xây dựng bị tác động mạnh và rõ rệt nhất bởi suy giảm tăng trưởng kinh tế, đây là chuỗi tác động kép xảy ra từ năm 2009. Cụ thể là, tác động trực tiếp của suy giảm tăng trưởng kinh tế; và tác động gián tiếp đến từ các ngành khác- chủ yếu là các ngành cung cấp vốn và nguyên liệu đầu vào cho ngành xây dựng - từ đó gián tiếp tác động đến ngành xây dựng. Cơ chế tác động được mô tả trong hình dưới đây:

Hình 2: Tác động đến ngành xây dựng





Cũng như các ngành kinh tế khác, xây dựng chịu chung những tác động của suy giảm kinh tế như: khó tiếp cận thị trường vốn; tăng chi phí vốn do ngân hàng siết chặt tín dụng; giá bất động sản lao dốc; không thu hút được nhà đầu tư, đầu tư trực tiếp của nước ngoài giảm; trên thị trường chứng khoán, các nhà đầu tư cũng thu hồi vốn và bán chứng khoán ra.

Do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế, Chính phủ, doanh nghiệp và các hộ gia đình đều thắt chặt chi tiêu, đặc biệt là về xây dựng, dẫn tới ngành xây dựng bị giảm đáng kể các đơn hàng. Chính phủ thực hiện cắt giảm đầu tư công nên số công trình mới giảm mạnh, nhiều công trình thi công dở dang nhưng không hiệu quả cũng phải tạm ngừng. Các doanh nghiệp ngừng đầu tư (không khởi công hoặc không tiếp tục các dự án đầu tư) hoặc ngừng mở rộng sản xuất (không xây mới, sửa chữa nhà xưởng...). Khu vực tư nhân và hộ gia đình thiếu vốn để xây nhà hoặc tiền liệu được khả năng thua lỗ do giá bất động sản giảm nên không đầu tư vào xây dựng dù giá nguyên vật liệu giảm mạnh⁷.

Đặc điểm của ngành xây dựng là nhà thầu được tạm ứng một phần giá trị xây lắp, giải ngân theo tiến độ công trình và chỉ được thanh toán toàn bộ sau khi công trình hoàn thành. Do vậy, các nhà thầu thường phải huy động các nguồn vốn khác nhau kể cả vốn vay để thực hiện công trình. Trong bối cảnh trì trệ kinh tế kéo dài, hợp đồng cũ bị chậm tiến độ hoặc không được thanh toán, ngân hàng siết chặt tín dụng và thu hồi các khoản nợ hoặc không cho vay tiếp, hợp đồng mới không có [nếu có thì cũng không còn vốn để thi công], v.v... , các nhà thầu hầu như cạn kiệt vốn, không còn khả năng thanh toán. Nhà thầu chính bị ảnh hưởng kéo theo các nhà thầu phụ, các công ty xây dựng lớn gặp khó khăn ảnh hưởng dây chuyền đến các chủ thầu nhỏ. Hậu quả là các doanh nghiệp xây dựng rơi vào tình trạng nợ nần do không được thanh toán hoặc bị thanh toán chậm trong khi vẫn phải trả lương cho người lao động và các chi phí khác.

⁷ Giá nguyên vật liệu ngày càng giảm xuống, như sắt phi giảm 7.000- 8.000 đồng /yến, giá gạch xây giảm 20%. giá thầu giảm đến 40.000 đồng/m² ...



Hộp 1.1: Ngành xây dựng gặp khó khăn

Năm 2012, Hội đồng Nhân dân tỉnh Nam Định quyết định không đầu tư dàn trải và cắt giảm những dự án [xây dựng] không cần thiết, khoảng 30% doanh nghiệp xây dựng không có việc. Khó khăn nữa là ngân hàng thu hồi vốn, trước 2009 toàn bộ tài sản doanh nghiệp được định giá là 5 tỷ đồng để vay 3 tỷ đồng. Tới nay khoản vay đã bị thu hồi lại toàn bộ, dù công ty không phải là doanh nghiệp nợ xấu nhưng vay trái địa bàn. Năm 2013, công ty làm 2 công trình trọng điểm của tỉnh, để cạnh tranh trong đấu thầu nên phải giảm giá. Doanh nghiệp vừa và nhỏ nên vốn ít phải đi vay; chủ đầu tư nợ tiền vẫn chưa thanh toán, số nợ hiện lên đến 2 tỷ đồng.

Phòng vấn sâu Công ty Cổ phần xây dựng Hồng Việt, Nam Định

“Kinh tế khó khăn, không lấy được tiền từ các công trình để trả tiền lương cho công nhân nên nghỉ luôn. Tôi phải vay của bạn bè, họ hàng để trả cho người lao động, chờ lấy được tiền từ các công trình rồi trả nợ sau nhưng đến nay vẫn chưa lấy được, số nợ còn khoảng 100 triệu nữa”

Chủ thầu xã Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội

Khu vực chính thức, các doanh nghiệp chỉ chuyên lĩnh vực xây dựng bị tác động nặng nề từ suy giảm kinh tế, một số doanh nghiệp xây dựng bị phá sản hoặc phải giải thể. Tình trạng này xuất hiện từ năm 2010 và càng trầm trọng hơn trong các năm tiếp theo. Năm 2012 là năm khó khăn với ngành xây dựng, trong số gần 56.000 doanh nghiệp thì có 17.000 doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ, tăng hơn 2.000 doanh nghiệp so với năm 2011. Năm 2013, doanh nghiệp xây dựng vẫn chưa hết khó khăn. Giá trị sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do Bộ Xây dựng quản lý ước thực hiện 8 tháng đầu năm đạt khoảng 94.800 tỷ đồng, chỉ bằng 59% kế hoạch, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2012 khoảng 7%⁸.

Do khó khăn, các công ty phải giảm dần lao động cũng như giảm lương và các chế độ khác. Nhóm lao động bị cắt giảm đầu tiên là lao động thời vụ, lao động không có chuyên môn tay nghề và lao động gián tiếp; các lao động còn lại cũng bị giảm giờ làm và lương. Một số doanh nghiệp quá khó khăn, người lao động còn phải tự đóng BHXH. Nhóm các lao động có tay nghề cao hoặc những lao động chuyên môn đặc thù khó đào tạo, tuyển dụng, được ưu tiên giữ lại thông qua các chính sách phúc lợi của doanh nghiệp như hỗ trợ nơi ở, lương thực và nhu yếu phẩm.

⁸ Số liệu của Bộ Xây dựng



Hộp 1.2: Lao động trong doanh nghiệp xây dựng chịu tác động

“... Năm 2011 và 2012 công ty gặp khủng hoảng: công việc giảm, thu nhập giảm khoảng gần 1 nửa, lương công nhân chỉ còn khoảng 1-2 triệu/tháng, không đóng nổi BHXH. Trong giai đoạn này có khoảng 1/3 người lao động phải nghỉ việc, có trường hợp tự xin nghỉ do thấy lương thấp, có trường hợp công ty khuyến khích nghỉ để đi tìm việc khác, khi công ty có việc gọi về thì về... Các lao động còn ở lại được ở miễn phí trong ký túc xá của công ty và được hỗ trợ gạo, muối, mì ăn liền”

Phỏng vấn sâu Công ty CP bê tông ly tâm Thủ Đức - An Thạnh, Bến Lức, Long An

Biện pháp ứng phó thường được các doanh nghiệp sử dụng là đa dạng hóa ngành nghề, lấn sang các lĩnh vực thi công và nhận thầu những công trình quy mô nhỏ, ở những địa bàn xa, khó khăn hơn. Các doanh nghiệp lớn trong ngành xây dựng chấp nhận thi công những công trình nhỏ trở nên phổ biến. Những địa bàn xa xôi, khó khăn như vùng biên giới, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn được Chính phủ tiếp tục đầu tư hạ tầng trở thành cứu cánh cho nhiều doanh nghiệp xây dựng.

Hộp 1.3: Biện pháp ứng phó của doanh nghiệp xây dựng

Công ty phải nhận thêm một số công trình, dự án quy mô vừa và nhỏ có vốn đầu tư ngân sách để tạo công ăn việc làm cho người lao động

Phỏng vấn sâu Công ty cổ phần Phát triển Đô thị Nhà Từ Liêm, Hà Nội

Công ty vực dậy nhờ chuyển hướng đi làm xây dựng ở các tỉnh khác, vào các chương trình 135 ở Lào Cai, Sơn La ...

Phỏng vấn sâu Công ty cổ phần Xây dựng Hồng Việt, Nam Định

Công ty nhận thi công những công trình quy mô nhỏ hơn để quay vòng vốn nhanh hơn. Trước đây chúng tôi chỉ thi công những loại cọc phi 40 -50, giờ chúng tôi nhận làm những loại cọc phi 10 – 20.

Phỏng vấn sâu Công ty CP bê tông ly tâm Thủ Đức, Long An

Tương tự như ở khu vực chính thức, hầu hết các nhóm xây dựng trong *khu vực phi chính thức* đều bị giảm nghiêm trọng về đơn hàng. Số đơn hàng ít nên mức độ cạnh tranh cũng tăng lên, không chỉ giữa các nhóm thợ mà còn phải cạnh tranh với các công ty xây dựng sẵn sàng nhận các công trình quy mô nhỏ để duy trì hoạt động. Đơn giá xây dựng (theo m²) vì thế hầu như không tăng (ở miền Nam), thậm chí còn giảm (ở miền Bắc).

⁹ Chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi



Hộp 1.4: Thợ xây dựng làm việc trong khu vực phi chính thức gặp khó khăn

"...Hơn 1 năm nay, tôi mới chỉ nhận có 2 công trình, giá thành xây dựng nhà cũng bị giảm đi nhiều, có đợt lên tới 4,5 triệu/m², giờ xuống còn khoảng 3,5-3,7 triệu/m² ..."

Phỏng vấn sâu Chủ thầu, Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội

"...Ba anh em tôi đều làm xây dựng, trước còn tách riêng, giờ phải gộp chung với nhau cùng làm cho qua giai đoạn khó khăn này. Mình vừa làm thầu vừa làm thợ luôn. Trước chỉ xây dựng ở vùng này với lên Thành phố [Hồ Chí Minh] nhưng giờ nhận cả công trình bên Bình Dương. Nhiều chủ thầu quanh đây còn giải nghệ, đi làm thợ..."

Thảo luận nhóm Chủ thầu, Long Hiệp, Bến Lức, Long An

Các nhóm thợ xây dựng bị xáo trộn lớn, một số bị chia nhỏ để tự tìm việc, một số sát nhập vào những nhóm khác đang có việc. Nhiều chủ thầu xây dựng tìm những công trình ở các địa bàn xa hơn, số không trụ lại được thì chuyển sang nghề khác hoặc trở thành thợ. Việc làm ít nên tính mùa vụ của ngành xây dựng càng rõ rệt. Những năm trước, người thợ xây dựng có việc làm quanh năm, nhưng hiện nay nghỉ hầu hết các tháng đầu năm và những tháng mùa mưa.

Các ngành liên quan tới xây dựng cũng bị tác động nặng nề. Trước đây, ngành xây dựng phát triển kéo theo sự phát triển của hàng loạt các ngành liên quan. Giờ đây, ngành xây dựng điều đứng thì các ngành như thép, gạch ngói, vật liệu xây dựng, bán lẻ vật tư xây dựng, nghề mộc nội thất và buôn bán phế liệu... đều bị ảnh hưởng dây chuyền theo hiệu ứng domino.

Tiêu thụ vật liệu xây dựng năm 2013 dù được cải thiện hơn so với năm trước, nhưng khó khăn của ngành vật liệu xây dựng vẫn còn nhiều. Cùng chịu ảnh hưởng chung của thị trường xây dựng và bất động sản, nhưng mỗi loại sản phẩm vật liệu xây dựng khác nhau lại chịu ảnh hưởng khác nhau.

Năm 2013, trong khi giá phôi thép trên thế giới và khu vực có xu hướng tăng thì giá bán các mặt hàng *thép xây dựng* vẫn giảm ở cả miền Bắc và miền Nam do sức tiêu thụ giảm. Nhiều doanh nghiệp thép đã giảm giá thông qua việc tăng hoa hồng bán hàng, hỗ trợ chi phí vận chuyển (ngoài ra còn vấn nạn thép nhập lậu), nên lợi nhuận ngành thép giảm đi. Sản lượng tiêu thụ của ngành thép có dấu hiệu phục hồi chủ yếu là do tăng lượng hàng xuất khẩu. Các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước đang tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu để giải quyết vấn đề đầu ra cho sản phẩm và giảm thiểu áp lực chi phí khấu hao dây chuyền, chi phí quản lý...

¹⁰ Theo số liệu của Bộ Công Thương, Trong 10 tháng năm 2013, xuất khẩu mặt hàng thép xây dựng đạt 1,8 triệu tấn, trị giá 1,4 tỷ USD, tăng 19,2% về lượng và tăng 12,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2012



Hộp 1.5: Ngành thép chuyển hướng sang xuất khẩu

Công ty Cổ phần thép VinaOne trong năm 2012 doanh số tiêu thụ trên thị trường nội địa đã sụt giảm đến 50%, giá thép không những không tăng mà còn giảm, lượng hàng tồn kho còn rất lớn, công ty buộc phải ngưng sản xuất. Cuối năm 2013, công ty tìm được thị trường mới là xuất khẩu sang Mianma nên tình hình sáng sủa hơn và bắt đầu sản xuất trở lại. Trong thời gian chờ việc, công ty chuyển sang bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, nhà xưởng, chuẩn hóa quy trình sản xuất và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động.

Phỏng vấn sâu lãnh đạo công ty Cổ phần thép VinaOne, Bến Lức, Long An

Trong khi xi măng và thép còn có “khách hàng” là các công trình hạ tầng, đường bê tông, bê tông hóa kênh mương... và để xuất khẩu, thì gạch xây dựng và gạch ốp lát chỉ có thể bán cho các công trình xây dựng nhà cửa. Vì thế khó khăn trong xây dựng dân dụng ảnh hưởng lớn đến ngành này.

Hộp 1.6: Ngành sản xuất vật liệu xây dựng gặp khó khăn

“Cả tỉnh Nam Định có 28 công ty vật liệu xây dựng [công ty gạch tuynel]. Từ cuối năm 2011 và vào đầu 2012, giá vật tư đầu vào tăng lên, trong khi không bán được sản phẩm nên chúng tôi đã phải hạ giá bán sản phẩm để cạnh tranh. Tiếp sau đó là cơn bão số 10 năm 2012 khiến các nhà máy gạch tuynel ở các huyện vùng ven biển bị thiệt hại lớn, có nhà máy bị thiệt hại 4-5 tỷ, nhà máy chúng tôi thiệt hại hơn 2 tỷ và phải làm lại hệ thống sân bãi và máy nổ. Rủi ro do “bão khủng hoảng” và “bão thiên tai” xảy ra liên tiếp làm cho các công ty gạch tuynel điêu đứng. Từ tháng 6 năm 2012 nhà máy của chúng tôi phải cho lao động sản xuất dưới phân xưởng nghỉ việc liên tục; có doanh nghiệp chỉ còn sử dụng lao động để bán sản phẩm tồn kho...”

Phỏng vấn sâu giám đốc Công ty VLXD Xuân Châu, Nam Định

Ngành thu mua, buôn bán phế liệu cũng bị ảnh hưởng dây chuyền do các công trình xây dựng là nguồn cung cấp nguyên liệu chủ yếu. Một số chủ bãi phế liệu do làm ăn thua lỗ, phải bỏ về quê trốn nợ hoặc tìm đường làm ăn mới; nhiều người bám trụ ở các thành phố lớn, đều rơi vào tình trạng khó khăn.

Hộp 1.7: Ngành thu mua và buôn bán phế liệu

“Một hai năm gần đây không có công trình xây dựng nào nên cũng không thầu được chỗ nào để thu mua [phế liệu]. Thu mua lúc giá cao, bán đi lúc giá thấp. Mà giá càng ngày càng thấp, không bán thì không thu hồi vốn được. Không làm được chủ, không làm được thợ thì đánh về quê”

Thảo luận nhóm lao động trở về, Xuân Thượng, Xuân Trường, Nam Định



b. Lao động ngành xây dựng và các nhóm dễ tổn thương

Khu vực chính thức, các doanh nghiệp xây dựng thường duy trì bộ khung là lao động chính thức có hợp đồng (cán bộ quản lý, lao động kỹ thuật cao, nhân viên văn phòng...). Bộ phận lớn còn lại là lao động thời vụ (lao động phổ thông, thợ các loại) được tuyển dụng theo nhu cầu thông qua các chủ thầu (miền Bắc) hay đầu công (miền Nam). Họ không có hợp đồng lao động dù thời gian làm việc cho doanh nghiệp có thể kéo dài hàng năm. Do không có hợp đồng lao động nên lao động thời vụ không có BHXH, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế... Chính sách được hưởng chủ yếu là được doanh nghiệp mua bảo hiểm tai nạn lao động. Khi có tranh chấp, những người lao động này phải chịu thua thiệt (điển hình là bị nợ lương) do không có căn cứ để giải quyết theo pháp luật, đành chấp nhận chờ hoặc tiêu cực hơn là bãi công, đình công.

Khu vực phi chính thức, lao động ngành xây dựng tồn tại dưới dạng các nhóm thợ hoặc thợ tự làm. Việc làm của họ phụ thuộc vào công trình thi công mà họ nhận được, đi làm khi có việc và thất nghiệp khi không có công trình.

Lao động thời vụ chiếm tỷ lệ rất cao, lên đến 80% tổng số. Do chủ yếu làm các công việc chân tay hoặc kỹ thuật đơn giản nên những lao động này rất sẵn có trên thị trường lao động và dễ thay thế, bổ sung khi cần thiết. Đặc điểm chung (và cũng là hạn chế lớn nhất) của nhóm lao động này là trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp; nam giới chiếm tỷ lệ cao hơn so với nữ giới; độ tuổi đa dạng nhưng lao động trẻ chiếm tỷ lệ chủ yếu; họ chủ yếu đến từ các vùng nông thôn, trong các hộ gia đình không có hoặc ít đất canh tác, số đông là lao động nhập cư từ những tỉnh đồng dân hoặc còn nghèo. Chỗ dựa và nguồn lực tài chính của lao động thời vụ ngành xây dựng khá hạn chế. Họ hầu như không có vốn hay tích lũy tài sản, tiền tiết kiệm. Số đông người lao động không chỉ làm việc để nuôi bản thân mà còn phải gửi tiền về nuôi gia đình (cha mẹ già, các em, con nhỏ...). Điều kiện sinh hoạt của các lao động này khá tạm bợ do tính chất công việc không ổn định. Một số người lao động ở ngay tại công trường, một số thuê nhà ở ngoài.

Hộp 1.8: Lao động thời vụ trong xây dựng

Lê Đ, 35 tuổi, quê ở Bạc Liêu làm thợ hồ, công ty xây dựng Việt Thuận. Theo quy định, một tháng được nghỉ 4 ngày, nếu nghỉ quá thì trừ lương gấp đôi nhưng lúc làm thêm giờ thì được tính 1,5 lần. Ngoài lương không có ăn trưa hay phụ cấp gì khác tuy nhiên công trường có dựng lán (tạm bợ) cho công nhân ở, không mất tiền, không tốn điện nước. Có những người mang cả gia đình lên hoặc 4 – 5 người góp tiền nấu cơm chung. “Ở nhà không còn ruộng nên mới đi làm. Trước tôi đi làm phụ hồ, sau dần dần học thành thợ. Tôi mới làm ở đây từ Tết ra, có bạn giới thiệu vô, cũng đưa vợ con lên đây luôn. Thu nhập bây giờ trông vào mỗi mình tôi, vợ vì con nhỏ nên không đi làm được, mà còn phải gửi tiền về quê nữa. Bây giờ tôi được lĩnh 4.030.000 đồng/tháng. Ăn uống tiết kiệm, ở luôn trong công trường thì cũng cũng gửi về quê được 1 triệu”.

Phỏng vấn sâu thợ xây dựng, Bến Lức, Long An



Thu nhập của lao động thời vụ ngành xây dựng được tính toán dựa trên ngày công, đi làm thì được nhận lương, nghỉ làm thì không có lương. Thời gian làm việc trung bình là 6 ngày 1 tuần (nghỉ chủ nhật), làm việc từ 7h sáng đến 5h chiều có nghỉ trưa. Mức lương công nhật dao động theo vùng và công việc đảm nhận. Khu vực miền Nam (TP Hồ Chí Minh và Long An) có mức lương cao hơn miền Bắc khoảng 20-30%.

Một số lao động nữ cho biết mức lương họ nhận được thấp hơn (khoảng 30-40%) so với lao động nam. Tuy nhiên, phần lớn chủ thầu và phụ hồ nam cho rằng phụ hồ nữ nhận lương ít hơn vì họ không phải làm những công việc nặng nhọc mà chủ yếu dọn dẹp, nấu ăn.

Bảng 6. Tổng hợp thu nhập và ngày công của các nhóm lao động xây dựng

TT	Đối tượng	Hà Nội	Nam Định	Thanh Hóa	Long An	TP. HCM
I	Khu vực chính thức					
1	Ngày công (ngày)	20 - 26	15 - 20	15 - 20	23 - 26	23 - 26
2	Thu nhập (1000 đồng)					
	Thợ chính	180 - 200	140 - 170	160 - 180	180 - 220	180 - 220
	Thợ phụ	130 - 150	100 - 120	100 - 130	130 - 160	130 - 180
II	Khu vực phi chính thức					
1	Ngày công (ngày)	10 - 15	5 - 15	10 - 15	15 - 20	15 - 20
2	Thu nhập (1000 đồng)					
	Thợ chính	180 - 250	150 - 180	160 - 200	200 - 280	220 - 280
	Thợ phụ					
	Nữ	100 - 130	70 - 100	80 - 100	70 - 130	80 - 150
	Nam	120 - 180	100 - 120	100 - 120	130 - 200	130 - 200

Lao động thời vụ trong khu vực chính thức được gọi là “đi làm công ty” để phân biệt với “làm tự do” (lao động trong khu vực phi chính thức). Mức lương bình quân của những người “đi làm công ty” thấp hơn so với thu nhập “đi làm tự do” nhưng việc làm lại ổn định hơn, số ngày công trong tháng thường cao hơn. Mặt khác, họ cũng được hưởng một số chế độ phúc lợi như hỗ trợ tiền ở (tuy không nhiều), nhiều người được bảo hiểm tai nạn lao động, có thưởng Tết và nếu làm thêm giờ thì được nhận thêm phụ cấp...



Hộp 1.9: Khu vực chính thức so với phi chính thức

“Một dạo tôi cũng đi làm công ty nhưng bị nợ lương mấy tháng, bây giờ sợ rồi, chỉ làm ngoài thôi. Mà làm công ty lương cũng thấp lắm, 2 – 3 triệu/tháng thì không đủ chi tiêu. Làm ngoài như thế này dù sao lúc có việc vẫn hơn. Anh em bạn bè gọi nhau có công trình thì đi hoặc chủ thầu người ta gọi, lương 1 ngày được 250 nghìn, tuần trả một lần, có làm là có tiền vẫn hơn làm công ty”

Phỏng vấn Nguyễn Văn T, 32 tuổi, thợ xây, Thủ Đức, TP HCM

Dù có cơ hội nhiều lao động tự do vẫn không muốn “đi làm công ty”. Theo họ, nếu làm đầy đủ ngày công thì thu nhập từ làm tự do cao hơn và họ thường được nhận theo tuần trong khi các công ty hầu hết trả lương theo tháng. Trong điều kiện các đơn hàng suy giảm [như đã phân tích ở trên] thì người lao động trong công ty xây dựng còn hay bị chậm lương, nợ lương.

Cú sốc và chiến lược ứng phó

Như đã trình bày ở trên, ngành xây dựng gặp khó khăn đã dẫn đến những cú sốc cho người lao động: bị mất việc làm, giảm giờ làm, ngày làm việc hoặc giảm thu nhập. Để đối phó, người lao động thuộc ngành xây dựng thường chọn 1 trong 4 chiến lược: (1) tiếp tục đi tìm việc làm tương tự ở các công ty/nhóm thợ khác và chấp nhận di chuyển tới huyện khác, tỉnh khác hoặc những công việc kém chất lượng hơn; (2) tìm thêm việc làm bổ sung trong thời gian trống (đối với những người bị giảm giờ làm); (3) cố gắng cầm cự, sử dụng nguồn tiền tiết kiệm hoặc hỗ trợ từ gia đình để đợi cơ hội tốt hơn; và (4) quay về quê để làm nông nghiệp hoặc tìm việc làm khác. Việc lựa chọn chiến lược ứng phó phụ thuộc vào nhiều yếu tố, mang cả đặc trưng vùng miền và phụ thuộc vào năng lực của đối tượng.

Chủ các doanh nghiệp và chủ thầu là nhóm chịu tác động mạnh nhất và sụt giảm nhiều nhất về thu nhập và việc làm, chưa kể nhiều người còn phải gồng mình để duy trì lao động làm việc cho mình. Tuy nhiên nhóm này có khả năng tài chính tốt, năng lực cá nhân cao hơn nên vẫn chống chọi tốt. Một số ít lâm vào tình trạng khó khăn, phải ngưng hoạt động hoặc giải thể nhưng nhìn chung phúc lợi và điều kiện sống của nhóm đối tượng này không bị ảnh hưởng nhiều.

Nhóm *lao động có kỹ thuật* trong các công ty xây dựng cũng đối mặt với tình trạng giảm lương và mất việc làm. Tình trạng này xảy ra khi công ty xây dựng bị ngừng vốn đầu tư hoặc phải đóng cửa do không có đơn hàng. Tuy nhiên, họ có khả năng ứng phó tốt hơn (có tích lũy nhiều, có trình độ CMKT và ít nhiều có hỗ trợ của hệ thống bảo hiểm xã hội) nên mức độ sụt giảm chưa nghiêm trọng. Những người lao động có trình độ trong khu vực chính thức thường có cơ hội cao hơn trong việc tìm được việc làm thêm cùng nghề.



Hộp 1.10: Lao động có CMKT

“... Tôi là lái xe lu của Công ty 59. Bên đó 2 năm nay không có việc nhiều lắm nên tôi qua làm thêm quản lý công trình cho công ty cổ phần xây dựng Long Giao. Khoảng 2 tháng nữa lại về lại bên 59, toàn bộ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mình vẫn đóng ở bên đó. 1 tuần tôi cũng phải có mặt bên 59 ít nhất 2 lần, thời gian còn lại mình ở bên này làm việc...”

Phỏng vấn sâu quản lý công trình xây dựng, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Những người địa phương (sinh sống ngay tại chỗ, có nhà cửa và cuộc sống tương đối ổn định) thường chọn giải pháp là tìm việc làm thêm hoặc việc làm thay thế tại chỗ. Ở vùng nông thôn thì các công việc trong nông nghiệp là cứu cánh trong khi ở thành thị, nơi tập trung đông dân cư và các vùng giáp ranh thì bán lẻ là giải pháp chủ yếu.

Nhóm dễ tổn thương nhất là lao động nhập cư, do năng lực hạn chế và không được hỗ trợ từ hệ thống chính sách. Vì thế, tìm việc làm mới ở bất kỳ nơi nào là giải pháp phổ biến nhất. Do là người di cư nên việc di chuyển sang các địa bàn khác không phải là thử thách lớn. Điển hình cho nhóm này là các lao động miền Tây Nam Bộ, không thể ngồi chờ vì không có tiền tiết kiệm hay dự trữ, không thể quay về vì khó kiếm việc ở quê, họ sẵn sàng di chuyển đến huyện khác/tỉnh khác để có việc làm, tạo thu nhập. Ở miền Bắc, nhóm chọn giải pháp tương tự như trên chủ yếu là lao động ở các vùng ít đất sản xuất [Thanh Hóa, Vĩnh Phúc], không thể quay về làm nông nghiệp vì không có đất sản xuất hoặc do đã bỏ nông nghiệp quá lâu và quen với nghề xây dựng. Những lao động khác chấp nhận làm những công trình quy mô nhỏ hơn, hoặc những công trình sửa chữa, thời gian thi công ngắn, mức tiền công thấp.

Một số lao động cố gắng bám trụ lại vì về quê không có việc làm, khó tạo thu nhập. Nhóm này thực tế có nguồn lực dự trữ (tiền tiết kiệm từ trước, có thể được gia đình hỗ trợ ...) và vẫn còn triển vọng về việc làm trong tương lai gần. Một số chọn giải pháp cuối cùng là quay về quê. Số này không nhiều do sức hút từ nông nghiệp, nông thôn không còn mạnh. Họ chỉ về quê khi không thể tiếp tục bám trụ sau một thời gian bị mất/suy giảm thu nhập.



Hộp 1.11: Chiến lược ứng phó

"... Xong ở đây thì làm chỗ khác, em định qua Bình Dương hoặc Thành phố [HCM] Bạn em vừa gọi..."

Phỏng vấn sâu thợ xây dựng, Đức Hòa, Long An

"Bình thường thì chỉ đi làm xây dựng cho các xã gần đây, sang đi tối về. Năm nay xây dựng khó khăn, ít việc hơn năm ngoái nên phải đi xa, con trai tôi bây giờ đang làm ở Nghi Sơn..."

Phỏng vấn sâu thợ xây dựng Quảng Xương, Thanh Hóa

"Trước nó đi làm ở có tiền gửi về cho tôi, giờ thất nghiệp, đang chờ việc nhưng không chịu về quê. Tiền tiêu còn không có nói gì tiền gửi về, tôi còn phải gửi thêm ra"

Thảo luận nhóm hộ có con em đi làm ngoại tỉnh, Vĩnh Hưng, Long An

"Chúng tôi đi làm có cả gánh thợ nhưng do làm ăn khó quá nên mấy anh em lại rủ nhau về quê, về địa phương tôi vẫn nhận công việc ở thành phố Nam Định và các huyện. Năm ngoái đã ít việc năm nay còn ít hơn. Hai năm trước ở đây đi hết, chỉ người nào không thể đi được phải chịu thôi nhưng năm nay dồn hết về quê rồi, may ra còn 25% trụ lại ở Hà Nội"

Thảo luận nhóm, lao động xây dựng trở về xã Yên Phú, Ý Yên, Nam Định

Làn sóng trở về khác là của những người lao động đến từ vùng còn nhiều đất canh tác (Vĩnh Hưng thuộc Long An) hay những vùng bắt đầu phát triển công nghiệp (Nghi Sơn thuộc Thanh Hóa) vì triển vọng có việc làm ổn định tại quê nhà, thu nhập có thể không cao nhưng bù lại chi phí sinh hoạt thấp và không phải xa gia đình.

1.2. Ngành bán lẻ

a. Tác động

Theo Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam (AVR), cả nước hiện có khoảng 750 siêu thị, 130 trung tâm thương mại và 9.000 chợ các loại, trong đó chợ thành thị chiếm 22%, chợ nông thôn chiếm 78%. Năm 2013, tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2013 ước đạt 2.618.000 tỷ đồng, tăng 12,6% so với năm 2012 - mức tăng thấp nhất trong vòng 4 năm trở lại đây. Nếu loại trừ yếu tố giá, mức tăng này chỉ còn 5,6%, thấp hơn mức tăng 6,5% của năm 2012¹¹.

Khu vực thành thị xuất hiện ngày càng nhiều các siêu thị với mức giá không quá cao so với mức giá tại các chợ. Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại của các nhà bán lẻ nước ngoài và nội địa phát triển mạnh mẽ. Các doanh nghiệp bán lẻ có những điều chỉnh và chiến lược kinh doanh hướng đến nhu cầu thiết yếu của người tiêu dùng, do vậy tạo áp lực cạnh tranh với kênh bán lẻ truyền thống. Mức độ cạnh tranh trên thị trường bán lẻ tăng lên còn do lao động từ các ngành khác mất việc làm chuyển sang ngành bán lẻ, vốn được xem là ngành không yêu cầu nhiều về trình độ chuyên môn và vốn đầu tư ban đầu. Đội quân bán hàng rong ở thành thị tăng nhanh, chủ yếu là do sự gia nhập của người lao động ngoại tỉnh. Bán hàng rong có ưu điểm là tiện lợi cho người mua hàng và giá bán thường thấp hơn do không tốn chi phí về địa điểm hay các loại thuế và phí.

¹¹ Số liệu của Tổng Cục Thống kê.



Hộp 1.12: Gia tăng cạnh tranh trong ngành bán lẻ

“... dạo này nhiều hàng rong quá, họ tràn ra đường bán, chẳng biết lấy hàng ở đâu nhưng họ không phải thuê chỗ hay nộp thuế má gì thành ra bán rẻ hơn, mà cũng tiện cho người đi mua đỡ phải vào chợ. Công nhân ham rẻ thì mua ở những người bán rong hết rồi. Đã thế lại mọc thêm siêu thị thực phẩm nữa, người có tiền thì lại vào siêu thị, chúng tôi [tiểu thương bán lẻ trong chợ] bị giảm khách nhiều lắm, kể cả khách quen...”

Thảo luận nhóm người bán lẻ chợ Linh Trung, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Nhóm tiểu thương trong các chợ là nhóm lao động gặp khó khăn nhất trong ngành bán lẻ do phân khúc thị trường bị thu hẹp. Người dân có mức sống từ trung bình trở lên thường chọn mua hàng trong các siêu thị và hệ thống cửa hàng của các doanh nghiệp bán lẻ vì dịch vụ tốt, chất lượng hàng hóa đảm bảo mà giá cả lại không quá cao so với ở chợ. Người tiêu dùng thông thường chọn các hàng bán rong do mua hàng thuận tiện hơn và giá bán thấp hơn.

Do sức ép cạnh tranh và cầu tiêu dùng giảm nên không ít tiểu thương đã phải ngừng kinh doanh do bán hàng không thu hồi đủ vốn. Một số khác rơi vào tín dụng đen với lãi suất rất cao, “vay lãi 24 ngày” (tiền gốc 20 ngày còn tiền lãi 4 ngày - tương đương với 20%).

Ngành bán lẻ ở *khu vực nông thôn* chưa thực sự phát triển, hầu như chưa có các siêu thị hay cửa hàng lớn. Các chợ qui mô còn nhỏ, hàng hóa không phong phú. Ở những khu vực thưa dân cư, hình thức bán rong hoặc những quầy hàng nhỏ thường được sử dụng thay cho việc buôn bán tập trung trong các chợ.

Do tác động của suy giảm kinh tế, sức mua giảm đặc biệt ở những mặt hàng không phải là thiết yếu. Để duy trì doanh số, các doanh nghiệp bán lẻ, tiểu thương trong chợ và cả người bán rong [ở nông thôn và thành thị] đều phải tăng thời gian bán hàng. Tuy vậy, lượng tiêu thụ không tăng, thậm chí giảm ở nhiều nhóm hàng.

Hộp 1.13: Sức mua sụt giảm ở các mặt hàng không phải thiết yếu

“Hoa quả ế nhất vì có tiền người ta mới ăn, không ăn cũng không sao”

“Thịt thì nhiều nhu cầu hơn nên chỉ giảm thôi”

“Hàng tạp hóa thì chỉ ế bánh kẹo xa xỉ thôi còn mắm muối thì vẫn phải dùng”

“Đồ nhựa như rổ rá, xô chậu ... hỏng hẳn người ta mới mua”

“Sữa bột bán chậm do người ta chuyển sang dùng sữa tươi cho tiết kiệm”

Tổng hợp phỏng vấn các hàng tạp hóa



Tình trạng mua chịu, mua nợ là khá phổ biến, nhất là ở các cửa hàng tạp hóa trong các khu dân cư ở cả nông thôn và thành thị (do mức độ quen biết giữa người bán và người mua) bởi “nếu không bán chịu thì không có khách mà bán thì không biết bao giờ mới đòi được nợ”.

b. Lao động trong ngành bán lẻ và các nhóm dễ tổn thương

Đặc điểm

Người nhập cư bán hàng trong các chợ và bán hàng rong rất đa dạng về giới tính và độ tuổi, thành phần cũng rất phức tạp, tập trung đông tại khu vực thành thị, khu công nghiệp và vùng phụ cận. Đặc điểm chung nổi bật là trình độ văn hóa hạn chế và không có chuyên môn kỹ thuật.

Điểm đến của những lao động này chủ yếu là Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Lao động đổ về Hà Nội làm nghề bán lẻ thường đến từ các vùng lân cận, các huyện ngoại thành và các tỉnh miền Bắc như Hòa Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Nam Định, Thanh Hóa... Lao động bán lẻ trong các chợ và bán hàng rong ở T/p Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận (Bình Dương, Đồng Nai) đến từ rất nhiều nơi trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam. Có lao động đã vào làm việc và sinh sống từ rất lâu (10 năm hoặc hơn), có những lao động mới vào. Công việc chủ yếu của họ là đi lấy hàng ở các chợ đầu mối hoặc các lò mổ để bán lẻ trong các chợ hoặc bán rong trên phố. Thông thường, việc lấy hàng bắt đầu từ sáng sớm (3 – 4h sáng) và chỉ kết thúc khi bán hết hàng hoặc không còn khách mua.

Nhóm di cư đã có thời gian dài sinh sống ở nơi đến, thường có công việc và cuộc sống ổn định hơn, một số đã có nhà (không phải đi thuê) và sống cùng cả gia đình. Nhóm này chủ yếu bán hàng trong các chợ, có quầy hàng, có đóng thuế. Nhìn chung, họ đã có cuộc sống ổn định và ít nhiều có tiết kiệm, tích lũy. Các đối tượng này cũng đã xác định là định cư và làm việc lâu dài ở nơi đến.

Hộp 1.14: Tiểu thương bán hàng trong chợ

Chị Trịnh Thị O, 44 tuổi quê ở Hải Dương, trình độ mới hết lớp 7/10. Hai vợ chồng có 1 sạp hàng bán thị lợn ở chợ Linh Trung, Thủ Đức, Tp HCM. Cả nhà vào Nam đã được 6 năm. Anh chị có 2 cháu đang đi học, cả gia đình thuê trọ ở Dĩ An (Bình Dương). Sạp hàng bên cạnh là chị Nguyễn Thị Ng 40 tuổi cùng quê, vợ chồng chị Ng vào đã lâu (12 năm), đã mua được nhà bên Dĩ An nên không phải đi thuê nữa.

“Đi lấy hàng ở lò mổ tại chợ đầu mối từ sáng sớm [3h], lượng hàng 1 ngày khoảng 20 kg, để bán đến chiều tối. Một tháng đóng tiền thuê sạp hết 1 triệu, chưa kể tiền điện nước, thuế thì không mấy”.

Phỏng vấn sâu tiểu thương, Linh Trung, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh



Nhóm đối tượng mới di cư (vài năm cho đến vài tháng) do cuộc sống ở quê quá khó khăn. Mục tiêu di cư của họ là kiếm tiền để giải quyết khó khăn trước mắt và tích lũy một ít vốn rồi trở lại quê. Số đông làm nghề bán hàng rong trong các khu phố. Họ thường ở tập trung theo kiểu anh em, bạn bè, người cùng làng trong một khu trọ.

Hộp 1.15: Người bán hàng rong

“Tôi từ Bình Định vào đây, khu trọ này toàn người Bình Định với lại một vài người Quảng Nam, vào thuê ở đi bán hoa quả. Sáng thì lấy hàng ở chợ đầu mối rồi mỗi người đi một ngả bán hết thì về. Ở quê làm ăn khó khăn lắm nên rủ nhau vào đây, một ngày lãi được khoảng 200 nghìn, vốn thì chỉ 2-3 triệu tùy loại hàng mình lấy. Bán hôm nào nhanh thì đến trưa không có thì phải đến chiều.”

Phỏng vấn sâu người bán hàng rong, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

Bảng 7. Thu nhập và chi phí bình quân/ngày của người bán lẻ phi chính thức

Đơn vị: 1000 đồng

TT	Đối tượng	Hà Nội	Nam Định	Thanh Hóa	Long An	TP. HCM
I	Thành thị					
1	Hàng rong	150 - 180				180 - 220
	Chi phí (xăng, vé chợ ...)	20 - 40				20 - 40
2	Tiểu thương trong chợ	80 - 200				120 - 250
	Chi phí (thuế, cửa hàng, điện nước ...)	30 - 60				40 - 70
3	Hàng tạp hóa	100 - 200				150 - 250
	Chi phí (thuế, cửa hàng, điện nước ...)	10 - 80				10 - 80
II	Nông thôn					
1	Tạp hóa	100 - 150	80 - 100	100 - 130	80 - 120	
	Chi phí (thuế, cửa hàng, điện nước ...)	0 - 20	0 - 10	0 - 10	0 - 20	
2	Hàng thịt	130 - 150	100 - 130	120 - 130	80 - 130	
	Chi phí (thuế, cửa hàng, điện nước ...)	0 - 10	0 - 10	0 - 10	0 - 10	



Cú sốc và chiến lược ứng phó

Mặc dù không bị ảnh hưởng mạnh bằng nhóm lao động trong ngành xây dựng, người bán lẻ cũng chịu những tác động không nhỏ từ suy giảm kinh tế. Cú sốc chính là suy giảm lượng hàng hóa tiêu thụ được do sức mua giảm sút và gia tăng cạnh tranh. Kết quả là lợi nhuận hay thu nhập giảm đáng kể.

Người bán lẻ là những người tự làm chủ nên có thể tự quyết việc tiếp tục hay đóng cửa công việc kinh doanh của mình. Chiến lược trước tiên của người bán lẻ thường là tăng thời gian bán hàng và mở rộng địa bàn. Sự thay đổi để ứng phó tiếp theo là đa dạng hóa mặt hàng và hình thức bán hàng, có thể là chuyển sang bán những loại hàng hóa bình dân, giá rẻ. Để giữ chân khách quen và bảo toàn vốn kinh doanh, người bán lẻ cũng chấp nhận bán chịu, trả chậm nhưng có chọn lọc. Một số trường hợp không ứng phó được bằng các biện pháp trên thì không tự kinh doanh mà trở thành lao động làm thuê.

Hộp 1.16: Chiến lược ứng phó

"... tôi chạy tới chạy lui, qua cả bên Hữu Nghĩa nữa, rồi có hôm chạy vô mấy khu dân cư bán, bán tới muộn, hết hàng mới về được vì mang về nó hỏng là âm vào vốn luôn..."

Phỏng vấn sâu người bán hàng rong phường Tam Bình, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

"... Năm trước chị chỉ bán lẻ thôi, năm nay nhắm chừng bán lẻ không ăn thua nên chị cũng phải bỏ mồi, bán buôn thêm. Rồi bán thêm cả đồ khô như cá khô với giò, nhưng mà cũng ít khách mua lắm..."

"...Ở đây chúng tôi chỉ bán được loại trái cây bình dân thôi: cóc, ổi, xoài.... Trái cây mắc tiền như nho, mận, măng cầu thì bán được vào ngày mùng 1 hoặc ngày rằm thôi..."

Phỏng vấn sâu người bán lẻ, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điểm nổi bật nhất là dù chịu tác động mạnh nhưng đa số vẫn cố gắng bám trụ, duy trì hoạt động. Nhóm bán hàng rong biến động khá nhiều, có người bỏ nhưng lại có người khác vào vì nghề này không đòi hỏi nhiều về trình độ, sức khỏe hay vốn đầu tư. Số lao động trở về quê là những người mà hoạt động buôn bán không đem lại lợi nhuận như mong muốn, không chỉ do các tác động tiêu cực xảy ra mà còn là các chi phí sinh hoạt đắt đỏ ở khu vực thành thị. Một số khác trở về là do không muốn tiếp tục xa gia đình và đã có được tích lũy như mong muốn nên "có vốn để về quê".

Nhóm dân địa phương bán tạp hóa, thực phẩm, hàng cơm trong các khu dân cư cũng bị ảnh hưởng do sức mua giảm, bị cạnh tranh mạnh và bị khách mua hàng nợ tiền. Tuy nhiên, so với nhóm bán lẻ là lao động ngoại tỉnh, họ vẫn có điều kiện tốt hơn để cầm cự hoặc chuyển đổi hoạt động.

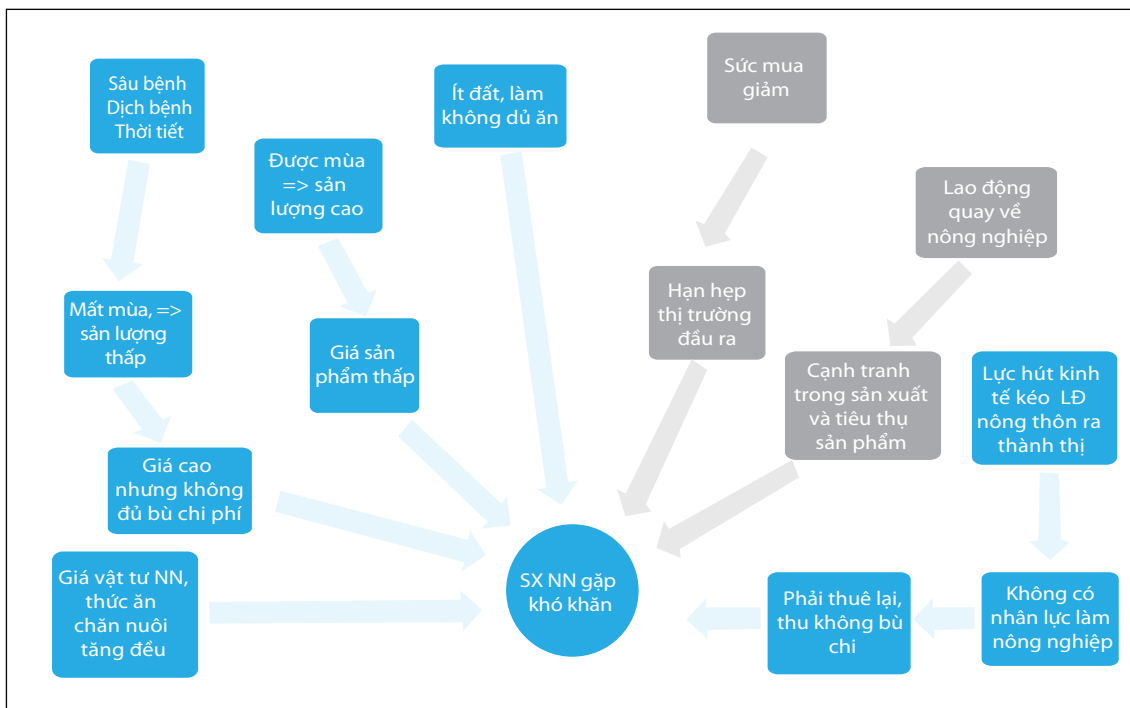


1.3. Nông nghiệp

a. Tác động

Nông nghiệp là ngành có tỷ trọng lao động làm việc cao nhất, là nơi hấp thu lao động bị mất việc làm từ các ngành khác, nhưng nông nghiệp lại chịu nhiều rủi ro: thiên tai, sâu bệnh, giá cả biến động, tư thương ép giá, cạnh tranh với nông sản Trung Quốc... Trong thời kỳ kinh tế khó khăn, tác động của những rủi ro này đối với ngành nông nghiệp còn trầm trọng hơn. Rủi ro nông nghiệp ít tác động đến đời sống của hộ gia đình hơn nếu hộ có nguồn thu ngoài nông nghiệp và sẽ trầm trọng hơn nếu nguồn thu của hộ chỉ trông chờ vào nông nghiệp. Hình dưới đây mô tả các tác động đến ngành nông nghiệp, màu xanh mô tả các tác động vốn đã tồn tại từ lâu, màu đỏ là các tác động phát sinh do bối cảnh đình trệ kinh tế kéo dài.

Hình 3: Những tác động đến ngành nông nghiệp



Những vùng sản xuất nông nghiệp lớn như Long An, tác động của khủng hoảng không nhiều. Sản phẩm nông nghiệp của người nông dân Long An được bán cho thương lái tại ruộng ngay sau khi thu hoạch. Thương lái thường là người nơi khác và chỉ tới vào đúng mùa thu hoạch (1 năm 2 vụ lúa). Đa số người được phỏng vấn cho rằng có tình trạng bị ép giá khi vào chính vụ. Đây là tình trạng xảy ra hàng năm, không phải do tác động của khủng hoảng kinh tế. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Long An, mặc dù giá thành sản xuất lúa giảm so với cùng kỳ năm trước từ 100–650 đồng/kg nhưng do giá lúa không tăng nên người nông dân thu được lợi nhuận không nhiều, giá cả giao động theo vụ mà và thời điểm cắt lúa, trung bình một năm, nông dân có lợi nhuận khoảng 16-25 triệu đồng/ha; với lúa nếp thì lợi nhuận cao hơn do giá bán cao hơn.



Tại những vùng ít đất canh tác và tình trạng đất đai manh mún như các huyện ngoại thành Hà Nội và các vùng nông thôn miền Bắc khác, một hộ gia đình có thể có đến vài mảnh ruộng ở những nơi khác nhau “mảnh nào lớn thì được khoảng 1 sào¹², mảnh nào nhỏ thì chỉ được vài hàng cấy”. Làm nông nghiệp đã từ lâu không còn mang lại giá trị kinh tế cao nhưng nông dân vẫn tiếp tục sản xuất vì: (1) không phải mua gạo, thức ăn giá cao; (2) là một thói quen; và (3) không biết làm gì khác.

Nông nghiệp vốn đã không mang lại nhiều giá trị kinh tế trong khi mối liên kết giữa người nông dân – khuyến nông – người thu mua sản phẩm, để tạo ra một chuỗi giá trị hàng hóa hợp lý cho người nông dân còn lỏng lẻo và chưa minh bạch theo hướng đảm bảo đúng quyền lợi cho người nông dân. Vì thế, nhiều nông dân luôn ở thế phân vân xem nên làm tiếp hay bỏ nông nghiệp không làm nữa.

Hiện tượng người nông dân không canh tác trên mảnh đất của mình có dấu hiệu gia tăng ở nhiều địa phương. Tại các vùng sản xuất lớn, đất đai còn nhiều, nhiều hộ gia đình đem ruộng cho thuê, bản thân kiếm việc làm khác tại chỗ hoặc tại các khu công nghiệp, thành thị. Những vùng đất đai ít và manh mún, nông sản chủ yếu để tự tiêu dùng trong hộ gia đình và phục vụ chăn nuôi, tình trạng cho thuê đất canh tác không phổ biến nhưng một số hộ đã cho mượn đất để được chia hoa lợi hoặc họ thuê người làm khi vào vụ.

Hộp 1.17: Nông dân không mặn mà với sản xuất nông nghiệp

“Nhà cũng có 3 sào ruộng nhưng đến vụ thì thuê người làm, lao động từ Phú Thọ, Hòa Bình xuống cấy thuê, gặt thuê cũng nhiều, bản thân mình cũng không có thời gian để làm ruộng, thu hoạch được bao nhiêu thì được. Mà ruộng cũng nằm rải rác mấy chỗ, năm nay dồn điền đổi thửa xong chắc là đỡ hơn nhưng gia đình cũng không tự làm được vì không có người. Trong xã các hộ buôn bán cũng toàn làm thế, chứ làm nông nghiệp thì chả đáng gì. Cũng còn một số hộ tự canh tác nhưng người ta nhiều đất với lại đi mượn thêm được đất.”

Phỏng vấn trưởng ấp Sinh Liên, Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội

“Áp Cả Trốt mấy năm lại đây kinh tế tiếp tục đi lên, đời sống người dân ngày càng cải thiện nhưng nhân khẩu vẫn tiếp tục giảm. Nhiều hộ đi cả nhà, 1 năm mới về 1 lần, không có đất người ta đi mà có đất người ta cũng đi còn đất thì đem cho thuê. Giá mượn 1 công thì 15 – 20 triệu/năm, trả trước 2 năm, đi làm công nhân 1 tháng được 3 triệu thôi thì vẫn còn ổn định hơn làm ruộng.”

Phỏng vấn sâu trưởng ấp, xã Khánh Hưng, Vĩnh Hưng, Long An

¹² 1 sào bắc bộ tương đương 360m²



Lao động trẻ không còn mặn mà với nông nghiệp, họ đi làm công nhân tại các nhà máy hay làm lao động tự do tại khu vực thành thị, nơi đem lại thu nhập cao hơn so với làm ruộng. Bỏ qua các vấn đề thiên tai, sâu bệnh, nếu thuận lợi, thu nhập 1 năm từ 1 ha đất nông nghiệp bình quân khoảng 15–20 triệu trong khi đi làm công nhân hoặc làm thuê mức lương thấp nhất là 2–3 triệu/tháng. Nhóm lao động còn gắn bó với ruộng đồng, chủ yếu là người trên 45 tuổi, khó tìm được việc làm khác.

Ngành chăn nuôi chịu tác động mạnh ở cả lượng tiêu thụ và giá đầu ra. Ngoài các vấn đề dịch bệnh [chất lượng sản phẩm không đảm bảo] vốn tác động thường trực đến tâm lý người tiêu dùng thì sức mua giảm ở các nhóm hàng thực phẩm (như thịt, cá) và khó khăn trong xuất khẩu, dẫn đến giá bán giảm mạnh, gây thiệt hại lớn cho người sản xuất. Trong khi giá thức ăn chăn nuôi tăng đều hàng năm thì giá bán liên tục trời sập. Mặt khác, một bộ phận lao động từ khu vực đô thị và khu công nghiệp trở về nông thôn (do không còn việc làm ở đô thị), chủ yếu tham gia vào làm chăn nuôi, đã làm tăng mức độ cạnh tranh trong cung ứng sản phẩm đầu ra.

Hộp 1.18: Chăn nuôi gặp khó khăn

“Giá lợn sụt giảm kinh khủng, có lúc xuống dưới 35 [35.000 đồng/kg]. Trong khi đó nguyên liệu đầu vào/thức ăn cao nên cảm thấy nuôi lợn không lỗ là may. Thương lái mua lợn xuất sang Trung Quốc nhưng hiện Trung Quốc đóng cửa khẩu không thu mua nữa”

“Giá gà giảm nhiều từ năm ngoái đến đầu năm nay. Tới bây giờ thì giá gà lại đang bắt đầu lên, thường thì giá hay lên vào dịp gần tết. Năm nay có lẽ do các hộ chăn nuôi nhiều hơn, nên giá gà lại giảm”

“Giá trứng gà thì thay đổi liên tục, năm trước 3200/quả, giảm dần 3000 rồi 2400, giờ lại tăng lên 2800 đồng 1 quả. So với trước thì có giảm nhiều nhưng vẫn phải tiếp tục vì chuyển nghề khác cũng khó.”

“Cá thì cũng có nhiều hộ nuôi: cá tra, cá bông, cá lóc.... mấy năm trước được giá, 40 - 50 nghìn đồng/kg cá bông, cá tra 25 nghìn đồng, bây giờ mỗi loại giảm từ 5 - 10 nghìn đồng.”

Tổng hợp từ phỏng vấn sâu các hộ chăn nuôi

Bên cạnh nông nghiệp, các nghề truyền thống và nghề thủ công ở khu vực nông thôn cũng đóng vai trò quan trọng trong đảm bảo thu nhập cho hộ gia đình. Tất nhiên, các ngành sản xuất này cũng bị ảnh hưởng bởi cú sốc kinh tế suy giảm. Những làng nghề truyền thống chỉ phục vụ thị trường trong nước như đúc đồng, may... vẫn tồn tại được dù gặp những khó khăn chung như giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng, sức mua thị trường giảm... còn những làng nghề sản xuất hàng xuất khẩu truyền thống lại bị ảnh hưởng mạnh bởi cơn bão khủng hoảng kinh tế toàn cầu.



Hộp 1.19: Sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ suy giảm

“Các đơn hàng xuất khẩu sản phẩm thủ công mỹ nghệ của làng nghề chắp nứa [mây tre đan] Yên Tiến, Nam Định bị giảm, hàng đã đặt bị tìm mọi cách trả lại. Hàng loạt các cơ sở chắp nứa lâm vào tình trạng nguy khốn, từ chỗ hàng nghìn cơ sở sản xuất năm 2010 hiện giờ chỉ còn vài chục cơ sở, với vài doanh nghiệp lớn đều đang rơi vào khó khăn. Từ chỗ lao động hàng chục nghìn người không chỉ tại địa phương mà còn ở các tỉnh lân cận như Thanh Hóa, Hòa Bình, Ninh Bình...giờ chỉ còn con số vài trăm.”

Nghiên cứu thực địa tại Nam Định

b. Các nhóm dễ tổn thương

Trong ngành nông nghiệp, các cú sốc ảnh hưởng mạnh nhất đến nhóm hộ thuần nông (hoạt động kinh tế hoàn toàn dựa vào nông nghiệp), bao gồm hộ trồng trọt, hộ chăn nuôi, hộ nuôi trồng thủy sản và hộ sản xuất hỗn hợp các sản phẩm trên.

Cú sốc và tác động

Những hộ bị rủi ro lớn thì sản xuất thua lỗ, bán sản phẩm không đủ bù đắp chi phí, “lấy công làm lãi cũng không đủ”. Câu chuyện dịch bệnh, thiên tai, được mùa mất giá không còn là mới nhưng họ bị rủi ro hơn trong bối cảnh suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế kéo dài, thị trường tiêu thụ bị hẹp lại ở nhiều mặt hàng. Mặt khác, lao động từ các ngành khác bị ảnh hưởng mạnh hơn quay về nông nghiệp (tạm thời hoặc lâu dài) cũng tác động lên hộ thuần nông về việc làm và thu nhập. Do không có các nguồn thu nhập phi nông nghiệp nên khi các cú sốc xảy ra thì các tác động là rất mạnh.

Đối với các hộ trồng lúa, sức tiêu thụ không giảm do lúa gạo và rau là những mặt hàng thiết yếu. Lao động trở về làm trồng trọt tạo nên sự dư thừa lao động gây nên lãng phí, giảm năng suất và thu nhập tính trên đầu lao động. Nhóm trồng rau bị ảnh hưởng nhiều do có nhiều hộ chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng rau dẫn đến nguồn cung tăng vượt cầu làm giảm giá bán. Nhóm trồng cây ăn trái (ở phía Bắc) bị tác động mạnh hơn do thị trường tiêu thụ giảm, thêm vào đó là cạnh tranh từ hàng Trung Quốc.

Hộp 1.20: Cú sốc đối với ngành trồng trọt

“...Hơn 1 năm nay khó khăn, rau thì rẻ không bán được, trước 10 nghìn đồng/kg rau mà giờ có 5-6 nghìn/kg thôi, chuối trồng ra nhiều mà bán không ai mua... chuối chín rụng đầy gốc không muốn chặt về, vì chặt về bán không có người mua. Trước có khi đi bán một buổi chợ được 500-600 nghìn nhưng giờ chỉ được 80-150 nghìn đồng mà như hôm qua, đi bán cả ngày mới được có 40 nghìn đồng”.

Phỏng vấn sâu hộ trồng trọt, phường Lĩnh Nam – Hoàng Mai – Hà Nội



Các hộ chăn nuôi bị ảnh hưởng nặng do người tiêu dùng cắt giảm chi tiêu đối với các mặt hàng thực phẩm đắt tiền như thịt, cá. Thị trường tiêu thụ bị bó hẹp lại, gây khó khăn cho đầu ra. Mặt khác, do một bộ phận lao động di cư quay về nông thôn, tham gia vào hoạt động chăn nuôi dẫn đến nguồn cung cấp thức ăn chăn nuôi giá rẻ bị chia sẻ. Đồng thời nguồn cung hàng cũng dồi dào hơn nên cạnh tranh gia tăng dẫn đến dư thừa và bị giảm giá bán. Vì thế, nhiều hộ chăn nuôi đã phải bỏ chuồng trại, không dám làm nữa vì “càng làm càng lỗ”.

Hộp 1.21: Cú sốc đối với ngành chăn nuôi

“Ngày trước đi lấy nước gạo, cơm thừa ở các cửa hàng về cho lợn nhưng bây giờ nhiều người đi lấy như thế, trong khi các cửa hàng ăn uống cũng vắng khách nên thức ăn thừa bị giảm xuống... Trước đây 5-10 hộ chăn nuôi thì kiếm thức ăn dễ hơn so với cả làng cùng chăn nuôi”

“Một năm trở lại đây giá bán có nhiều biến động, tại thời điểm tháng 10/2012 và đầu năm 2013 giá lợn giảm mạnh chỉ còn khoảng 30 – 31 nghìn đồng/kg. Trong khi đó, chi phí cám vẫn tiếp tục tăng và giá lợn giống cao, do đó sau khi bán gia đình bị lỗ 10 triệu đồng/ lứa lợn.”

Thảo luận nhóm hộ chăn nuôi xã Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội

Chiến lược ứng phó

Đối phó với việc thiếu đất canh tác và dư thừa sức lao động trong nông nghiệp, biện pháp ứng phó chủ yếu là đi thuê đất hoặc đi làm thuê cho các hộ nhiều đất. Hiện tượng thuê, mượn đất canh tác diễn ra ở các vùng ít đất sản xuất, đất đai manh mún và cả những vùng có diện tích canh tác lớn.

Hộp 1.22: Chiến lược ứng phó

“Nhà tôi có 5 người, 2 vợ chồng, 2 ông bà, 1 đứa con. Nhà chỉ có 2 công đất, không đủ canh tác nên tôi mượn thêm 15 công nữa, giá mượn 15 triệu/năm tính ra lấy công làm lãi thì cũng đủ sống...”

Thảo luận nhóm nông dân xã Vĩnh Trị, Vĩnh Hưng, Long An

“Các cô không có trình độ nên chỉ biết bám vào đồng ruộng, rồi các con không có việc nên phải thuê thêm đất cho chúng nó làm cùng chứ chả nhẽ lại ngồi chơi. Càng khó khăn lại càng phải làm... trước làm 7 – 8 sào là đủ ăn rồi nhưng giờ phải làm nhiều hơn thì may ra mới đủ sống...”

Phỏng vấn sâu hộ trồng trọt, phường Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội



Các hộ sản xuất nói chung chưa tìm được một chiến lược phù hợp để đối phó với tình trạng dư thừa nông sản, nguyên nhân là vì người nông dân chưa chủ động được đầu ra. Các nỗ lực như chuyển đổi cơ cấu cây trồng hay chọn những loại nông sản có giá thành cao đòi hỏi nhiều kiến thức và kỹ thuật, phát triển các mô hình trồng rau sạch đòi hỏi vốn đầu tư và chuyển giao công nghệ; việc tìm thị trường ổn định cho nông sản cũng vượt quá khả năng của họ. Vì thế đối với các hộ trồng trọt, khi nông sản đến kỳ thu hoạch, họ buộc phải bán để thu hồi chi phí trước khi bị hỏng. Đối với các hộ chăn nuôi, ứng phó chủ yếu là tạm dừng một thời gian để chuyển đổi hoặc cơ cấu lại hoặc cố gắng chủ động hơn về giống và nguồn thức ăn để giảm chi phí, qua đó tăng hiệu quả sản xuất.

Thực tế cho thấy khi có mô hình sản xuất tốt, được hỗ trợ, thì nông nghiệp có thể phát triển kể cả trong điều kiện suy thoái kinh tế. Một số mô hình thí điểm đã mang lại kết quả. Tuy nhiên, để có thể thành công thì cần không chỉ vốn mà còn phải đầu tư cả kỹ thuật và kiến thức cho người sản xuất. Do vậy, các dự án hầu như chỉ dừng ở mô hình thí điểm và khó có thể nhân rộng.

Hộp 1.23: Dự án nông nghiệp mang lại hiệu quả

“Ở đây có dự án LIFSAT của Ngân hàng Thế giới về chăn nuôi lợn sạch, sạch từ khâu chuồng trại, cám bã tới lúc vào lò mổ. Dự án này làm từ 2010 nên chúng tôi giờ cũng bắt đầu quen với những quy định khắt khe của dự án rồi, và cũng thấy mình cũng hưởng lợi nhiều. Dự án này đã hỗ trợ làm một lò mổ 650 triệu, đang hỗ trợ làm một cái chợ tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi... Nói chung cứ có lợn là có người tới hỏi mua, không phải đi đâu cả, chỉ đòi lúc bị ép giá khi giá lợn xuống quá thấp thôi.

Thảo luận nhóm hộ chăn nuôi - Quảng Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa

Nhóm nông dân có quy mô sản xuất lớn tuy bị ảnh hưởng trước các cú sốc trong ngành nông nghiệp nhưng do có tiềm lực lớn nên ứng phó tốt hơn, chỉ cần 1 – 2 vụ có lãi là họ vượt qua được khó khăn.

Nhóm hộ nghèo tại các địa bàn khảo sát đa phần là người già, người khuyết tật hay ốm đau bệnh tật triền miên. Họ đều là những người không còn sức lao động, không hoặc ít tham gia các hoạt động kinh tế nên các cú sốc do kinh tế tăng trưởng chậm “không ngoạm tới”. Các chính sách an sinh xã hội hiện nay cũng hỗ trợ rất nhiều cho nhóm đối tượng này vì thế “nhiều hộ không muốn thoát nghèo”.



Hộp 1.24: Hộ nghèo

“Trẻ con đi học được miễn giảm học phí, tiền điện mỗi tháng được hỗ trợ 30.000đ, Tết được 200.000đ, được hưởng bảo hiểm y tế... được hưởng như vậy giúp gia đình tôi giảm khó khăn cho gia đình trong sinh hoạt và khám chữa bệnh”.

Phỏng vấn sâu hộ nghèo, xã Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội

Tóm lại, do ảnh hưởng của suy giảm tăng trưởng kinh tế kéo dài, các ngành bị suy giảm đáng kể về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm và thu nhập của người lao động. Người lao động buộc phải di chuyển nhiều hơn để tìm việc làm mới. Mặt khác, việc làm và thu nhập bị ảnh hưởng tiêu cực nên *đời sống và phúc lợi của các hộ gia đình* cũng bị suy giảm theo. Từ đó, các *nhóm dân cư dễ bị tổn thương* mới xuất hiện và/hoặc càng nhạy cảm hơn trước các cú sốc.

Các ngành kinh tế nào bị suy giảm mạnh sẽ tác động trực tiếp đến việc làm và thu nhập của người lao động trong những ngành đó. Những tác động này gây ra các cú sốc chính mà người lao động phải chịu, gồm:

- Mất việc làm, bị thất nghiệp: cú sốc này xảy ra chủ yếu với những người làm công ăn lương trong ngành xây dựng; xảy ra trên diện rộng cả ở nông thôn và thành thị, tại các vùng kinh tế trọng điểm như TP Hồ Chí Minh, Long An, Hà Nội hay những vùng ít phát triển hơn như Nam Định, Thanh Hóa. Số liệu từ các Sở Lao động-Thương binh và Xã hội cho thấy số lao động đăng ký BHTN tăng đột biến trong 2 năm 2011 và 2012. Năm 2013, số lượng tuy đã giảm nhưng vẫn còn rất cao so với 2010¹³.
- Cạnh tranh mạnh về việc làm: cú sốc này xảy ra đối với lao động trên tất cả các ngành, đặc biệt là bán lẻ và nông nghiệp. Số lượng lao động tham gia vào các ngành này tăng lên do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng chủ yếu là lao động bị ảnh hưởng từ các ngành khác đã quay sang bán lẻ (bán hàng rong) hoặc về quê tham gia sản xuất nông nghiệp. Cú sốc này gây nên áp lực mạnh cho những lao động vốn đang làm việc
- Buộc phải chuyển việc làm/chỗ làm việc với điều kiện và tình trạng việc làm kém hơn: cú sốc này xảy ra với cả lao động làm công ăn lương và lao động tự làm trong xây dựng và bán lẻ. Địa bàn xảy ra trên diện rộng, rõ nét nhất là tại các vùng đô thị và vùng giáp ranh với đô thị. Cú sốc này tạo nên các luồng dịch chuyển lao động ngược từ thành thị về nông thôn, từ khu vực chính thức sang phi chính thức, từ phi nông nghiệp trở về làm nông nghiệp.

¹³ Theo số liệu từ Trung tâm Dịch vụ Việc làm Long An, số đăng ký BHTN qua các năm là: 6 886 (năm 2010); 10 816 (năm 2011); 17 133 (năm 2012), 12 299 (đến tháng 10/2013); Các số liệu tương ứng từ Trung tâm Dịch vụ Việc làm TP Hồ Chí Minh: 67 490; 105 737; 142 050; 106 469. (Theo quy luật 2 tháng cuối năm có số người đăng ký BHTN thấp nhất)



- Giảm thu nhập: cú sốc này xảy ra trên diện rộng nhất, ở tất cả các ngành nghề, địa bàn, mọi nhóm, loại hình lao động. Trong ngành xây dựng, thu nhập giảm chủ yếu do mất/giảm việc làm tạm thời và không tìm được việc làm khác thay thế; trong ngành bán lẻ, giảm thu nhập chủ yếu do doanh số bán hàng và tỷ suất lợi nhuận giảm dù trong một số trường hợp thời gian làm việc có thể tăng thêm; trong nông nghiệp, giảm thu nhập chủ yếu do yếu tố giá cả đầu vào/đầu ra và những tác động bên ngoài không mong muốn làm giảm sản lượng thu hoạch.

Do ảnh hưởng của các cú sốc là khác nhau tại mỗi địa bàn cũng như đặc điểm của mỗi ngành kinh tế là khác nhau nên tác động của các cú sốc này lên người lao động cũng khác nhau. Phản ứng của người lao động trước các cú sốc cũng khác nhau, phụ thuộc vào nguồn lực sẵn có và năng lực ứng phó của mỗi nhóm. Một số nhóm tuy chịu tác động mạnh nhưng do nguồn lực dồi dào hơn cả về vốn nhân lực và dự trữ tài chính nên ứng phó tốt hơn. Ngược lại, một số nhóm do hạn chế cả năng lực cá nhân và tài chính nên dù cú sốc không quá lớn (trên bình diện chung) nhưng điều kiện sống và phúc lợi của đối tượng cũng như hộ gia đình bị ảnh hưởng mạnh, tạo nên các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương mới xuất hiện trong điều kiện suy giảm và đình trệ kinh tế kéo dài.

2. Các vấn đề chung (liên ngành)

2.1. Luồng dịch chuyển lao động

Suy giảm kinh tế ảnh hưởng mạnh đến các ngành sản xuất kinh doanh nên tác động đến thị trường lao động. Dù tỷ lệ thất nghiệp chung và thất nghiệp thành thị vẫn duy trì được ở mức thấp nhưng đã có xu hướng tăng nhẹ, lao động di chuyển nhiều hơn để tìm việc làm. Các luồng dịch chuyển lao động trở nên phức tạp, đa dạng hơn. Bên cạnh các luồng dịch chuyển lao động vốn có là từ nông thôn ra thành thị, từ miền Bắc vào miền Nam, từ khu vực phi chính thức sang chính thức, cũng có các luồng di chuyển lao động ngược lại.

a. Khu vực chính thức và phi chính thức

Chuyển dịch cơ cấu lao động và việc làm luôn hướng các dòng chuyển dịch từ khu vực phi chính thức sang chính thức để tăng mức độ an ninh việc làm. Tuy vậy, trong những năm qua do suy giảm kinh tế, hàng loạt doanh nghiệp phải giảm quy mô, thậm chí tạm ngừng sản xuất hoặc phải đóng cửa hoàn toàn dẫn đến việc doanh nghiệp cắt giảm lao động. Nhiều lao động mất việc làm, không thể tìm được việc làm mới trong các doanh nghiệp tương tự, buộc phải trở thành lao động tự do, tìm kiếm việc làm trong những nhóm thợ hoặc quay trở về quê làm nông nghiệp.

Từ khu vực chính thức, một cách bắt buộc và không mong muốn, nhiều lao động đã chuyển sang khu vực phi chính thức. Luồng dịch chuyển lao động này gia tăng từ năm 2010. Các số liệu vĩ mô cũng chỉ ra rằng tỷ trọng việc làm khu vực chính thức liên tục giảm trong 3 năm trở lại đây. Chuyển từ khu vực chính thức sang phi chính thức, việc làm của người lao động không được đảm bảo trên nhiều khía cạnh từ điều kiện làm việc, an toàn vệ sinh lao động đến mức độ ổn định về thu nhập.



Hộp 2.1: Chất lượng việc làm suy giảm

Lê Thanh T, sinh năm 1992 mới học hết cấp 2, quê ở Kiên Giang lên Bến Lức, Long An làm phụ hồ cho công ty Khang Thông, một trong những nhà thầu xây dựng khu vui chơi giải trí Happy Land. Từ năm 2012, vốn đầu tư vào Happy Land giảm, các hạng mục xây dựng mới không khởi công nữa, nhiều hạng mục đang thi công dở cũng tạm ngừng. Anh T và hầu hết phụ hồ, thợ xây của công ty Khang Thông đã không còn việc làm, trở thành lao động tự do, làm cho công trình nhỏ trong vùng. Ngày công đã giảm từ mức 250.000 đồng/ngày xuống còn 150.000 đồng/ngày, chưa kể đến không được phát đồ bảo hộ lao động hay đóng bảo hiểm tai nạn.

Phỏng vấn sâu phụ hồ, Bến Lức, Long An

Nguyên nhân khác là lao động không tìm được việc làm trong khu vực chính thức nên buộc phải làm việc trong khu vực phi chính thức, do đó số lao động làm việc ở khu vực này tăng cao làm cho tỷ trọng lao động phi chính thức tiếp tục giữ vững và chưa có dấu hiệu giảm xuống.

b. Nông nghiệp, nông thôn và thành thị

Dù nền kinh tế khó khăn, tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm hơn trong thời gian dài nhưng dòng lao động từ các vùng nông thôn đổ vào thành thị và các khu công nghiệp vẫn tăng. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên dòng di cư này là do sức hút từ khu vực thành thị và lực đẩy từ nông nghiệp, nông thôn.

Ở khu vực nông thôn, việc làm chủ yếu là nông nghiệp. Các hoạt động sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp chưa phát triển, chủ yếu vẫn là sản xuất kinh doanh cá thể, hộ gia đình và một số ít doanh nghiệp nhỏ và vừa. Năng suất lao động trong nông nghiệp thấp. Tình trạng ruộng đất ít, dư thừa sức lao động, người nông dân không đủ đất canh tác. Ở nhiều vùng, do quy hoạch (kể cả những vùng đã quy hoạch nhưng chưa xây dựng, trở thành quy hoạch treo) dẫn đến tình trạng người dân bị mất đất sản xuất. Do vậy, họ buộc phải chuyển đổi nghề nghiệp nhưng một số người nông dân do hạn chế về trình độ cũng như độ tuổi nên không thể tìm được việc làm khác ở nông thôn.



Hộp 2.2: Lao động rời bỏ nông nghiệp, nông thôn

“Mỗi khẩu có sào rưỡi bắc bộ. Người già thì còn có ruộng nhưng lớp trẻ từ 1997 trở lại đây là không có. Không có đất thì phải đi làm ăn xa thôi. Mà làm ruộng thì sống sao được nên con cái chúng tôi đều đã đi gần 10 năm rồi, bọn trẻ giờ hết học là xin đi làm công nhân. Giờ bảo về làm ruộng là chả đứa nào muốn, lâu không làm làm sao được nữa.”

Thảo luận nhóm hộ gia đình có con đi làm ăn xa, xã Xuân Thượng, Nam Định

“Công ty Anh Việt đền bù hoa màu từ 2007-2013 cho bà con, đền bù hoa màu trên mỗi sào. Nhưng không biết lý do gì bây giờ đang bỏ hoang. Chúng tôi đang kiến nghị để bà con quay lại làm chứ đất thì bỏ hoang và người thì không có việc làm...”

Thảo luận nhóm nông dân xã Xuân Châu, Nam Định

Ở thành thị, cơ hội và khả năng tìm những công việc chân tay hoặc bán hàng rong và nhiều việc khác... còn lớn. Những việc này tạo được thu nhập cao hơn so với làm nghề nông và hiển nhiên là tốt hơn so với tình trạng thiếu việc làm, bị thất nghiệp

Do vậy, việc làm ở nông thôn không còn tạo được sức hút, nhất là đối với lao động trẻ, tạo nên các dòng dịch chuyển từ nông thôn ra thành thị tìm việc làm ở cả miền Bắc và miền Nam.

Mặt khác, trong điều kiện suy giảm tăng trưởng cũng xuất hiện dòng lao động di chuyển ngược từ thành thị về nông thôn, điển hình là lao động ngành xây dựng. Xây dựng và các ngành liên quan bị ảnh hưởng bởi suy giảm kinh tế dẫn tới nhiều lao động bị mất việc làm, giảm thu nhập. Một số không thể bám trụ được ở thành thị, phải quay về nông thôn để tìm cơ hội việc làm hay ít ra là cũng giảm được chi phí sinh hoạt. Vì vậy, áp lực việc làm ở nông thôn gia tăng, chỉ những thợ giỏi, lành nghề mới dễ kiếm được việc làm. Những thợ kém hơn hoặc là ở nhà phụ giúp gia đình chăn nuôi, làm nông nghiệp, chăm con hoặc làm bất cứ nghề gì khác được thuê làm. Dòng chuyển dịch ngược về nông thôn từ khu vực thành thị, khu công nghiệp ở miền Bắc rõ nét hơn so với ở miền Nam. Ở miền Nam, do kinh tế phát triển và năng động hơn, người lao động dễ tìm được việc làm mới hơn và vì thế số lao động phải trở về ít hơn.

Tuy nhiên, nông thôn với vai trò làm giá đỡ cho những người lao động đã không còn như trước. Hầu hết các lao động chỉ quay về sau khi đã xoay sở hết cách và không thể bám trụ lại thành thị được nữa. Họ về quê để giảm chi phí sinh hoạt, chờ đợi việc làm mới và sẽ lại tiếp tục dòng chảy hướng về các vùng đô thị.

Hộp 2.3: Lao động không có việc tạm thời quay về nông nghiệp, nông thôn

“...Hết việc chỗ này thì em lại đi chỗ khác tìm việc mới, đợt nào không có việc kéo dài thì mới quay về quê, có việc có người gọi thì lại đi tiếp chứ ở quê kiếm tiền đâu có dễ...”

Phỏng vấn sâu phụ hồ, Bến Lức, Long An



c. Giữa các vùng miền

Luồng lao động di cư tự phát từ các vùng miền đổ về 2 trung tâm lớn nhất là Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận đã diễn ra từ khi đất nước bắt đầu công cuộc đổi mới và mở cửa nền kinh tế. Trong điều kiện tăng trưởng kinh tế suy giảm, khu vực miền Đông Nam Bộ năng động hơn và ứng phó tốt hơn với những tác động tiêu cực nên dòng lao động đổ vào miền Nam vẫn tiếp tục tăng. Số liệu điều tra biến động dân số qua các năm từ 2010 đến 2012 cho thấy tỷ suất di cư thuần ở các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh cao hơn hẳn so với ở Hà Nội, Hải Phòng¹⁴.

Hộp 2.4: Luồng di cư vào miền Nam

“Người làng Minh Châu này đi hết ¾. Vào trong Sài Gòn [TP Hồ Chí Minh] là chính, đều mang nghề quê hương vào đó làm... Những người ra đi làm ăn cũng hơn ở quê, trong đó tập trung đông dân nên có làm ra cái bánh cũng bán hơn ở nhà, chính sách trong đó cũng dễ làm, dễ thở hơn. Lúc đầu đi cũng khó khăn, nhưng dần dần thì cũng làm ăn được nên đi hết. Sau sinh viên cũng vào đó sống, cũng có nhóm đi làm Hà Nội rồi cũng chạy vào Nam...”

Phỏng vấn sâu trường thôn, Thiệu Châu, Thiệu Hóa, Thanh Hóa

Ở tỉnh Thanh Hóa, có dấu hiệu về luồng dịch chuyển lao động từ các tỉnh khác trở về, đăng ký thất nghiệp và tìm việc. Nguyên nhân là do các khu công nghiệp của địa phương (KCN Nghi Sơn, KCN Lễ Môn...) đi vào hoạt động, tăng nhu cầu lao động nên thu hút nguồn nhân công trở về Thanh Hóa làm việc. Người lao động vừa được ở gần gia đình lại giảm bớt được các chi phí đi lại, thuê chỗ ở, chi phí giáo dục con cái....

Hộp 2.5: Lao động quay về quê nhà tìm việc

“Về xem có công ăn việc làm nào ở nhà không, ở nhà bây giờ các khu công nghiệp cũng thấy nói là thu hút nhiều công nhân, thế nên về nghe ngóng rồi về thử”

“Lương trong kia cao thì cũng chỉ đủ, về đây lương thấp cũng đủ. Mà con cái đi học hành được yên tâm hơn, có ông bà đỡ đần nữa nên thấy về vẫn hơn”.

Phỏng vấn sâu lao động đang nhận BHTN, Thanh Hóa

¹⁴ Theo Điều tra Biến động dân số giữa kỳ (Tổng cục Thống kê), tỷ suất di cư thuần năm 2010, 2011, 2012 lần lượt là: Hà Nội 5,9%; 4,1% và 2,9%; Hải Phòng: 3,2%; 2,9% và 4,0%; Bình Dương: 57,3%; 38,4%; 46,4%; Đồng Nai: 27,7%; 19% và 11,3%; TP HCM: 18,4%; 11,2% và 7,4%.



2.2. Tác động đến đời sống của hộ gia đình

Hậu quả chính của các cú sốc trên diện rộng là làm sụt giảm thu nhập của người lao động và theo đó là thu nhập của hộ gia đình. Thu nhập của các thành viên đang sinh sống trong hộ, tiền gửi về từ những lao động đi làm ăn xa bị giảm hoặc không còn. Một số lao động trở về chưa có việc làm ngay cũng là gánh nặng cho các hộ. Có hộ còn phải gửi tiền hoặc lương thực để hỗ trợ cho các thành viên đang sinh sống ở nơi khác.

Như đã phân tích, hệ thống chính sách ASXH hiện hành chưa thực sự hiệu quả để hỗ trợ các nhóm lao động mới bị tổn thương vì cú sốc kinh tế. Các hộ gia đình buộc phải có những ứng phó chủ yếu là dựa vào bản thân và các nguồn phi chính thức. Các biện pháp là (1) cắt giảm các chi tiêu được cho là không cần thiết bao gồm cả tiết kiệm và tích lũy; (2) sử dụng các khoản tiết kiệm trước đây để bù đắp thu nhập thiếu hụt (3) tìm hỗ trợ từ các nguồn khác nhau.

Cắt giảm chi tiêu là ứng phó đầu tiên của các hộ gia đình trước tác động của các cú sốc. Bản thân biện pháp ứng phó này trực tiếp tác động đến đời sống và phúc lợi của hộ gia đình và các thành viên trong hộ. Các khoản chi tiêu không cần thiết bao gồm các chi cho vui chơi, giải trí... bị giảm đầu tiên; tiếp theo là giảm bớt hoặc không tích lũy, tiết kiệm hàng tháng; hạn chế mua sắm mới quần áo, đồ dùng gia đình; ...

Các gia đình có thu nhập thấp hoặc trung bình buộc phải thắt chặt, tính toán trong chi tiêu ăn uống. Các thực phẩm (thịt, cá) và hoa quả đắt tiền bị giảm đầu tiên. Lương thực thiết yếu và rau quả thì không giảm, thậm chí tăng lên để thay thế. Đối với các hộ nông nghiệp nông thôn, các thức ăn chủ yếu là nguồn thức ăn do chính các hộ gia đình tạo ra như rau, gạo, trứng để hạn chế nguồn thức ăn phải đi mua. Các khoản điện, nước, ga cũng được tiết kiệm để giảm chi phí.

Hộp 2.6 : Tiết kiệm chi phí sinh hoạt

"...rau thì nhà trồng được, trứng cũng có vì nhà nuôi gà, vừa để ăn vừa để bán ..."

Thảo luận nhóm hộ bán lẻ xã Cao Viên, Thanh Oai

"...mặc dù nhà có bếp ga mà ko có tiền đổi ga nên phải dùng bếp dầu ... cũng chỉ cố gắng có đủ cơm ăn thôi, phụ gia như mì chính, bột nêm đôi khi không cần thiết, chỉ có đứa cháu bố mẹ gửi trông buổi tối thì phải ăn uống tắm bổ hơn chút ..."

Phỏng vấn sâu hộ làm xây dựng, Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

Chăm sóc y tế cũng có chiều hướng giảm, nhất là với những hộ quá khó khăn, tự chữa những bệnh nhẹ, chỉ đi khám khi bệnh nặng

Chăm sóc y tế, dinh dưỡng cho trẻ nhỏ vẫn được duy trì, "người lớn bớt được còn trẻ con thì không", và "ốm đau thì đương nhiên phải đi viện". Tuy nhiên nhiều hộ cũng tiết kiệm bằng cách lựa chọn các loại thực phẩm cùng chủng loại nhưng giá rẻ hơn hoặc những loại đang có khuyến mại.



Trong khi nhiều khoản bị cắt giảm thì *chi tiêu cho giáo dục* hầu như không thay đổi, thậm chí tăng so với năm trước vì học phí, các khoản đóng góp và bảo hiểm đều tăng. Dù có khó khăn, đa số người lao động đều cố cho con tiếp tục đi học, thậm chí phải vay mượn. Khoản bị cắt giảm là học thêm và học năng khiếu.

Hộp 2.7 : Dinh dưỡng và giáo dục cho trẻ em

“Ăn uống và giáo dục cho các cháu thì không giảm được. Tôi có 2 đứa con, một đứa lớp 3, một đứa mẫu giáo, thu nhập giảm nhưng không ảnh hưởng đến học hành của con được, phải đảm bảo. Có thiếu thì vay mượn anh em trong nhà rồi trả dần chứ không để con nghỉ học”

Thảo luận nhóm hộ xây dựng xã Cao Viên

Nhóm trẻ em trong các hộ gia đình di cư gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận giáo dục tối thiểu. Các hộ gia đình có trẻ nhỏ (dưới 6 tuổi) gặp khó khăn khi tìm cơ sở mầm non để gửi trẻ, đặc biệt là trẻ dưới 3 tuổi. Các hộ gia đình phải gửi trẻ về quê nhờ người thân chăm sóc hoặc gửi trong các nhóm trẻ tư nhân mà số lượng lớn là hoạt động chưa có giấy phép và không đảm bảo các yêu cầu cơ bản. Vấn đề này hiện chưa có một giải pháp chính sách khả thi nào từ phía các cơ quan chính phủ có liên quan. Thêm vào đó, chi phí để gửi trẻ mầm non cũng cao so với mức thu nhập của các hộ gia đình di cư và càng là gánh nặng trong bối cảnh khó khăn về việc làm và thu nhập trong những năm gần đây.

Hộp 2.8: Giáo dục mầm non cho trẻ em

“Cô cũng có dám thu [tiền] cao đâu, cả ăn nữa có hơn 1 triệu/tháng mà đợt này đến cả chục cháu nghỉ học, công nhân ít việc nên ở nhà giữ con, họ nói lương chẳng đủ tiền gửi trẻ...”

Phỏng vấn sâu chủ cơ sở mầm non tư thục, Bến Lức, Long An

Do chính sách phổ cập giáo dục, trẻ em trong các hộ gia đình di cư tuy không gặp nhiều vấn đề về việc tìm được một trường học tại nơi tạm trú, nhưng do là đối tượng “trái tuyến” nên các khoản đóng góp và chi phí thường cao hơn. Chính sách phổ cập giáo dục hiện mới chỉ đến cấp 2 nên nếu muốn tiếp tục học đến cấp 3 thì các em thường phải trở về quê hoặc chịu mức chi phí cao hơn nhiều lần. Những khó khăn này gây cản trở cho việc đảm bảo tiếp cận giáo dục đối với nhóm trẻ em này. Bối cảnh kinh tế trì trệ kéo dài ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập của các hộ gia đình, do đó càng làm cho những khó khăn này trầm trọng hơn và dẫn đến nguy cơ cao trẻ em phải bỏ học sớm.

Ứng phó với tình trạng sụt giảm thu nhập, các hộ gia đình phải sử dụng nguồn bù đắp là các khoản tiết kiệm. Theo thời gian, các khoản tích lũy này hầu như đã cạn kiệt, những hỗ trợ về vật chất và tinh thần từ cha mẹ, anh chị em, họ hàng, bạn bè được sử dụng và là nguồn bổ sung quan trọng. Cho vay tiền để đầu tư tạo lập công việc mới hoặc trang trải các chi phí sinh hoạt tối thiểu là hỗ trợ phổ biến nhất. Những khoản vay không tính lãi, không có thời hạn trả này không



những là nguồn hỗ trợ quan trọng mà còn là sự động viên lớn về tinh thần trong giai đoạn khó khăn. Có nhiều trường hợp cha mẹ, anh chị em cũng gặp khó khăn không thể hỗ trợ bằng tiền nhưng vẫn chia sẻ nhà ở, thức ăn và chăm sóc trẻ em. Những lao động nhập cư, sống xa quê hương thì chỗ dựa từ gia đình, người thân không có nhiều. Nguồn vay mượn chủ yếu là bạn bè, người thuê mướn, sử dụng lao động.

Hộp 2.9: Hỗ trợ từ các nguồn phi chính thức

"...Hai đứa trẻ gửi cho bà chị dưới Tiền Giang nuôi hộ, thỉnh thoảng có tiền thì gửi xuống nuôi con, không có thì đành chịu..."

Thảo luận nhóm lao động không có đất canh tác, Vĩnh Hưng, Long An.

"... Lúc mình kẹt tiền có thể hỏi vay ông cai thầu, cũng có cai thầu tốt thì họ cho vay chứ thường là không cho đâu..."

Phỏng vấn sâu thợ hồ, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

Mua trả chậm cũng là một trong những ứng phó thường được nhóm có thu nhập thấp sử dụng khi gặp khó khăn. Người bán hàng đồng ý bán thiếu, bạn trả chậm cho các khách quen, đôi khi phải chấp nhận mức giá cao hơn thị trường tuy không đáng kể (thường tương đương với lãi suất của ngân hàng thương mại).

Vay từ các ngân hàng cũng là một biện pháp ứng phó. Tuy nhiên các hộ gia đình thu nhập thấp khó không thể tiếp cận các nguồn vốn vay thông thường từ các ngân hàng thương mại. Các nguồn tín dụng ưu đãi của chính phủ lại bị hạn chế về đối tượng và điều kiện. Phổ biến nhất là các trường hợp hộ nghèo vay để con em đi học. Các khoản vay hỗ trợ sản xuất thì đòi hỏi phải có thể chấp nên nhiều hộ không tiếp cận được.

Vay tiền nhanh với lãi suất cao từ những người cho vay lãi được xem là hình thức ứng phó cuối cùng được áp dụng. Không quá khó khăn để có thể vay được những khoản tiền nóng từ nguồn này. Tuy nhiên, tỷ lệ lãi suất quá cao tính theo tháng, theo tuần, thậm chí theo ngày trở thành gánh nặng lớn "chỗ thấp thì mười mấy phần trăm, chỗ cao thì là mấy chục phần trăm".

Bên cạnh đó, các cú sốc kinh tế còn gián tiếp gây ra những tác động tiêu cực đến đời sống các hộ gia đình và cộng đồng. Khi mất việc làm, một số lao động trở về quê, một số khác ở lại trong các khu trọ tại thành phố/khu công nghiệp để kiếm việc làm mới. Tuy nhiên, tìm việc làm trong giai đoạn suy giảm kinh tế thực sự không dễ dàng. Thời gian rảnh rỗi, tâm lý chán nản chính là một trong những nguyên nhân khiến người thất nghiệp rơi vào tệ nạn xã hội. Tình trạng cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp gây bất ổn trong gia đình và mất trật tự xã hội xảy ra nhiều hơn ở cả khu vực nông thôn và thành thị ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và điều kiện sinh hoạt của cả cộng đồng dân cư và từng thành viên trong cộng đồng.



2.3. Vai trò của hệ thống an sinh xã hội

Trong giai đoạn kinh tế khó khăn, **Chính phủ đã có các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người sản xuất** như hỗ trợ tài chính; mặt bằng sản xuất; công nghệ, trình độ kỹ thuật và trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực. Theo đánh giá chung, các hỗ trợ này chưa thực sự hiệu quả như mong muốn và khó tiếp cận đối với doanh nghiệp.

Đối với ngành nông nghiệp, chính sách bao tiêu sản phẩm, bình ổn giá cũng không được người sản xuất nông nghiệp hưởng ứng vì “giá mua còn thấp hơn giá thị trường”. Các hoạt động xây lò sấy, kho trữ thóc cũng chưa được người dân quan tâm, vì “thóc vụ trước chắc chắn bán không được giá bằng thóc vụ mới, nông sản càng để lâu càng mất giá”. Các chính sách, chương trình khuyến nông cũng được triển khai trong nhiều năm qua, người lao động khu vực nông thôn được tiếp cận các thông tin khuyến nông thông qua các hoạt động tuyên truyền, tập huấn. Tuy nhiên, mức độ tiếp cận các hướng dẫn trực tiếp và các mô hình khuyến nông còn rất thấp. Các mô hình khuyến nông được triển khai thực hiện theo mô hình thí điểm chưa gắn với thị trường và ít có cơ hội được nhân rộng, “tổng kết xong là thôi”.

Vì vậy, doanh nghiệp nhỏ và vừa, người sản xuất vẫn chủ yếu dựa vào nguồn vốn tự tích trữ từ trước và đi vay lãi ngoài khi cần thiết.

Các chính sách an sinh xã hội hiện hành tập trung hỗ trợ những nhóm đối tượng đã được xác định như hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ sinh sống tại các vùng khó khăn..., hầu như chưa tính đến các rủi ro kinh tế của người lao động. Do vậy, tác động của các cú sốc kinh tế thời gian vừa qua đã và đang làm xuất hiện một số nhóm đối tượng yếu thế mới nhưng họ hầu như không tiếp cận được các chính sách an sinh xã hội.

Chính sách Bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc và tự nguyện

Chính sách BHXH bắt buộc hiện chỉ áp dụng cho đối tượng có hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc từ 3 tháng trở lên. Do vậy, tỷ lệ bao phủ của BHXH mới chỉ đạt khoảng 20%¹⁵ lực lượng lao động. Trong bối cảnh tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất tập trung ở nhóm lao động khu vực phi chính thức, là lao động tự làm hoặc lao động thời vụ trong khu vực chính thức. Đây đều là những lao động không có hợp đồng lao động nên không được tham gia BHXH bắt buộc. Không có BHXH, bị mất việc làm, giảm thu nhập nên họ và gia đình họ gặp nhiều khó khăn.

Mặt khác, do kinh tế khó khăn kéo dài, các khoản đóng BHXH cho người lao động trở thành các khoản chi phí lớn đối với khả năng tài chính của doanh nghiệp. Vì vậy, các doanh nghiệp càng có xu hướng sử dụng lao động thời vụ để giảm chi phí. Tình trạng doanh nghiệp nợ đóng phí BHXH hoặc người lao động buộc phải tự đóng BHXH cho mình xảy ra phổ biến hơn.

¹⁵ Nguồn: Bảo hiểm xã hội Việt Nam, số liệu tính đến 2013.

Hộp 2.10: Bảo hiểm xã hội bắt buộc

"...Hồi đầu năm [2013], công ty đã giảm còn 70% lương và đóng bảo hiểm cho người lao động theo thoả thuận giữa người lao động và chủ. Nhưng từ tháng 10 thì người lao động phải tự túc đóng bảo hiểm vì công ty quá khó khăn, không lo được nữa..."

Công ty cổ phần Xây dựng Xuân Thủy – Xuân Phú, Xuân Trường, Nam Định

BHXH tự nguyện thực hiện từ năm 2008 được coi là chính sách bổ sung cho BHXH bắt buộc nhằm thu hút đông đảo bộ phận lao động còn lại của nền kinh tế tham gia (trên 30 triệu người). Thực tế thực hiện đến nay, BHXH tự nguyện mới chỉ thu hút được khoảng trên 170 nghìn lao động tham gia, trong đó khoảng 70% là những người trước đó đã đóng BHXH bắt buộc. BHXH tự nguyện mới chỉ có 2 chế độ là hưu trí và tử tuất. Mặt khác mức đóng BHXH tự nguyện hàng tháng tối thiểu theo qui định (bằng 22% mức tiền lương tối thiểu) cũng là cao so với thu nhập của một bộ phận người lao động. Do vậy, họ không muốn tham và tự nguyện nằm ngoài hệ thống BHXH.

Hộp 2.11: Bảo hiểm xã hội tự nguyện

"...Trước chị làm công ty may thì có bảo hiểm, giờ nghỉ rồi thì thôi ... Chị không biết bảo hiểm tự nguyện là gì, chưa nghe nói đến bao giờ ...

"...Nhà tôi thì chỉ mua bảo hiểm Prudential ... tôi chưa nghe về bảo hiểm tự nguyện bao giờ..."

Thảo luận nhóm chủ thầu xây dựng, Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội

Công tác tuyên truyền, phổ biến luật BHXH và thông tin về các hình thức BHXH còn nhiều hạn chế. Người dân lao động còn chưa biết và chưa hiểu về các chính sách BHXH để tham gia. Rất nhiều người đã nhầm lẫn giữa BHXH tự nguyện và bảo hiểm nhân thọ. Tại các địa bàn phỏng vấn, người dân đều biết về Bảo hiểm Prudential nhưng chỉ một số cán bộ xã là biết thông tin về BHXH tự nguyện.

Chính sách bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)

BHTN được triển khai từ năm 2009. Chính sách BHTN hiện nay chỉ áp dụng cho lao động có hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc từ 12 tháng trở lên làm việc trong các cơ sở có từ 10 lao động trở lên. Các nhóm *lao động phi chính thức, lao động thời vụ* không được tham gia, do đó không được hỗ trợ khi bị thất nghiệp trong khi việc làm của các nhóm này dễ bị ảnh hưởng nhất. Đây cũng là một lý do mà lao động không dám thất nghiệp và phải chấp nhận những việc làm chất lượng thấp.

Đối với các *lao động khu vực chính thức đủ điều kiện và tham gia*, BHTN đã phát huy được vai trò làm giá đỡ quan trọng trong trường hợp họ rơi vào rủi ro chịu cú sốc mất việc làm. Sau một số điều chỉnh quy định về thủ tục, việc đăng ký và hưởng các chính sách BHTN đã dễ dàng và thuận lợi hơn cho người lao động. Tuy nhiên mặt trái là dễ xảy ra tình trạng lạm dụng. Điển hình là trường hợp lao động đã tìm được việc nhưng vẫn tiếp tục đăng ký hưởng BHTN.



Chính sách bảo hiểm y tế (BHYT)

Y tế là một trong những chính sách được ưu tiên hàng đầu, BHYT toàn dân là một mục tiêu mà chính phủ vẫn đang theo đuổi và đã được luật hóa. Với các chính sách hiện nay của Việt Nam, hộ nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội và một số nhóm đối tượng khác được cấp thẻ *bảo hiểm y tế miễn phí*, hộ cận nghèo cũng được hỗ trợ 70% mức phí tham gia, thậm chí 100% tại một số địa phương. Phạm vi bao phủ BHYT hiện nay đã đạt 70% dân số nhưng hầu hết đối tượng có BHYT là thuộc diện bắt buộc tham gia hoặc là được nhà nước cấp thẻ BHYT miễn phí. Bộ phận dân số còn lại chưa tham gia BHYT bao gồm khoảng 74,7% người cận nghèo và 40-45% học sinh, mặc dù được hỗ trợ 70% nhưng vẫn chưa tham gia; 48,6% người lao động trong các doanh nghiệp và 74% nông dân, người lao động phi chính thức chưa tham gia¹⁶.

Nguyên nhân chủ yếu là do chính sách BHYT hiện nay để bộ phận dân cư này tự nguyện (không phải bắt buộc) tham gia mà không có sự hỗ trợ của Nhà nước. Do vậy, chỉ những đối tượng đau yếu, có bệnh tật mới tham gia. Thực tế này hàm ý rằng các điều kiện để *người dân tiếp cận, tìm hiểu chính sách và những quy định về BHYT vẫn còn hạn chế, kể cả công tác truyền thông, vận động người dân tham gia*.

Hộp 2.12: Các vấn đề về BHYT

“Em không có BHYT, em đi làm 10 năm rồi chưa thấy được mua bao giờ, công ty cũng không mua cho mà cũng không bắt phải mua ...”

Phỏng vấn sâu thợ xây dựng, công ty Việt Thuận, Bến Lức, Long An

“Nhà tôi chỉ mua BHYT cho 2 cháu theo quy định của nhà trường, cũng mấy trăm nghìn một năm, còn trong nhà không ai mua.”

Phỏng vấn sâu hộ bán lẻ, Linh Trung, Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

“Chỉ hộ nghèo mới được miễn phí, còn nhà tôi phải đóng cả, phí bảo hiểm năm nào cũng tăng, năm nay lên đến hơn 600 nghìn, nhà tôi 4 người, đóng cả mất hơn 2 triệu thì tiền đâu để nộp.”

Phỏng vấn sâu hộ nông dân, Vĩnh Trị, Vĩnh Hưng, Long An

¹⁶ Nguồn: Bảo hiểm xã hội Việt Nam



Mặt khác, mức phí đóng BHYT là khá cao đối với nhiều hộ gia đình thu nhập thấp và không ổn định. Mức phí đóng tăng theo lương tối thiểu và bảo hiểm theo từng năm khiến người dân nhất là nhóm có thu nhập thấp cảm thấy bị lãng phí (tham gia mà lại không hưởng do không ốm đau). Do đó, tình trạng phổ biến là ngoài những người được BHYT miễn phí, chỉ những đối tượng bắt buộc mới tham gia BHYT như học sinh sinh viên (đóng theo quy định nhà trường), cán bộ chính quyền, lao động có hợp đồng trong khu vực chính thức.

Tín dụng ưu đãi:

Các chính sách tín dụng ưu đãi nhằm hỗ trợ nguồn tài chính cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt như người nghèo và các đối tượng chính sách. Nhà nước hỗ trợ vốn sản xuất, kinh doanh theo cơ chế cho vay tín dụng thông qua các chương trình, chính sách khác nhau đã tạo cơ hội cho các nhóm yếu thế như lao động nghèo, lao động nông thôn, lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, lao động vùng chuyển đổi sử dụng đất nông nghiệp...

Nguồn tín dụng từ Ngân hàng Chính sách với lãi suất thấp cho các mục đích vay để sản xuất (tín chấp thông qua các đoàn thể và hiệp hội), vay để đi học (áp dụng cho các hộ nghèo) và vay với các mục đích khác (nhà ở, nước sạch, ...). Các nguồn vốn vay còn có nhiều hạn chế như các quy định và thủ tục vay còn giới hạn về đối tượng và thông qua hình thức bình xét, chọn lọc đối tượng vay.

Hộp 2.13: Tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng chính sách

"Vay vốn tín chấp thông qua hội Nông dân hay hội Phụ nữ nhưng cũng phải xem ai trả được nợ thì mới dám bảo lãnh cho vay. Các tổ hội đưa ra bình xét và chọn đối tượng được vay, nếu vay thì mục đích là gì, khả năng trả thế nào, những hộ như này [nghèo, không có hộ khẩu thường trú, khả năng trả được nợ không cao] thì không ai dám bảo lãnh cho vay..."

Thảo luận nhóm nông dân, Vĩnh Trị, Vĩnh Hưng, Long An

Nguồn tín dụng từ Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn để sản xuất được đánh giá là khó tiếp cận do lãi suất còn cao và đòi hỏi giá trị thế chấp lớn (giấy chứng nhận quyền sở hữu đất đai, nhà cửa). Nguồn vốn này thường được biết đến nhiều hơn tại các vùng sản xuất nông nghiệp lớn. Với những hộ có đất sản xuất, họ dùng chính sở hữu đất của mình để thế chấp vay vốn.

Trong thực tế, có hiện tượng người được vay do không có nhu cầu hoặc không biết cách sử dụng vốn đã nhường/bán lại lãi suất cho vay. Ngoài ra, còn có trường hợp sử dụng vốn sai mục đích như vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh nhưng lại mang ra cưới vợ cho con, chữa bệnh,...



Hộp 2.14: Sử dụng vốn tín dụng ưu đãi sai mục đích

“Hộ nhà tôi được vay 8 triệu làm nước sạch, tôi cũng không biết nguồn nào nhưng lãi suất thấp, đợt vừa rồi nhà có việc nên tôi tiêu trước, có tiền sẽ bù sau ... ”

Phỏng vấn sâu hộ nghèo, Vĩnh Trị, Vĩnh Hưng, Long An

“Có mấy nhà được vay vốn ưu đãi nhưng họ không biết dùng làm gì, nên “cho” tôi suất vay đó”

Phỏng vấn sâu chủ thầu, Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội

Các nhóm dễ tổn thương nhất là nhóm lao động di cư (trong các ngành kinh tế khác nhau bao gồm cả xây dựng và bán lẻ) ít có cơ hội tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi này. Nguyên nhân vì các chính sách này gắn với hộ khẩu hoặc đăng ký tạm trú dài hạn (KT3). Khu vực nông thôn, các hộ gia đình không nghèo nhưng ít đất/ không có đất rất khó được vay vốn tín chấp trong khi lại không có tài sản để vay thế chấp. Vì thế, những đối tượng có nhu cầu phải tìm đến các kênh không chính thức từ vay mượn của gia đình, bạn bè đến cả vay lãi suất cao.

Giới thiệu việc làm

Hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm ở các tỉnh đã có nhiều cố gắng trong việc kết nối người lao động và người sử dụng lao động. Các hoạt động chủ yếu là tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động, tổ chức Hội chợ việc làm, các phiên giao dịch việc làm vào ngày 15 hàng tháng và sàn giao dịch việc làm online 24/24. Trung tâm dịch vụ việc làm Long An, trong năm 2013 đã tư vấn việc làm cho khoảng 5000 lượt, cung cấp khoảng 30.000 bộ hồ sơ cho người lao động. Hiện nay Trung tâm đã không tổ chức các hội chợ việc làm do kinh phí lớn (200 – 300 triệu/lần) mà chỉ tổ chức các phiên giao dịch hàng tháng với chi phí thấp hơn nhiều (10 triệu/lần), mỗi phiên có 20-25 doanh nghiệp trực tiếp và 80-90 doanh nghiệp gián tiếp tham gia tuyển dụng, thu hút khoảng 800 - 1000 lao động đến dự (chủ yếu là ở Long An và một số ở tỉnh khác), trong đó 300 - 450 người tìm được việc làm.

So với nhu cầu tìm việc và tuyển dụng lao động thì con số này còn khá khiêm tốn. Ví dụ, số người đăng ký bảo hiểm thất nghiệp tại Trung tâm dịch vụ việc làm Long An năm 2013 khoảng 12.000 lượt người, khoảng 20% đối tượng đăng ký bảo hiểm thất nghiệp tìm được việc làm thông qua Trung tâm.



Hộp 2.15: Kênh giới thiệu việc làm chính thức

“... việc làm được giới thiệu không giống như mong muốn của chúng em. Chúng em về vì mong muốn được ở gần nhà hoặc có mức lương cao hơn nhưng các công ty được giới thiệu cũng không khá hơn nhiều so với công ty chúng em đã nghỉ việc...”

Phỏng vấn sâu người đến đăng ký trợ cấp thất nghiệp tại Trung tâm Dịch vụ Việc làm tỉnh Long An

Các kết quả từ các thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu cho thấy trước cú sốc mất việc, chuyển việc làm bắt buộc hay chất lượng việc làm bị giảm sút, người lao động tuy nhiên không dựa nhiều vào các kênh tìm việc chính thức mà tìm đến các mối quan hệ cá nhân, hoặc tự tìm việc. Điều này càng rõ nét đối với các lao động khu vực phi chính thức, lao động di cư tự do vốn bị hạn chế về tiếp cận thông tin bên cạnh hạn chế về trình độ CMKT.

Hộp 2.16 : Kênh tìm việc chủ yếu là tự tìm và quan hệ cá nhân

“...em thấy công trình thì em vào hỏi có cần phụ hồ không, người ta nhận thì mình vào làm luôn...”

“... tôi chỉ đợi chủ thầu hay có anh em, bạn bè gọi thì đi ... chắc ai có trình độ thì mới vào đấy [trung tâm dịch vụ việc làm] tìm việc...”

Tổng hợp từ khảo sát

Đào tạo nghề

Các chính sách hỗ trợ học nghề cũng chưa thực sự hiệu quả. Chương trình Đào tạo nghề nông thôn theo Quyết định 1956 triển khai thực hiện đến nay vẫn chưa thu hút được sự quan tâm của số đông lao động mặc dù học viên không phải đóng học phí và được hỗ trợ kinh phí (15.000 đồng/ngày). Nguyên nhân là đào tạo chưa gắn với nhu cầu, học xong cũng không ra nghề được, gây lãng phí cho người học và ngân sách.

Hộp 2.17 : Đào tạo nghề nông thôn

Cũng có mấy lớp dạy nghề rồi nhưng vận động mãi mới có người đi học, học kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi thì còn áp dụng được. Học mấy lớp sửa xe máy hay trồng nấm thì chẳng để làm gì, học xong thì thôi chứ có ra nghề được đâu.

Thảo luận nhóm nông dân, Vĩnh Trị, Vĩnh Hưng, Long An



Chế độ đào tạo nghề (thuộc chính sách BHTN) đối với đối tượng được bảo hiểm thất nghiệp cũng chưa thật sự hiệu quả do nhu cầu không cao và mức hỗ trợ thấp. Năm 2012, số đối tượng được hỗ trợ học nghề chiếm chưa đến 1% tổng số đối tượng đăng ký bảo hiểm thất nghiệp. Năm 2013 lượt người thất nghiệp được hỗ trợ học nghề đã tăng lên đáng kể so với 2012, từ 4.776 lượt lên khoảng 8.000 lượt nhưng vẫn rất thấp so với tổng số đối tượng bảo hiểm thất nghiệp là 421.000 người. Nhu cầu đào tạo nghề của nhóm này khá thấp do tỷ lệ cao đã có nghề, hơn nữa để học một nghề mới, ra nghề và có việc làm ổn định là cả một quá trình.

Hộp 2.18 : Đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp

Năm nay [2013] nhóm thất nghiệp [gần 12.000 người] chỉ đi học có 150 người, phải khuyến khích dữ lắm họ mới đi cho đấy vì họ nói học xong về cũng chả được gì hơn.

Phỏng vấn sâu cán bộ quản lý bảo hiểm thất nghiệp, Trung tâm Dịch vụ việc làm Long An

Mức hỗ trợ kinh phí học nghề (300.000 đồng/tháng) là thấp so với học phí học nghề vì thế không khuyến khích người học. Từ 1/12/2013, mức hỗ trợ tăng lên 600.000 đồng/tháng (với khóa học từ 3 - 6 tháng) và tối đa 3 triệu với khóa học dưới 6 tháng hy vọng sẽ thu hút thêm đối tượng.

Như vậy, có thể thấy các chính sách ASXH không phát huy được vai trò đối với bộ phận lao động bị rủi ro mới (bởi các cú sốc kinh tế). Để đối phó với các cú sốc xảy ra, người lao động và các hộ gia đình đã không thể trông chờ nhiều vào các hỗ trợ từ hệ thống ASXH chính thức mà buộc phải xoay xử « tự an sinh », dựa vào các hỗ trợ thông qua quan hệ cá nhân và các nguồn phi chính thức khác như đã đề cập đến trong phần trên.



IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ



1. Kết luận

Trong số 3 ngành chịu ảnh hưởng mạnh là nông nghiệp, xây dựng và bán lẻ thì ngành xây dựng **bị ảnh hưởng mạnh nhất** (ở cả khu vực kinh tế chính thức và phi chính thức). Một số ngành cung cấp đầu vào cho xây dựng như: vật liệu xây dựng, thép, xi măng... cũng bị ảnh hưởng dây chuyền. Ngành bán lẻ vẫn giữ được mức tăng trưởng nhưng mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa: (1) doanh nghiệp bán lẻ; (2) tiểu thương; và (3) người bán hàng rong. Trong nông nghiệp, ngành chăn nuôi và trồng hoa màu bị tác động mạnh do cạnh tranh tăng và sức tiêu thụ giảm.

Trong bối cảnh suy giảm tăng trưởng kinh tế kéo dài, cùng với các dòng dịch chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị, từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp thì cũng xuất hiện **các dòng lao động di chuyển ngược từ khu vực chính thức sang phi chính thức; từ thành thị quay về nông thôn, từ phi nông nghiệp sang nông nghiệp.**

Nông nghiệp, nông thôn ngày càng mất đi sức hút lao động. Mất việc làm, người lao động chỉ quay về khi không thể bám trụ được ở thành thị. Dòng lao động trở về nông thôn ở miền Bắc rõ nét hơn trong khi dòng di cư vào miền Nam vẫn tiếp tục và không có dấu hiệu giảm đi. Số lao động ở các khu đô thị và khu công nghiệp miền Nam quay về rất ít, chủ yếu bám trụ lại ở đô thị bằng cách chuyển việc làm hoặc chuyển địa bàn.

Các cú sốc chủ yếu với người lao động là: (1) mất việc làm, phải chuyển việc làm và giảm giờ làm (nhất là với ngành xây dựng); (2) bị cạnh tranh về việc làm và khó khăn về đầu ra (với nông nghiệp và bán lẻ); và (3) giảm thu nhập (ở cả 3 ngành). Trong 3 ngành nông nghiệp, xây dựng và bán lẻ, nhóm lao động bị tác động mạnh nhất là lao động thời vụ, lao động nhập cư và hộ thuần nông thu nhập trung bình trở xuống.

Với các qui định chính sách bảo hiểm hiện hành (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế bắt buộc), những lao động bị tác động mạnh và trên diện rộng [như đề cập ở trên] không thuộc diện được tham gia (do không có hợp đồng lao động hoặc chỉ có hợp đồng lao động ngắn hạn). Mặt khác, hầu hết những người lao động này cũng không tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế tự nguyện, vì: (1) không biết hoặc hiểu biết chính sách không đầy đủ; (2) năng lực tài chính của họ còn hạn hẹp nên khó tham gia vào hệ thống trong khi chưa có cơ chế khuyến khích của Nhà nước. Do vậy, **bị rủi ro về việc làm, mất hoặc giảm thu nhập, họ không được hệ thống bảo hiểm xã hội hỗ trợ.**

Thu nhập bị suy giảm, các hộ gia đình buộc phải cắt giảm tiêu dùng hàng ngày, các khoản bị cắt bỏ gồm chi phí cho vui chơi, giải trí, khoản tích lũy, tiết kiệm và các khoản chi được cho là ít cần thiết hơn như mua sắm đồ dùng mới và các thực phẩm đắt tiền. **Tuy nhiên, nhìn chung các hộ gia đình có thu nhập bị suy giảm vẫn duy trì mức dinh dưỡng và chăm sóc y tế, giáo dục cho trẻ em. Trong trường hợp cạn kiệt tài chính, các hộ gia đình thường vay mượn từ người thân, họ hàng, bạn bè hoặc các nguồn vay mượn phi chính thức như vay nóng lãi suất cao để duy trì việc học tập và chăm sóc sức khỏe cho con em mình cũng như các chi tiêu tối thiểu khác trong gia đình.**



Từ các phát hiện của nghiên cứu RIM năm nay, thứ nhất, cần có những hành động kịp thời để hỗ trợ cho những nhóm dễ tổn thương mới rơi vào nghèo do tình trạng đình trệ kinh tế kéo dài bao gồm các lao động thời vụ, lao động nhập cư, lao động phi chính thức bị mất việc làm hay sụt giảm nghiêm trọng về thu nhập. Trong trung hạn cũng như dài hạn cần có những cải cách về hoàn thiện thể chế chính sách để tăng cường năng lực của hệ thống.

Với bối cảnh này, ***cần tăng cường các chính sách và cơ chế hỗ trợ người lao động duy trì được việc làm hiện tại và/hoặc hỗ trợ người lao động bị mất việc làm sớm tìm được việc làm mới.*** Để thực hiện mục tiêu này, các **hoạt động trước mắt** gồm: (1) hỗ trợ khởi doanh nghiệp vừa và nhỏ vượt qua được thời điểm khó khăn thông qua các chính sách giảm/giãn các khoản phải đóng (các khoản thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...) và tiếp cận tín dụng với lãi suất hợp lý; (2) đẩy mạnh công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho tất cả mọi đối tượng, bao gồm cả người bản địa và người nhập cư thông qua các kênh chính thức và phi chính thức, kêu gọi sự tham gia của các doanh nghiệp. **Trong trung hạn**, (3) tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động, trong đó, phải phát triển hệ thống trung tâm giới thiệu việc làm đảm bảo hỗ trợ người lao động trong cung cấp thông tin và tư vấn giới thiệu việc làm; và (4) xúc tiến hoạt động nghiên cứu, xây dựng và thực hiện chương trình việc làm công để hỗ trợ người lao động bị mất việc làm (chưa thể tìm được việc làm mới trong khu vực thị trường) có việc làm tạm thời, duy trì mức thu nhập tối thiểu.

Thứ hai, ***quan trọng là đảm bảo mức thu nhập tối thiểu cho người lao động trong thời kỳ khó khăn, thất nghiệp và chống đỡ những tác động của sụt giảm sinh kế.*** **Trước mắt**, (1) trong khuôn khổ các chính sách hiện có, Chính phủ ngay lập tức cần có hỗ trợ cho những đối tượng đã bị rơi vào nghèo đói do hậu quả của khủng hoảng kinh tế và đình trệ kinh tế kéo dài; (2) các nhóm nghèo tạm thời này cần được rà soát, phát hiện ngay để được hưởng các chính sách và ưu đãi như các đối tượng hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo. **Trong tương lai**, (3) cần hoàn thiện quy trình rà soát hộ nghèo, không chỉ tiến hành hàng năm như hiện tại mà có thể 6 tháng 1 lần hoặc hàng quý; (4) nghiên cứu cho phép cơ chế linh hoạt hơn cho chính quyền địa phương áp dụng các khung chính sách, chương trình hiện có đối với các nhóm đối tượng trên.

Thứ ba, ***cần đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động.*** Nghiên cứu thực địa cho thấy số đông người lao động, đặc biệt trong ngành xây dựng, là lao động thời vụ (dù thời gian làm cho doanh nghiệp có thể kéo tới cả năm) nên không có bảo hiểm xã hội. Vì vậy, cần thiết **trước mắt** phải (1) tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trong thực thi Luật Lao động (đảm bảo ký kết hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động...) thông qua hoạt động thanh, kiểm tra, giám sát và nâng cao vai trò của các chế tài xử phạt. Đồng thời, **trong dài hạn** (2) cần có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện tốt các chính sách về lao động và bảo hiểm như ưu tiên thuê mặt bằng, vay vốn sản xuất kinh doanh...

Thứ tư, số đông nông dân và lao động khu vực phi chính thức thiếu thông tin và chưa hiểu biết đầy đủ về các chính sách hỗ trợ việc làm và dạy nghề, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế... nên chưa có động lực tham gia. Vì vậy, ***cần***

2. Khuyến nghị



đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về chính sách lao động, việc làm và an sinh xã hội. Trong ngắn hạn, (1) các hoạt động này nên được tiến hành ngay thông qua các chiến dịch tuyên truyền phổ biến chính sách qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua hệ thống chính quyền các cấp, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cơ sở cấp xã, thôn. **Về lâu dài** (2) cần xây dựng chiến lược thông tin truyền thông hướng theo các nhóm đối tượng cụ thể với sự tham gia của các bên gồm cơ quan quản lý nhà nước, chủ sử dụng lao động và người lao động.

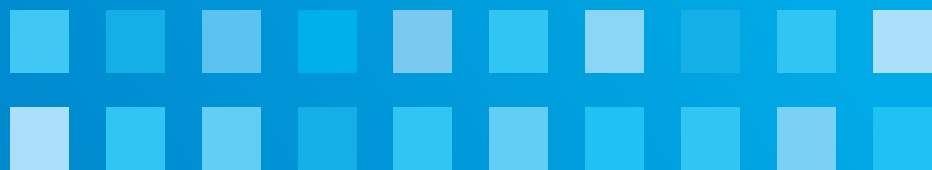
Thứ năm, để tạo một giá đỡ an toàn cho người lao động thì vấn đề thúc đẩy các chính sách thân thiện và hướng đến quyền lợi của mọi người dân là việc làm cần thiết. Do vậy, **cần hoàn thiện các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế cơ bản** theo hướng mở rộng và thu hút nông dân, lao động trong khu vực phi chính thức, lao động thời vụ trong các doanh nghiệp tham gia vào hệ thống, cụ thể là: (1) mọi lao động trong doanh nghiệp đều được quyền tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế để khi gặp rủi ro thì được hưởng các chế độ bảo hiểm với mức hưởng và thời gian hưởng phụ thuộc vào mức đóng và thời gian đóng của từng đối tượng; (2) đa dạng các chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện thay vì chỉ có 2 chế độ hưu trí và tử tuất như hiện nay và đặc biệt là sớm ban hành chính sách khuyến khích nông dân và lao động trong khu vực phi chính thức tham gia như đã được khẳng định tại Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 1/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.

Thứ sáu, trong bối cảnh suy giảm tăng trưởng kinh tế kéo dài, người di cư là nhóm dễ bị tổn thương nhất. Các chính sách an sinh xã hội hiện nay thường gắn với quản lý dân cư theo hộ khẩu (xác định hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, tín dụng ưu đãi...), do đó nhóm này có nguy cơ cao bị lọt lưới an sinh xã hội và không nhận được hỗ trợ khi cần thiết. Do vậy, **cần xây dựng hệ thống chính sách theo hướng linh hoạt hơn để hóa giải một số áp lực mà lao động di cư gặp phải.** Trong đó, (1) có tiêu chí cụ thể về thời gian cư trú ở nơi đến của người di cư (không nhất thiết chỗ ở nơi đến là thuê hay là chủ sở hữu) thì được hưởng các chính sách an sinh xã hội tương tự như người dân bản địa và (2) đảm bảo tiếp cận hệ thống giáo dục và y tế công của trẻ em trong các hộ gia đình di cư.

Cuối cùng, tiếp tục tiến hành nghiên cứu RIM là **rất quan trọng và cần được thể chế hóa.** Rút kinh nghiệm từ RIM 2013, để các vòng RIM tiếp theo có kết quả tốt hơn, cần chú ý thêm một số nội dung sau đây:

- Về lựa chọn địa bàn nghiên cứu: ngoài số liệu cấp quốc gia có thể phân tích thêm số liệu cấp tỉnh để có cơ sở lựa chọn địa bàn tỉnh và huyện phù hợp;
- Về thiết lập mạng lưới: cần thiết lập các mối quan hệ chặt chẽ với địa phương nơi tiến hành nghiên cứu thực địa, tham vấn kỹ lưỡng chính quyền địa phương để lựa chọn chính xác cộng đồng cũng như tiếp cận được các nhóm đối tượng chịu tác động;
- Về khung phân tích và bộ công cụ đánh giá: cần tiếp tục được hoàn thiện sau phân tích định lượng và tham vấn chính quyền địa phương.



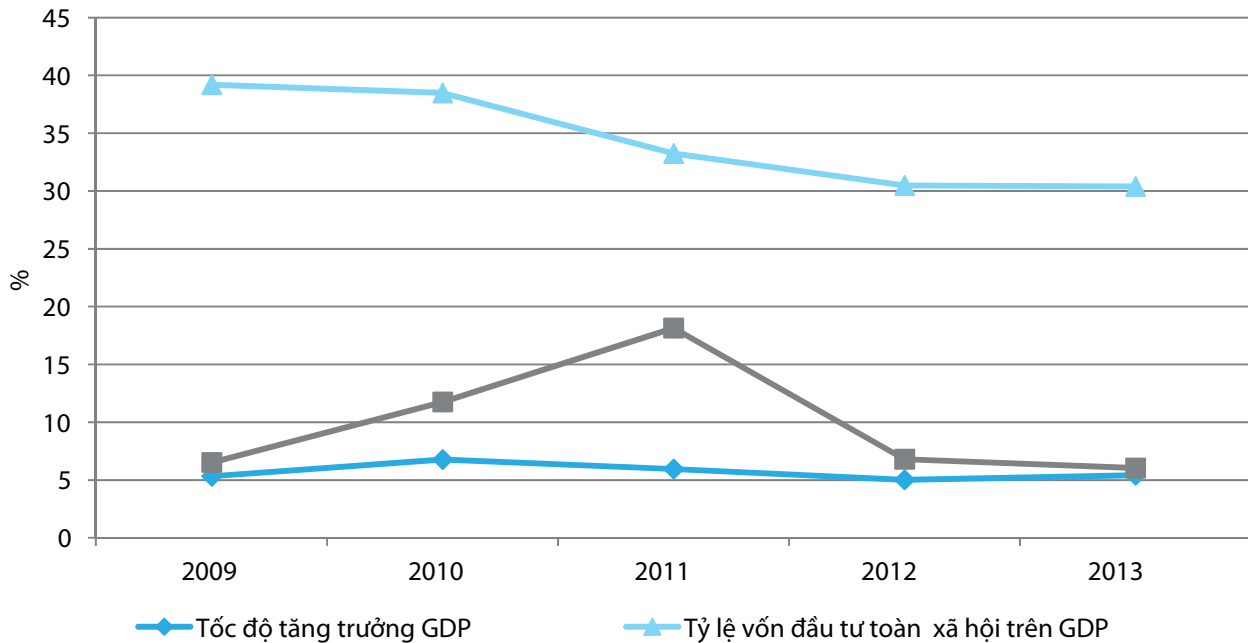


PHỤ LỤC



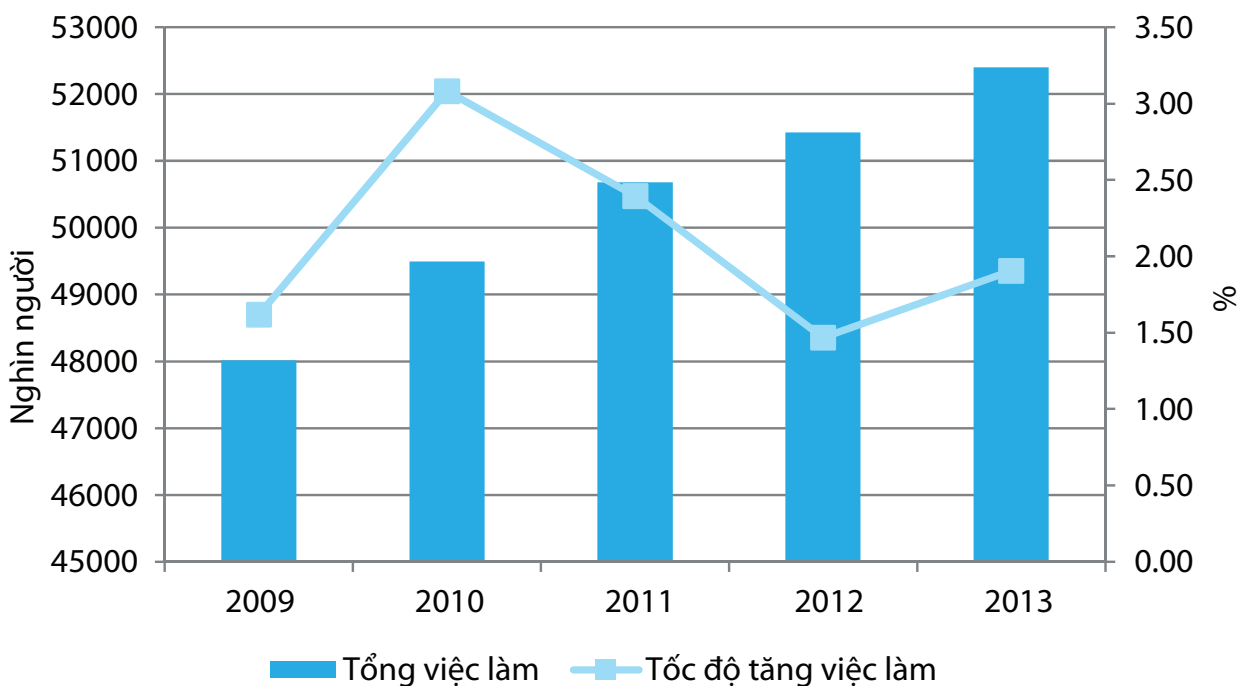
PHỤ LỤC 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Hình 1. Tăng trưởng GDP, CPI và vốn đầu tư toàn xã hội, 2008-2013



Nguồn: TCTK (2013), Niên giám thống kê 2012.
Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế-xã hội năm 2013

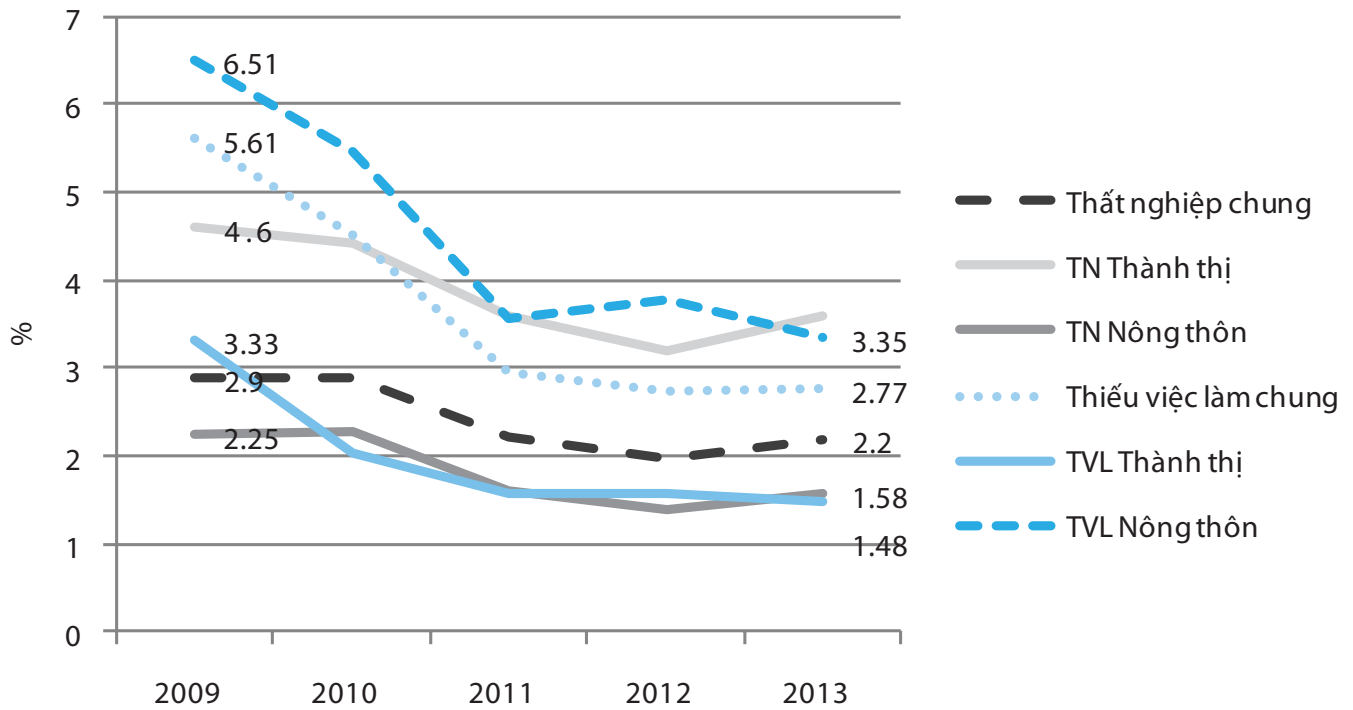
Hình 2. Việc làm và tăng trưởng việc làm



Nguồn: TCTK, Điều tra Lao động-Việc làm hàng năm



Hình 3. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm 2009-2013



Nguồn: TCTK



PHỤ LỤC 2: CÚ SỐC VÀ TÁC ĐỘNG THEO NHÓM ĐỐI TƯỢNG

Là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa của cả nước, Hà Nội nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng, là trung tâm của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Thành phố sau khi mở rộng (thêm Hà Tây và một phần Vĩnh Phúc) hiện có 12 quận, 17 huyện và 1 thị xã. Hai địa bàn được chọn là huyện Thanh Oai và quận Hoàng Mai. Quận Hoàng Mai mới được hình thành từ năm 2003, là quận bắt đầu phát triển với nhiều công trình xây dựng trên địa bàn bao gồm cả công trình nhỏ lẻ và lớn. Là quận vùng ven nên tập trung nhiều lao động ngoại tỉnh đến thuê nhà để làm các công việc như xây dựng, bán lẻ. Ngoài ra cũng còn một số khu vực vẫn mang các đặc trưng của vùng nông thôn, chủ yếu sản xuất nông nghiệp.

I. Hà Nội

Huyện Thanh Oai (thuộc Hà Tây cũ) là vùng nông thôn liền kề đô thị, ít đất nông nghiệp, phát triển nhiều nghề cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khu vực nội thành. Là nơi đến của lao động ngành xây dựng (thợ hồ, thợ cốt pha, thợ sơn) từ các tỉnh Thanh Hóa, Nam Định, Bắc Giang, Thái Bình, Hòa Bình ... Nơi đi của lao động bán lẻ cung cấp nông sản và các loại thực phẩm chế biến khác cho Hà Nội. Ngoài ra trên địa bàn cũng có nghề chăn nuôi, giết mổ gia súc gia cầm và trồng các loại rau để cung cấp cho các chợ đầu mối tại Hà Nội.

TT	Nhóm lao động	Cú sốc và tác động	Ứng phó về việc làm và thu nhập	Ứng phó về chi tiêu và phúc lợi của hộ gia đình	Hỗ trợ từ Chính phủ
I Xây dựng					
1	Chủ thầu là người Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng và quy mô công trình đều giảm - Chi phí đầu vào và các chi phí khác tăng hơn so với năm ngoái - Tổng động vốn do không thu được tiền của chủ đầu tư trong khi vẫn phải chi phí cho thợ. => Thu nhập giảm	<ul style="list-style-type: none"> - Cắt giảm lao động đặc biệt là lao động ngoại tỉnh - Nhận công trình nhỏ để có việc làm - Liên kết với các nhóm thợ khác để điều chuyển lao động - Nợ tiền các địa lý cung cấp vật tư - Nợ tiền công thợ 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm chi tiêu ăn uống. - Giảm chi tiêu xa xỉ (đi du lịch, mở tiệc) 	<ul style="list-style-type: none"> - Không nhận được hỗ trợ - Không tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (thường tham gia bảo hiểm nhân thọ)
2	Chủ thầu là người địa phương khác tới		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận công trình nhỏ để có việc làm - Quay về quê làm xây dựng - Quay về quê làm nông nghiệp - Nợ tiền các địa lý cung cấp vật tư - Nợ tiền công thợ 	<ul style="list-style-type: none"> - Trì hoãn các kế hoạch mua sắm, xây dựng ở quê 	<ul style="list-style-type: none"> - Không nhận được hỗ trợ - Không tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (thường tham gia bảo hiểm nhân thọ)



TT	Nhóm lao động	Cú sốc và tác động	Ứng phó về việc làm và thu nhập	Ứng phó về chi tiêu và phúc lợi của hộ gia đình	Hỗ trợ từ Chính phủ
3	Thợ xây dựng người Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> Số ngày công giảm đi, nghỉ việc vào các tháng đầu năm Vì ít việc chủ chọn thợ thay cho thợ chọn chủ như mọi năm Đơn giá ngày công không tăng hoặc giảm 	<ul style="list-style-type: none"> Chuyển công việc tự làm khác Chuyển từ khu vực chính thức sang phi chính thức Chuyển nghề khác Vay của người thân, bạn bè không phải chịu lãi suất 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm tiết kiệm, tích lũy Cố gắng đảm bảo việc học tập cho con em tuy nhiên cũng cắt giảm một phần chi phí học thêm, ngoại khóa. Giảm chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe Giảm mua sắm các vật dụng chưa cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Lao động thời vụ nên không được tham gia các chính sách về lao động, bảo hiểm xã hội Ít thông tin về bảo hiểm xã hội tự nguyện nên không thể tham gia Được vay ưu đãi từ ngân hàng chính sách nếu là hộ nghèo, cận nghèo, có con học cao đẳng, đại học
4	Thợ xây dựng từ địa phương khác đến	<ul style="list-style-type: none"> Ít được thưởng (tiền, liên hoan) => giảm thu nhập và phúc lợi	<ul style="list-style-type: none"> Giảm tiền gửi về quê Cố trụ lại tại Hà Nội vì về quê không có việc gì để làm kiếm ra tiền Chuyển nghề (bán nước, xe ôm buôn bán nhỏ) Quay về quê làm nông nghiệp, thỉnh thoảng đi xây Đi các tỉnh có nhu cầu xây dựng cao hơn: Quảng Ninh, Sơn La, Trung Quốc 		
II	Ngành bán lẻ				
1	Lao động tự làm	<ul style="list-style-type: none"> Lượng khách hàng giảm và lượng hàng khách mua cũng giảm, đặc biệt ở các mặt hàng tiêu dùng không phải là mặt hàng thiết yếu Gia tăng cạnh tranh: nhiều lao động chuyển vào ngành bán lẻ Bị mua nợ, mua chịu nhiều => giảm thu nhập và vốn	<ul style="list-style-type: none"> Đa dạng hóa mặt hàng, Chuyển đổi mặt hàng, Làm thêm công việc khác hoặc chuyển nghề khác 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm tiết kiệm, tích lũy Cố gắng đảm bảo việc học tập cho con em tuy nhiên cũng cắt giảm một phần chi phí học thêm, ngoại khóa. Giảm chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe Giảm mua sắm các vật dụng chưa cần thiết Vay mượn từ người thân, bạn bè khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Không được tham gia các chính sách về lao động, bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế Ít thông tin về bảo hiểm xã hội tự nguyện nên không thể tham gia Được vay ưu đãi nếu là hộ nghèo, cận nghèo, có con học cao đẳng, đại học
2	Lao động làm thuê	<ul style="list-style-type: none"> Ít việc làm hơn => giảm thu nhập	<ul style="list-style-type: none"> Giảm tiền gửi về quê Bán mặt hàng khác Làm thêm nghề khác Quay về quê bán hàng, làm nông nghiệp 		
III	Ngành nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> Giá đầu ra nông sản giảm, biến động khó lường Gia tăng số lượng hộ chăn nuôi và trồng rau nên tăng cạnh tranh về đầu ra Bị cạnh tranh bởi nông sản giá rẻ Trung Quốc => giảm thu nhập, không muốn tiếp tục sản xuất nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> Tăng gia sản xuất, chủ yếu chăn nuôi thêm con khác (gà, nhím,...) Chủ động hơn về giống và nguồn thức ăn chăn nuôi Mua chịu vật tư tại các đại lý. Làm thêm nghề khác 	<ul style="list-style-type: none"> Tận dụng nguồn thức ăn do chính các hộ gia đình tạo ra như rau, gạo, trứng; Giảm nguồn thức ăn phải đi mua đặc biệt là một số mặt hàng đắt tiền như thịt, cá... Cố gắng đảm bảo việc học tập cho con em Vay mượn từ người thân, bạn bè khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Đào tạo nghề nông thôn: chưa đến được với mọi người dân có nhu cầu, người dân không tự xác định được nghề nào là phù hợp với điều kiện của bản thân và địa phương mình. Được vay ưu đãi nếu là hộ nghèo, cận nghèo, có con học cao đẳng, đại học Được vay ưu đãi từ ngân hàng Nông nghiệp nếu có tài sản thế chấp Bắt đầu dồn điền đổi thửa



TT	Nhóm lao động	Cú sốc và tác động	Ứng phó về việc làm và thu nhập	Ứng phó về chi tiêu và phúc lợi của hộ gia đình	Hỗ trợ từ Chính phủ
III	Ngành nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đầu ra nông sản giảm, biến động khó lường - Gia tăng số lượng hộ chăn nuôi và trồng rau nên tăng cạnh tranh về đầu ra - Bị cạnh tranh bởi nông sản giá rẻ Trung Quốc => giảm thu nhập, không muốn tiếp tục sản xuất nông nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng gia sản xuất, chủ yếu chăn nuôi thêm con khác (gà, nhím,...) - Chủ động hơn về giống và nguồn thức ăn chăn nuôi - Mua chịu vật tư tại các đại lý. - Làm thêm nghề khác 	<ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nguồn thức ăn do chính các hộ gia đình tạo ra như rau, gạo, trứng; - Giảm nguồn thức ăn phải đi mua đặc biệt là một số mặt hàng đắt tiền như thịt, cá... - Cố gắng đảm bảo việc học tập cho con em - Vay mượn từ người thân, bạn bè khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo nghề nông thôn: chưa đến được với mọi người dân có nhu cầu, người dân không tự xác định được nghề nào là phù hợp với điều kiện của bản thân và địa phương mình. - Được vay ưu đãi nếu là hộ nghèo, cận nghèo, có con học cao đẳng, đại học - Được vay ưu đãi từ ngân hàng Nông nghiệp nếu có tài sản thế chấp - Bắt đầu dần diễn đổi thửa

Nam Định nằm ở phía Nam vùng châu thổ sông Hồng, phía Bắc giáp tỉnh Hà Nam, phía Đông giáp tỉnh Thái Bình, phía Đông Nam và Nam giáp với biển Đông và phía Tây giáp tỉnh Ninh Bình. Tỉnh có 9 huyện và 1 thành phố loại II trực thuộc tỉnh; 230 xã, phường, thị trấn. Thành phố Nam Định là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hoá của tỉnh, cách thủ đô Hà Nội 90 km. Hai địa bàn được chọn là huyện Xuân Trường và huyện Ý Yên.

II. Nam Định

Xuân Trường là một huyện nằm ở phía nam tỉnh Nam Định, cách Thành phố Nam Định 35km, lao động nông nghiệp nhiều. Doanh nghiệp xây dựng không nhiều, nhưng có ngành liên quan tới xây dựng như sản xuất gạch ngói vật liệu xây dựng thì (cả địa bàn tỉnh Nam Định có 28 công ty gạch ngói vật liệu xây dựng, các công ty này đều đang gặp khó khăn.) Chủ yếu là người lao động đi làm thời vụ hoặc di cư lên Hà Nội hoặc các thành phố lớn để làm ăn, làm chủ yếu các ngành nghề tự do như làm phế liệu, giúp việc gia đình, thợ nề, xe ôm... và vẫn đang có xu hướng tiếp tục gia tăng vì ở lại nông thôn không có thu nhập. Hiện tượng bỏ đất, để lại đất cho người nhà làm, người khác làm đã xảy ra đồng loạt cách đây khoảng 5 năm

Ý Yên nằm ở phía Bắc tỉnh Nam Định, kinh tế dựa nghề phụ là chủ yếu, nhiều lao động di cư đi các thành phố lớn làm thêm. Ý Yên có nghề phụ như đúc đồng, mỹ nghệ, may tre đan, may thủ công... Người lao động đi làm xây dựng ở các thành phố lớn nhiều là xã Yên Phú, Yên Phú cũng là nơi có nghề thợ nề truyền thống. Do suy giảm kinh tế, lao động thợ xây, thợ mộc khoảng 60% trụ lại và cầm cự ở HN, 40% trở về làm những việc tạm bợ, không làm nông mà làm tổ thợ hay công trình địa phương hoặc làm ngoài địa phương. Nói chung giờ làm giảm, thu nhập giảm, công việc giảm 50% để giữ nhân công, nguồn thu và thu nhập.



TT	Nhóm lao động	Cú sốc và tác động	Ứng phó về việc làm và thu nhập	Ứng phó về chi tiêu và phúc lợi của hộ gia đình	Hỗ trợ từ Chính phủ
I	Ngành xây dựng				
1	Chủ doanh nghiệp xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách thắt chặt chi tiêu công, giảm bớt xây dựng công - Ngân hàng siết chặt tín dụng - Không có, giảm công trình xây dựng - Bị nợ, chậm thanh toán các công trình đã/đang thi công => Không trang trải được các khoản chi và trả lương công nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng địa bàn xây dựng (từ trong tỉnh sang tỉnh khác) - Nhận các công trình ở vùng sâu xa, đặc biệt là các công trình 135 khi có chính sách - Đa dạng hóa ngành nghề (chuyển sang ngành may mặc) - Vay mượn từ các nguồn để trả lương công nhân và các khoản chi khác - Giảm số lượng công nhân tới mức thấp nhất có thể, giữ lại các công nhân lành nghề, lao động thời vụ giảm toàn bộ. - Giảm mọi chi phí hành chính và chi phí khác liên quan 		<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ lãi suất khó tiếp cận - Ít / không có thông tin về các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ
2	Lao động chính thức trong doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Không còn việc làm, phải hưởng 70% lương hoặc nghỉ không lương - Khó tìm việc hơn lao động thời vụ vì kén việc và việc cũng kén người => Giảm hoặc không có nguồn thu nhập	<ul style="list-style-type: none"> - Không còn việc làm, phải hưởng 70% lương hoặc nghỉ không lương - Khó tìm việc hơn lao động thời vụ vì kén việc và việc cũng kén người => Giảm hoặc không có nguồn thu nhập	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm chi tiêu trong gia đình về lương thực, riêng giáo dục cố gắng giữ trong khả năng có thể. - Chi cắt giảm học thêm của trẻ con trong nhà. Chi phí giáo dục khác không giảm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Được hưởng bảo hiểm thất nghiệp khi nghỉ việc
3	Lao động thời vụ trong doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Bị mất việc làm ngay khi không còn công trình hoặc công ty gặp khó khăn => Giảm thu nhập, không có tiền gửi về gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm tiền gửi về gia đình - Tham gia vào nhóm/tổ thợ xây tự do - Chấp nhận đi làm các công trình ở xa, miền núi, rời xa thành thị 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi tiêu của bản thân phải hạn chế (trừ thuốc lá) - Chi tiêu gia đình cũng hạn chế (trừ chi tiêu cơ bản cho giáo dục) 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có chế độ chính sách
4	LĐ khu vực phi chính thức (nhóm/tổ thợ xây	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm công trình xây dựng - Cạnh tranh từ nhóm thợ ở nơi khác về - Giá ngày công không tăng, có nơi giảm => Giảm thu nhập, không có tiền gửi về gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển việc làm tự do khác và vẫn bám trụ tại các thành phố - Về quê tham gia vào các nhóm/tổ xây dựng tại địa phương - Đi các công trình xa hơn, công trình 135 - Tạm thời giúp gia đình làm ruộng/chăn nuôi chờ kinh tế phục hồi 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi tiêu của bản thân phải hạn chế (trừ thuốc lá) - Chi tiêu gia đình cũng hạn chế (trừ chi tiêu cơ bản cho giáo dục) 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có chế độ chính sách



II	Ngành bán lẻ (vật tư nông nghiệp, vật tư xây dựng)	<ul style="list-style-type: none"> - Lượng tiêu thụ hàng ít - Doanh thu giảm - Nhiều người nợ => thu nhập giảm và thiếu vốn 	<ul style="list-style-type: none"> - Vẫn bám trụ cầm chừng vì không biết chuyển nghề gì - Không cho nợ nữa 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi tiêu gia đình cũng hạn chế (trừ chi tiêu cơ bản cho giáo dục) 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có chế độ chính sách
III	Người buôn bán, thu mua phế liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Không còn nguồn hàng lớn - Không bán được hàng tồn - Thu mua nhỏ lẻ cũng sụt giảm do tiêu dùng giảm dẫn đến không còn nguồn phế liệu vỏ chai, hộp => thu nhập giảm mạnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển từ thu mua lớn từ các công trình sang thu mua nhỏ lẻ. - Chuyển từ bãi lớn sang bãi nhỏ, thuê nhà nơi xa hơn, giá thuê rẻ hơn. - Tìm việc khác (đi làm giúp việc gia đình, quét dọn theo giờ hoặc bán hàng rong). - Về quê để làm ruộng hoặc phụ giúp gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi tiêu gia đình hạn chế. - Chi tiêu cho bản thân hạn chế, riêng đàn ông thuốc lá không thể hạn chế được. 	
IV	Ngành nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đầu vào tăng đều - Giá đầu ra giảm, không có quy luật - Dịch bệnh trong chăn nuôi => thu nhập giảm 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục bám trụ, coi như lấy công làm lãi, mua gạo giá rẻ - Giảm quy mô hoặc bỏ chuồng trại không nuôi 	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế chi tiêu gia đình, nhất là đồ xa xỉ phẩm. - Chất lượng bữa ăn cũng giảm tương đối do giá cả nhu yếu phẩm tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vay vốn ưu đãi nếu có thể chấp - Tham gia đồn điền đổi thửa, xây dựng nông thôn mới
V	Ngành thủ công mỹ nghệ (mây tre đan)	<ul style="list-style-type: none"> - Không còn đơn hàng - Sự cạnh tranh giá cả và chất lượng ngày càng khốc liệt 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp giảm nhân công, các cơ sở chấp nửa cũng giảm số lượng lớn nhân công. - Những thợ lành nghề vẫn cố gắng duy trì - Chuyển sang nghề mộc đồ thờ - Liên kết với các làng nghề ở Hà Tây cũ và Sài Gòn để tiêu thụ sản phẩm qua trung gian 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm thu nhập nên hạn chế chi tiêu trong gia đình. Hạn chế mua sắm các đồ xa xỉ phẩm. - Chi phí giáo dục cố gắng duy trì mức cơ bản (học phí, xây dựng...), chỉ giảm học thêm và mua sắm quần áo cho trẻ con. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có chế độ chính sách hỗ trợ



III. Thanh Hóa

Thanh Hóa là một tỉnh đông dân nằm ở phía Bắc miền Trung. Dân số vào khoảng 3.6 triệu người, nguồn lao động tương đối dồi dào. Diện tích tự nhiên 11.108 km². Về địa giới hành chính, toàn tỉnh có 27 huyện/thị xã, thành phố, trong đó có 11 huyện miền núi; có 636 xã/phường/thị trấn, trong đó có 102 xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng cao biên giới. Các huyện được chọn là huyện Quảng Xương và huyện Thiệu Hóa.

Quảng Xương làm một trong những huyện có dân số đông, số người trong độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ 55.5%. Nằm giữa tam giác động lực phát triển kinh tế của tỉnh là thành phố Thanh Hóa – Thị xã Sầm Sơn – khu kinh tế Nghi Sơn có nhiều khu công nghiệp, doanh nghiệp hoạt động với nhu cầu lao động có tay nghề rất lớn. Lao động tại địa phương đa dạng về ngành nghề. Tại huyện Quảng Xương đã tiến hành chọn 3 xã Quảng Vinh (với đặc điểm có nhiều người đi làm xây dựng, đi làm ăn xa và làm hàng sáo); Quảng Phong (nơi vùng đất rộng phù hợp phát triển chăn nuôi) và Quảng Tân (có nghề thợ xây, doanh nghiệp xây dựng và nuôi cá giống).

Huyện Thiệu Hóa nằm cách thành phố Thanh Hóa không xa nhưng được đánh giá là một trong những huyện còn khó khăn của tỉnh. Đặc điểm nổi bật là đất nông nghiệp ít nên một số xã người nông dân bỏ lại đất đi làm ăn xa nhiều. Tại huyện Thiệu Hóa chọn 3 xã là Thiệu Nguyên (trồng trọt, chăn nuôi đa dạng, nhóm tổ thợ xây dựng nhiều); Thiệu Châu (ít đất, người đi làm ăn xa nhiều, có làng nghề bánh tráng, chăn nuôi đa dạng) và Thiệu Giao (đất bỏ hoang nhiều, nhiều người đi làm xây dựng tự do...).

TT	Nhóm lao động	Cú sốc và tác động	Ứng phó về việc làm và thu nhập	Ứng phó về chi tiêu và phúc lợi của hộ gia đình	Hỗ trợ từ Chính phủ
I	Ngành xây dựng				
1	Doanh nghiệp xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng công trình xây dựng nhận được giảm - Bị nợ tiền công trình từ các dự án tồn đọng nhiều - Ngân hàng siết nợ các khoản vay. => Không trang trải được các khoản chi và trả lương công nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng địa bàn xây dựng (từ trong tỉnh sang tỉnh khác) - Nhận các công trình ở vùng sâu xa, tiếp cận với các công trình xây dựng của bộ đội biên phòng ở vùng biên giới của Thanh Hóa. - Mở rộng các mối quan hệ để tìm thêm hợp đồng xây dựng - Giảm số lượng công nhân tới mức thấp nhất có thể - Giữ lại các công nhân lành nghề, lao động thời vụ giảm toàn bộ. - Giảm mọi chi phí hành chính và chi phí khác liên quan 		- Không được hỗ trợ



TT	Nhóm lao động	Cú sốc và tác động	Ứng phó về việc làm và thu nhập	Ứng phó về chi tiêu và phúc lợi của hộ gia đình	Hỗ trợ từ Chính phủ
2	Lao động thời vụ trong doanh nghiệp	- Bị mất việc làm - Buộc phải tìm việc làm mới => Thu nhập giảm, không gửi về được gia đình	- Tham gia vào nhóm/tổ thợ xây tự do - Chấp nhận đi làm các công trình miền núi cao, vùng biên giới	- Chi tiêu của bản thân phải hạn chế (trừ thuốc lá) - Chi tiêu hiếu hỷ không thể giảm - Chi tiêu gia đình cũng hạn chế (trừ chi tiêu cơ bản cho giáo dục)	- Không có chế độ chính sách hỗ trợ
3	LĐ khu vực phi chính thức		- Chuyển việc làm tự do khác và vẫn bám trụ tại các thành phố - Đi các công trình xa hơn - Về quê tham gia vào các nhóm/tổ xây dựng tại địa phương - Tạm thời giúp gia đình làm ruộng/chăn nuôi chờ kinh tế phục hồi		
II	Ngành bán lẻ	- Lượng tiêu thụ hàng ít. - Doanh thu giảm - Nhiều người nợ	- Vẫn bám trụ cầm chừng vì không biết chuyển nghề gì - Không cho nợ nữa	- Chi tiêu gia đình cũng hạn chế (trừ chi tiêu cơ bản cho giáo dục)	- Không có chế độ chính sách hỗ trợ
III	Buôn bán, thu mua phế liệu	- Không còn nguồn hàng lớn - Không bán được hàng tồn - Thu mua nhỏ lẻ cũng sụt giảm do tiêu dùng giảm dẫn đến không còn nguồn phế liệu vỏ chai, hộp => thu nhập giảm mạnh	- Không còn nguồn hàng lớn - Không bán được hàng tồn - Thu mua nhỏ lẻ cũng sụt giảm do tiêu dùng giảm dẫn đến không còn nguồn phế liệu vỏ chai, hộp => thu nhập giảm mạnh	- Không còn nguồn hàng lớn - Không bán được hàng tồn - Thu mua nhỏ lẻ cũng sụt giảm do tiêu dùng giảm dẫn đến không còn nguồn phế liệu vỏ chai, hộp => thu nhập giảm mạnh	- Không có chế độ chính sách hỗ trợ
IV	- Không có chế độ chính sách hỗ trợ	- Giá cả đầu vào tăng đều - Giá cả đầu ra giảm - Dịch bệnh làm chết cả đàn lợn/gà	- Vào miền Nam tìm việc làm khác - Vẫn xác định làm nghề và coi như lấy công làm lãi, mua gạo giá rẻ. - Giảm quy mô hoặc bỏ chuồng trại không nuôi	- Hạn chế chi tiêu gia đình, nhất là đồ xa xỉ phẩm. - Chất lượng bữa ăn cũng giảm tương đối.	- Đào tạo nghề nông thôn không được người dân quan tâm - Tín dụng ưu đãi cho một số nhóm đối tượng

IV. Long An

Long An là 1 trong 8 tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long. Nằm ở vị trí cửa ngõ của TP Hồ Chí Minh, trung tâm kinh tế lớn nhất Việt Nam, phía Đông có cảng biển ra cửa sông Soài Rạp, cách Biển Đông 15 km, phía Tây có các cửa khẩu sang Campuchia, Long An đã có vị trí chiến lược, thuận lợi phát triển kinh tế. Phát huy lợi thế địa lý, Long An luôn là một trong những tỉnh có tốc độ phát triển kinh tế cao và nhiều năm nằm trong nhóm 10 địa phương thu hút đầu tư cao nhất trong cả nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế chung những năm gần đây, kinh tế Long An cũng bị ảnh hưởng dẫn tới suy giảm tăng trưởng¹⁷.

Các địa bàn được chọn là huyện Vĩnh Hưng đại diện cho khu vực nông thôn, sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn còn có đặc điểm là huyện biên giới giáp ranh với Campuchia. Huyện Bến Lức và Đức Hòa, đại diện cho khu vực tập trung các khu công nghiệp, với nhiều nhà máy, xí nghiệp và doanh nghiệp hoạt động. Huyện Bến Lức đã có thời gian phát triển công nghiệp hóa trên 10 năm trong khi huyện Đức Hòa bắt đầu phát triển trong vài năm lại đây. Ở cả 2 huyện này đều đang tồn tại những khu quy hoạch treo và những công trình xây dựng dang dở.

¹⁷ Báo cáo đánh giá thực hiện phát triển kinh tế xã hội các năm 2010, 2011 và 2012 của UBND tỉnh Long An

TT	Nhóm	Cú sốc và tác động	Chiến lược đối phó về việc làm và thu nhập	Chiến lược đối phó với suy giảm thu nhập của hộ gia đình	Hỗ trợ từ chính phủ
I	Ngành xây dựng				
1	Doanh nghiệp xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm/không có công trình xây dựng mới - Bị nợ tiền công trình từ các dự án tồn đọng - Ngân hàng siết nợ các khoản vay. => Không trang trải được các khoản chi và trả lương công nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng địa bàn sang các vùng khác - Chấp nhận những hợp đồng nhỏ, công trình quy mô nhỏ. - Giảm số lượng công nhân tới mức thấp nhất có thể - Giữ lại các công nhân lành nghề, hỗ trợ nhu yếu phẩm và nhà ở. - Giảm mọi chi phí hành chính và chi phí khác liên quan 		
2	Chủ thầu	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng và quy mô công trình đều giảm - Chi phí đầu vào và các chi phí khác tăng hơn so với năm ngoái => giảm thu nhập	<ul style="list-style-type: none"> - Cắt giảm lao động - Nhận công trình tại các địa bàn xa hoặc công trình nhỏ để có việc làm - Liên kết với các nhóm thợ khác để điều chuyển lao động - Nợ tiền các địa lý cung cấp vật tư 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm chi tiêu ăn uống. - Giảm chi tiêu xa xỉ (đi du lịch, mở tiệc) 	- Không nhận được hỗ trợ



TT	Nhóm	Cú sốc và tác động	Chiến lược đối phó về việc làm và thu nhập	Chiến lược đối phó với suy giảm thu nhập của hộ gia đình	Hỗ trợ từ chính phủ
3	Thợ xây dựng khu vực chính thức	<ul style="list-style-type: none"> - Không có tăng ca, thêm giờ - Có ngày phải tạm nghỉ vì không có việc - Đơn giá ngày công tăng chậm, thấp hơn thợ tự do khu vực phi chính thức - Bị nợ lương, chậm lương => giảm thu nhập 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm tiền gửi về quê - Tìm việc làm khác - Đi các tỉnh khác tìm việc: TP Hồ Chí Minh, Bình Dương - Chuyển từ khu vực chính thức sang phi chính thức - Chuyển nghề khác (bán hàng rong, vé số) - Sử dụng tiền tiết kiệm 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm tiết kiệm, tích lũy - Cố gắng đảm bảo việc học tập cho con em tuy nhiên cũng cắt giảm một phần chi phí học thêm, ngoại khóa. - Giảm chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe 	<ul style="list-style-type: none"> - Lao động thời vụ nên không được tham gia các chính sách về lao động, bảo hiểm xã hội - Ít thông tin về bảo hiểm xã hội tự nguyện nên không thể tham gia
4	Thợ xây dựng khu vực phi chính thức	<ul style="list-style-type: none"> - Số ngày công giảm đi nhiều, nghỉ việc vào các tháng mùa mưa - Đơn giá ngày công tăng chậm - Mức độ chuyển việc, chuyển địa bàn nhiều hơn => giảm thu nhập 	<ul style="list-style-type: none"> - Vay của người thân, bạn bè - Nhận hỗ trợ từ gia đình để cố trụ lại - Quay về quê làm nông nghiệp, đơi chủ thầu gọi - Biểu tình, bãi công để đòi lương 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm mua sắm các vật dụng chưa cần thiết 	
II	Ngành bán lẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Lượng khách hàng giảm và lượng hàng khách mua cũng giảm, đặc biệt ở các mặt hàng tiêu dùng không phải là mặt hàng thiết yếu - Gia tăng cạnh tranh: nhiều lao động chuyển vào ngành bán lẻ - Bị mua nợ, mua chịu nhiều => giảm thu nhập và vốn 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng hóa mặt hàng, - Chuyển đổi mặt hàng, - Làm thêm công việc khác hoặc chuyển nghề khác - Lựa chọn đối tượng cho mua chịu 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm tiết kiệm, tích lũy - Cố gắng đảm bảo việc học tập cho con em tuy nhiên cũng cắt giảm một phần chi phí học thêm, ngoại khóa. - Giảm chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe - Giảm mua sắm các vật dụng chưa cần thiết - Vay mượn từ người thân, bạn bè khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Không được tham gia các chính sách về lao động, bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế - Ít thông tin về bảo hiểm xã hội tự nguyện nên không thể tham gia - Được vay ưu đãi nếu là hộ nghèo, cận nghèo, có con học cao đẳng, đại học
III	Ngành nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đầu ra nông sản biến động mạnh - Tư thương ép giá lúc vào vụ thu hoạch - Thiếu lao động lúc vào vụ sản xuất => thu nhập không ổn định, không yên tâm sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> - Vay vốn ngân hàng để đầu tư sản xuất - Mua chịu vật tư tại các đại lý. - Áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất - Thuê và cho thuê đất sản xuất - Đi làm mướn trong vùng - Thuê mướn lao động tạm thời khi vào vụ sản xuất - Làm thêm nghề khác lúc nông nhàn (đặt bẫy chim, bắt cá, chăn nuôi, ...) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nguồn thức ăn do chính các hộ gia đình tạo ra như rau, gạo, trứng, và khai thác từ tự nhiên - Giảm nguồn thức ăn phải đi mua đặc biệt là một số mặt hàng đắt tiền như thịt, cá... - Giảm mua sắm mới đồ đạc và vật dụng trong gia đình - Cố gắng đảm bảo việc học tập cho con em - Vay mượn từ người thân, bạn bè khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Bao tiêu sản phẩm, mua tạm trữ từ chính phủ và doanh nghiệp chưa hiệu quả vì giá mua thấp hơn giá thị trường - Cánh đồng mẫu lớn bắt đầu được triển khai - Đào tạo nghề nông thôn: chưa đáp ứng được nhu cầu, người dân nên không thu hút được học viên - Được vay ưu đãi nếu là hộ nghèo, cận nghèo, có con đi học - Được vay ưu đãi từ ngân hàng Nông nghiệp nếu có tài sản thế chấp - Không tham gia bảo hiểm tự nguyện và BHYT về phí đóng hàng năm quá khả năng.





V. Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh chiếm 0,6% diện tích và 6,6 % dân số so với cả nước, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là trung tâm và đi đầu trong cả nước về tốc độ tăng trưởng kinh tế. Thành phố là trung tâm tài chính ngân hàng lớn nhất Việt Nam, nơi thu hút vốn đầu tư nước ngoài mạnh nhất, đồng thời, cũng là nơi chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng thu ngân sách nhà nước.

Trong quá trình phát triển và hội nhập, thành phố Hồ Chí Minh luôn khẳng định vai trò là một trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ của cả nước; là hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, một trong ba vùng kinh tế trọng điểm lớn nhất nước và cũng là vùng động lực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn Nam Bộ và cả nước theo chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tuy nhiên, trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế chung những năm gần đây, kinh tế thành phố Hồ Chí Minh cũng bị ảnh hưởng dẫn tới suy giảm tăng trưởng.

Các địa bàn được chọn là 5 phường thuộc 3 quận Thủ Đức, Bình Tân và Quận 7. Trong đó, Thủ Đức và Bình Tân là 2 quận mới được thành lập, nằm rập ghành với khu vực nông thôn của thành phố Hồ Chí Minh. Hai địa bàn này tập trung đông lao động nhập cư và tập trung nhiều công trình xây dựng. Quận 7 là địa bàn tập trung nhiều khu chế xuất, công nghiệp và các công trình xây dựng phát triển mạnh trong hơn 10 năm trở lại đây.

TT	Nhóm	Cú sốc và tác động	Chiến lược đối phó về việc làm và thu nhập	Chiến lược đối phó với suy giảm thu nhập của hộ gia đình	Hỗ trợ từ chính phủ
I	Ngành xây dựng				
1	Doanh nghiệp xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm/không có công trình xây dựng mới - Bị nợ tiền công trình từ các dự án tồn đọng - Ngân hàng siết nợ các khoản vay. => Không trang trải được các khoản chi và trả lương công nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động mở rộng địa bàn sang các vùng khác, tìm kiếm các hợp đồng mới - Chấp nhận những hợp đồng nhỏ, công trình quy mô nhỏ. - Giảm số lượng công nhân tới mức thấp nhất có thể - Giảm mọi chi phí hành chính và chi phí khác liên quan 		
2	Chủ thầu	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng và quy mô công trình đều giảm - Chi phí đầu vào và các chi phí khác tăng hơn so với năm ngoái => giảm thu nhập	<ul style="list-style-type: none"> - Cắt giảm lao động thời vụ - Nhận công trình tại các địa bàn xa hoặc công trình nhỏ để có việc làm - Liên kết với các nhóm thợ khác để điều chuyển lao động - Nợ tiền các địa lý cung cấp vật tư 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm chi tiêu ăn uống. - Giảm chi tiêu xa xỉ (đi du lịch, mở tiệc) 	- Không nhận được hỗ trợ



TT	Nhóm	Cú sốc và tác động	Chiến lược đối phó về việc làm và thu nhập	Chiến lược đối phó với suy giảm thu nhập của hộ gia đình	Hỗ trợ từ chính phủ
3	Thợ xây dựng khu vực chính thức	<ul style="list-style-type: none"> - Không có tăng ca, thêm giờ - Có ngày phải tạm nghỉ vì không có việc - Đơn giá ngày công tăng chậm, thấp hơn thợ tự do khu vực phi chính thức - Bị nợ lương, chậm lương => giảm thu nhập 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm tiền gửi về quê - Tìm việc làm khác - Đi các tỉnh khác tìm việc: Long An, Bình Dương, Đồng Nai... - Chuyển từ khu vực chính thức sang phi chính thức - Chuyển nghề khác (bán hàng rong, vé số) - Sử dụng tiền tiết kiệm - Vay của người thân, bạn bè - Nhận hỗ trợ từ gia đình để cố trụ lại - Quay về quê làm nông nghiệp, đờn chủ thầu gọi 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm tiết kiệm, tích lũy - Cố gắng đảm bảo việc học tập cho con em tuy nhiên cũng cắt giảm một phần chi phí học thêm, ngoại khóa. - Giảm chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe - Giảm mua sắm các vật dụng chưa cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Lao động thời vụ nên không được tham gia các chính sách về lao động, bảo hiểm xã hội - Ít thông tin về bảo hiểm xã hội tự nguyện nên không thể tham gia
4	Thợ xây dựng khu vực phi chính thức	<ul style="list-style-type: none"> - Số ngày công giảm đi nhiều, nghỉ việc vào các tháng mùa mưa - Đơn giá ngày công tăng chậm - Mức độ chuyển việc, chuyển địa bàn nhiều hơn => giảm thu nhập 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận hỗ trợ từ gia đình để cố trụ lại - Quay về quê làm nông nghiệp, đờn chủ thầu gọi 		
II	Ngành bán lẻ				
1	Tiểu thương	<ul style="list-style-type: none"> - Sức mua giảm, đặc biệt ở các mặt hàng không phải thiết yếu - Bị cạnh tranh mạnh bởi nhóm siêu thị và bán hàng rong - Bị mua nợ, mua chịu nhiều - Rơi vào vay nặng lãi của tín dụng đen => giảm thu nhập và vốn 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng hóa mặt hàng, - Chuyển đổi mặt hàng, - Làm thêm công việc khác hoặc chuyển nghề khác - Lựa chọn đối tượng cho mua chịu - Vay mượn từ các nguồn khác nhau kể cả vay nặng lãi 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm tiết kiệm, tích lũy - Cố gắng đảm bảo việc học tập cho con em. - Giảm chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe - Giảm mua sắm các vật dụng chưa cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Không được tham gia các chính sách về lao động, bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế - Ít thông tin về bảo hiểm xã hội tự nguyện nên không thể tham gia - Được vay ưu đãi nếu là hộ nghèo, cận nghèo, có con học cao đẳng, đại học
2	Người bán hàng rong	<ul style="list-style-type: none"> - Sức mua giảm - Bị cạnh tranh do số người bán lẻ tăng lên 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi mặt hàng, lựa chọn những loại dễ tiêu thụ - Tăng thời gian bán hàng - Giảm tiền gửi về quê 	<ul style="list-style-type: none"> - Cắt giảm tối đa chi phí sinh hoạt, chấp nhận sống trong các khu trọ giá rẻ - Gửi con về quê 	<ul style="list-style-type: none"> - Không được tham gia các chính sách về lao động, bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế - Được vay ưu đãi nếu là hộ nghèo, cận nghèo, có con học cao đẳng, đại học - Không đủ khả năng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm y tế

TÀI LIỆU THAM KHẢO



- Bảo hiểm xã hội Việt Nam – Báo cáo tổng kết 1 năm thực hiện Nghị quyết 70/NQ-CP;
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội – Báo cáo tổng kết 1 năm thực hiện Nghị quyết 70/NQ-CP;
- Bộ Y tế - Báo cáo tổng kết 1 năm thực hiện Nghị quyết 70/NQ-CP;
- Tổng cục thống kê – Số liệu điều tra lao động Việc làm 2012, 2013;
- Trung tâm Phân tích dự báo (CAF) – Báo cáo RIM 2009, 2010, 2011;
- UBND TP Hà Nội, tỉnh Nam Định, tỉnh Thanh Hóa, TP Hồ Chí Minh, tỉnh Long An – Báo cáo đánh giá tình hình phát triển kinh tế xã hội các năm 2011, 2012, 2013 (dự thảo);
- Viện Khoa học Lao động và Xã hội (ILSSA) – Báo cáo Xu hướng Lao động xã hội 2012, 2013.



MOLISA

MINISTRY OF LABOUR – INVALIDS AND SOCIAL AFFAIRS (MOLISA)

Head Office: 12 Ngo Quyen Str, Hoan Kiem District, Ha Noi, Viet Nam

Tel: (04) 62703613- (04)62730615 | **Fax:** (04) 62703609

Email: banbientap@molisa.gov.vn | **Web:** <http://www.molisa.gov.vn/en/>



EMBASSY OF IRELAND, 2ND FLOOR, SENTINEL PLACE

Add: 41A Ly Thai To, Hoan Kiem District, Ha Noi, Viet Nam

Tel: +84-4-3974-3291, **Fax:** +84-4-3974-3295



UNITED NATIONS VIET NAM

Add: No. 25 - 29, Phan Boi Chau, Hoan Kiem, Ha Noi

Tel: +84 4 3942 1495 | **Fax:** +84 4 3942 2267

Email: info@un.org.vn | **Web:** <http://vn.one.un.org/>

Follow us:

- www.facebook.com/uninvietnam
- www.youtube.com/unvietnam



*Empowered lives.
Resilient nations.*

Contact information

Address: 25-29 Phan Boi Chau, Ha Noi, Viet Nam

Tel: (84-4) 3942 1495 | **Fax:** (84-4) 3942 2267

Email: registry.vn@undp.org

Website: <http://www.vn.undp.org/>

Follow us:

www.facebook.com/undpvietnam



Contact information

Address: 81A Tran Quoc Toan, Hoan Kiem, Ha Noi

Tel: +84 439425706 - 11 | **Fax:** +84 439425705

Email: hanoi.registry@unicef.org

Website: <http://www.unicef.org/vietnam>

Follow us:

www.facebook.com/unicefvietnam

www.youtube.com/unicefvietnam